



THÍCH ỨNG LINH HOẠT TĂNG TRƯỞNG VỮNG VÀNG



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	08
Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi	10
Quá trình hình thành và phát triển	16
Thông điệp Ban Lãnh đạo	18
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	20
Sơ đồ công nghệ và chu trình sản xuất Nhà máy lọc dầu Dung Quất	22
Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý	28
Định hướng phát triển	42
Quản trị rủi ro	44

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	78
Tình hình tài chính	84
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	87
Kế hoạch phát triển trong tương lai	88

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	52
Tổ chức nhân sự	64
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	66
Tình hình tài chính	69
Thông tin cổ phần	72

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	100
Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc	103
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	104

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị	110
Báo cáo của Ban Kiểm soát	118
Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	126

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	166
Báo cáo kiểm toán độc lập	168
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	170
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	172
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	174
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	175

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan báo cáo phát triển bền vững	130
Kinh tế	136
Môi trường	138
Xã hội	152
Các mục tiêu môi trường – xã hội 2022	161
Bảng tham chiếu GRI	162





THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Công ty: Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

BSR: Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Tập đoàn DKVN: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Nhà máy: Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng Cổ đông

HĐQT: Hội đồng quản trị

Ban TGD: Ban Tổng Giám đốc

BĐH: Ban Điều hành

TGD: Tổng Giám đốc

BKS: Ban Kiểm soát

BSR-BF: Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung

PV Building: Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

PMS: Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí

PVOS: Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam

NMLD: Nhà máy lọc dầu

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

NLĐ: Người lao động

ASXH: An sinh xã hội

SXKD: Sản xuất kinh doanh

PCCC: Phòng cháy chữa cháy

CHCN: Cứu hộ cứu nạn

ATSKMT: An toàn sức khỏe môi trường

NLSH: Nhiên liệu sinh học

BDSC: Bảo dưỡng sửa chữa

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

MTV: Một thành viên

NSNN: Ngân sách Nhà nước

LSNT: Lợi nhuận sau thuế

VĐL: Vốn điều lệ

NCMR: Nghiên cứu mở rộng

XDCB: Xây dựng cơ bản

RPBM: Rà phá bom mìn

SAO: Quan sát hành vi an toàn

TSCĐ: Tài sản cố định

TV: Thành viên

TA5: Bảo dưỡng tổng thể lần 5

HPXT: Hoá phẩm xúc tác

ĐTM: Đánh giá tác động môi trường

CMMS: Hệ thống Quản lý bảo trì thiết bị

Vol: Thẻ tích



01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	08	Sơ đồ công nghệ và chu trình sản xuất Nhà máy lọc dầu Dung Quất	22
Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi	10	Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý	28
Quá trình hình thành và phát triển	16	Định hướng phát triển	42
Thông điệp Ban Lãnh đạo	18	Quản trị rủi ro	44
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	20		



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

**Công ty cổ phần
Lọc hóa dầu Bình Sơn**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/06/2008, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 08/11/2021.

Vốn điều lệ

31.004.996.160.000 đồng

Địa chỉ trụ sở chính:

**208 Đại lộ Hùng Vương, phường
Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam**

Website:

www.bsr.com.vn

Điện thoại:

0255 3825825

Số fax:

0255 3825826

Mã cổ phiếu:

BSR



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu khu vực và có vị thế quốc tế trong lĩnh vực năng lượng và lọc hóa dầu.

Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm lọc hóa dầu với tiêu chuẩn chất lượng cao, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và là động lực cho sự phát triển kinh tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Triết lý kinh doanh

Đồng hành với khách hàng bằng sự chân thành và cùng tạo giá trị

BSR tin rằng thỏa mãn nhu cầu khách hàng là nền tảng của sự thành công trong sản xuất kinh doanh. Mọi hoạt động của BSR đều xuất phát từ sự chân thành, chủ động lắng nghe, cùng tạo giá trị và mang lại giá trị cho nhau.

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự thành công và tiến bộ

Ở BSR, nguồn nhân lực là trụ cột của hệ thống quản trị. Mọi thành công đều phụ thuộc vào yếu tố con người. Chúng tôi tin rằng thành tựu cao nhất sẽ đạt được khi mỗi một người biết cống hiến trí tuệ và sức lực của mình một cách tự nguyện, hài hòa và chung chí hướng. Mọi ứng xử của BSR đều hết sức nhân văn để người lao động phát huy cao nhất năng lực của mình, đồng thời khuyến khích nhân viên hướng đến thành tựu cao nhất một cách tự nguyện.

Quản trị hiện đại và vận hành xuất sắc

BSR thực hiện chuyển đổi số và cập nhật các xu hướng quản trị hiện đại để nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị, chủ động thích ứng với sự thay đổi và biến động vĩ mô; quyết tâm vận hành xuất sắc bằng cách không ngừng tối ưu các quy trình hoạt động, các giải pháp, nâng cấp và hiện đại hóa công nghệ, linh hoạt trong kinh doanh và nâng tầm văn hóa.

Giá trị cốt lõi



CÁC GIẢI THƯỞNG

<p>Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2010</p> <p>Đã có thành tích xuất sắc trong quá trình chạy thử và vận hành Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc</p>	2010	<p>Cờ thi đua của Chính phủ năm 2013</p> <p>Đã có thành tích xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2013 của ngành Công Thương</p>
<p>Huân chương Lao động hạng nhì năm 2014</p> <p>Đã có thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc</p>	2014	<p>Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2015</p> <p>Danh hiệu TOP100 thương hiệu Việt Nam trong hội nhập kinh tế Quốc tế</p>
<p>Doanh nghiệp đạt chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2015</p>	2015	<p>Giải thưởng vàng Chất lượng Quốc gia năm 2016</p>
<p>Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2018</p> <p>Danh hiệu TOP100 thương hiệu Việt Nam trong hội nhập kinh tế Quốc tế</p>	2018	<p>Bảng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương năm 2019</p> <p>Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019</p>
<p>Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi</p> <p>Đã có thành tích xuất sắc trong tham gia đóng góp nguồn lực vật chất hỗ trợ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</p>	2021	<p>Giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ</p> <p>Chủ tịch Nước ký quyết định trao giải thưởng cho Cụm công trình "Các giải pháp ứng dụng KHCN tối ưu hóa quá trình sản xuất của NMLD Dung Quất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của BSR"</p>

MỘT NĂM NHÌN LẠI

2021

11.379 tỷ đồng

Nộp ngân sách Nhà nước

102.130 tỷ đồng

Tổng doanh thu

6.683 tỷ đồng

LNST Hợp nhất

6 Loại dầu thô mới

Được thử nghiệm thành công

6.528.804 tấn

Sản lượng sản xuất



1 Duy trì hoạt động SXKD liên tục

Mặc dù một số thời điểm kho chứa bị quá tải, song Nhà máy lọc dầu Dung Quất vẫn duy trì được hoạt động liên tục. Dòng tiền không bị đứt gãy, góp phần hoàn thành kế hoạch của BSR/tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo nguồn thu cho NSNN và thu nhập, ổn định tâm lý người lao động.

2 Lợi nhuận sau thuế đạt kỷ lục

Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất đạt 6.683 tỷ đồng - cao nhất kể từ sau cổ phần hóa. Giá trị lợi nhuận sau thuế/tấn sản phẩm xuất bán (quy về cùng mặt bằng ưu đãi thuế nhập khẩu của năm 2017) cao nhất từ khi đưa Nhà máy vào hoạt động.

3 Kinh doanh khởi sắc

Công ty thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, chủ động đánh giá, nhận định nhu cầu/loại sản phẩm mang lại giá trị kinh tế để linh hoạt trong sản xuất và xây dựng cơ chế bán hàng phù hợp nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho BSR.

4 Số hóa mạnh mẽ

Xây dựng hệ thống ERP, áp dụng văn phòng điện tử (Eoffice), các báo cáo quản trị thông minh v.v. góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị, khai thác và phát huy hiệu quả các hệ thống/thiết bị đã đầu tư.

5 Khát khao sáng tạo

Hơn 1.350 ý tưởng cải tiến được đăng ký. Đạt 01 giải thưởng cấp Nhà nước, 02 giải thưởng của VIFOTEC, 01 giải thưởng của Bộ Công Thương, 07 giải thưởng Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 12 (01 Nhất, 01 Nhì, 03 Ba và 02 Khuyến khích), 08 giải thưởng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (01 Đặc biệt, 06 giải A và 01 giải B).

6 Phá vỡ giới hạn

Trong nhiều năm trước, việc vận hành phân xưởng Cracking xúc tác (RFCC) ở công suất thấp luôn là thách thức cho BSR. Tuy nhiên, năm 2021, BSR đã thành công khi vận hành ổn định ở 70% công suất thiết kế - tiệm cận với công suất thiết kế tối thiểu (60%).

7 Gắn kết hiệu quả

Các cổ đông, trong đó có Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng các Đơn vị trong ngành, các Đối tác trong chuỗi liên kết giá trị luôn đồng hành, thấu hiểu và chia sẻ những khó khăn của BSR, hỗ trợ hiệu quả để BSR vượt qua khó khăn và đạt kết quả ngoài mong đợi.

8 Nâng cao vai trò quản trị danh mục đầu tư

Kịp thời đề xuất điều chỉnh chủ trương triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất và phương án xử lý các tồn đọng liên quan đến Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF).

9 Tái tạo văn hóa BSR

Không ngừng xây dựng và hoàn thiện văn hóa nền tảng. Củng cố và làm mới văn hóa BSR với 5 giá trị cốt lõi: “Chính trực - Chuyên nghiệp - Đoàn kết - Sáng tạo - Hiệu quả”.

10 Trách nhiệm cộng đồng

Năm 2021, BSR tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội trên 85 tỷ đồng. Trong đó, số tiền ủng hộ Quỹ vắc-xin của Chính phủ, tặng các trang thiết bị y tế phòng chống Covid-19, hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 là gần 35 tỷ đồng.

10 DẤU ẤN NỔI BẬT

Năm 2021, BSR gặp rất nhiều khó khăn thách thức, nhưng cũng là năm BSR vượt “bão kép” thành công. Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày
09/05/2008

Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn được thành lập theo Quyết định số 1018/QĐ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Ngày
05/06/2008

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 (cấp lần đầu).

Ngày
22/02/2009

BSR tổ chức đón dòng sản phẩm thương mại đầu tiên của NMLD Dung Quất. Đây là sự kiện quan trọng, đánh dấu mốc lịch sử của ngành Dầu khí Việt Nam.

Ngày
06/01/2011

Khánh thành và chính thức đưa NMLD Dung Quất đi vào vận hành thương mại, kết thúc quá trình xây dựng, vận hành chạy thử.

Ngày
15/04/2014

NMLD Dung Quất vận hành 600 ngày đêm liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả.

Ngày
24/12/2014

BSR vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch Nước trao tặng.

Ngày
08/12/2017

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1978/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Ngày
17/01/2018

BSR tổ chức thành công đợt bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Ngày
01/03/2018

Cổ phiếu BSR bắt đầu giao dịch trên hệ thống UPCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày
01/07/2018

Chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên giao dịch: Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Ngày
22/02/2019

Đánh dấu 10 năm BSR sản xuất và xuất bán các sản phẩm ra thị trường đảm bảo chất lượng, góp phần phát triển kinh tế và ổn định an ninh năng lượng Quốc gia.

Năm
2020

Thực hiện thành công Bảo dưỡng tổng thể lần thứ 4. Đạt được 04 chỉ tiêu "An toàn - Chất lượng - Tiến độ - Tiết giảm chi phí" trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần 2 trong cả nước và đặc biệt ở miền Trung.

Năm
2021

BSR đã vững vàng vượt qua ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 lên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, với lợi nhuận sau thuế cả năm hơn 6,7 nghìn tỷ đồng, năm 2021 được ghi nhận là cột mốc kỷ lục về lợi nhuận của BSR sau cổ phần hóa.



THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

BSR đã thực hiện thành công mục tiêu kép “Vừa chống dịch hiệu quả, vừa duy trì sản xuất liên tục”

”



Kính gửi Quý Cổ đông/Nhà đầu tư!

Năm 2021 đã khép lại. Một năm có rất nhiều khó khăn, thách thức với Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần thứ 4 trong bối cảnh các biến chủng Delta/Omicron lây lan rất nhanh và nguy hiểm. Nhiều địa phương áp dụng giãn cách xã hội trong một thời gian dài khiến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước giảm mạnh, tồn kho của Nhà máy lọc dầu Dung Quất tăng cao kỷ lục.

Vì vậy, nếu như năm 2020, giá dầu sụt giảm liên tục là nỗi ám ảnh với doanh nghiệp thì năm 2021 công tác tiêu thụ sản phẩm là thách thức lớn không kém. Kho của BSR và các đầu mối kinh doanh xăng dầu đều có giai đoạn quá tải nên đã có những lúc phương án dừng vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất được tính đến. Chấp nhận đứt gãy chuỗi sản xuất hay tiếp tục duy trì, đầu là giải pháp ít tổn thất nhất?

Đối mặt với khó khăn, và phải thực hiện đồng thời sứ mệnh đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước song song với thực thi trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh trước cổ đông, BSR đã chủ động triển khai đồng loạt các giải pháp quản trị biến động như vận hành Nhà máy ở công suất tối thiểu, tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm, huy động các kho bên ngoài để gửi sản phẩm, áp dụng linh hoạt các chính sách bán hàng, tích cực đàm phán với các đối tác để hoán đổi hoặc giãn tiến độ nhận các lô dầu thô v.v. Các biện pháp phòng chống dịch ở cấp độ cao nhất và phương án “3 tại chỗ” cũng được thiết lập kịp thời.

Vì vậy, BSR đã thực hiện thành công mục tiêu kép “Vừa chống dịch hiệu quả, vừa duy trì sản xuất liên tục”. Kết thúc năm 2021, Công ty đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh. Tổng doanh thu đạt 102,1 nghìn tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 11.379 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 6.683 tỷ đồng. Những thành công đạt được là nhờ sự hỗ trợ tích cực các cấp chính quyền, của Quý Cổ đông; sự nỗ lực, đoàn kết, đồng lòng, sáng tạo của Ban lãnh đạo và tập thể người lao động Công ty.

Bước sang năm 2022, khó khăn về dịch bệnh và suy giảm của thị trường đã tạm qua đi và đã xuất hiện những triển vọng tích cực từ đà hồi phục của kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Việc mở cửa trở lại của tất cả các ngành nghề sẽ góp phần đưa nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng lên - đây là tiền đề thuận lợi giúp các doanh nghiệp lọc hóa dầu hồi phục.

Tuy nhiên, năm 2022 vẫn còn rất nhiều trở ngại, dù dịch bệnh đã cơ bản được kiểm soát nhưng vẫn cần đề phòng những biến chủng mới; thị trường dầu thô và sản phẩm chịu tác động mạnh mẽ của các tình huống biến động -

không chắc chắn - thay đổi - mơ hồ (VUCA), những bất ổn về địa chính trị ở các khu vực,... Với trí tuệ, sự sáng tạo cùng bản lĩnh dám nghĩ, dám làm và biết làm, BSR tin tưởng sẽ hoàn thành các nhiệm vụ được Quý cổ đông giao phó.

Trong năm tới, BSR sẽ tiếp tục tập trung vận hành nhà máy lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định ở công suất tối ưu với chế độ vận hành và cơ cấu sản phẩm phù hợp, nâng cao chất lượng công tác dự báo thị trường, tình hình dịch bệnh nhằm xây dựng phương án mua dầu thô một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty sẽ chủ động, linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm phù hợp với thị trường và năng lực của BSR, và triển khai hiệu quả công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm phù hợp với tình hình nguồn lực, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Trong đó, BSR đặc biệt chú trọng nghiên cứu, xác định phương án đầu tư khả thi cho Dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải tại Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, BSR sẽ đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến, nghiên cứu, ứng dụng, đa dạng hóa sản phẩm mới có giá trị cao hơn, tiếp tục công tác tiết giảm, tiết kiệm chi phí và quản trị dòng tiền, nâng cao năng lực quản trị, tăng cường số hóa hệ thống quản lý; xây dựng văn hóa nền tảng BSR với hệ giá trị cốt lõi “Chính trực - Chuyên nghiệp - Đoàn kết - Sáng tạo - Hiệu quả”.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của Quý Cổ đông, những người đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn trong hành trình hướng đến tương lai bền vững và thịnh vượng. Với những nỗ lực vượt khó trong năm 2021 và các giải pháp linh hoạt, sáng tạo đã đề ra cho năm 2022, chúng tôi tin tưởng BSR sẽ hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ông Nguyễn Văn Hội
Chủ tịch HĐQT

Ông Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

01	02	03	04
Sản xuất dầu mỏ tinh chế.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
05	06	07	08
Cung ứng và quản lý nguồn lao động.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.	Sửa chữa thiết bị khác.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
09	10	11	12
Giáo dục khác chưa được phân vào đâu.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
13	14	15	16
Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.	Bán buôn chuyên doanh khác.	Sửa chữa máy móc, thiết bị.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
17			
Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.			

ĐỊA BÀN KINH DOANH



TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY

Số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

NHÀ MÁY

Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

ĐỊA BÀN TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

Chủ yếu là thị trường nội địa Việt Nam.

TRONG NƯỚC

Các sản phẩm xăng dầu, nhiên liệu phản lực Jet-A1, hạt nhựa Polypropylene và khí hóa lỏng LPG của NMLD Dung Quất.

NƯỚC NGOÀI

Sản phẩm FO, MFO.

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ VÀ CHU TRÌNH SẢN XUẤT NMLD DUNG QUẤT

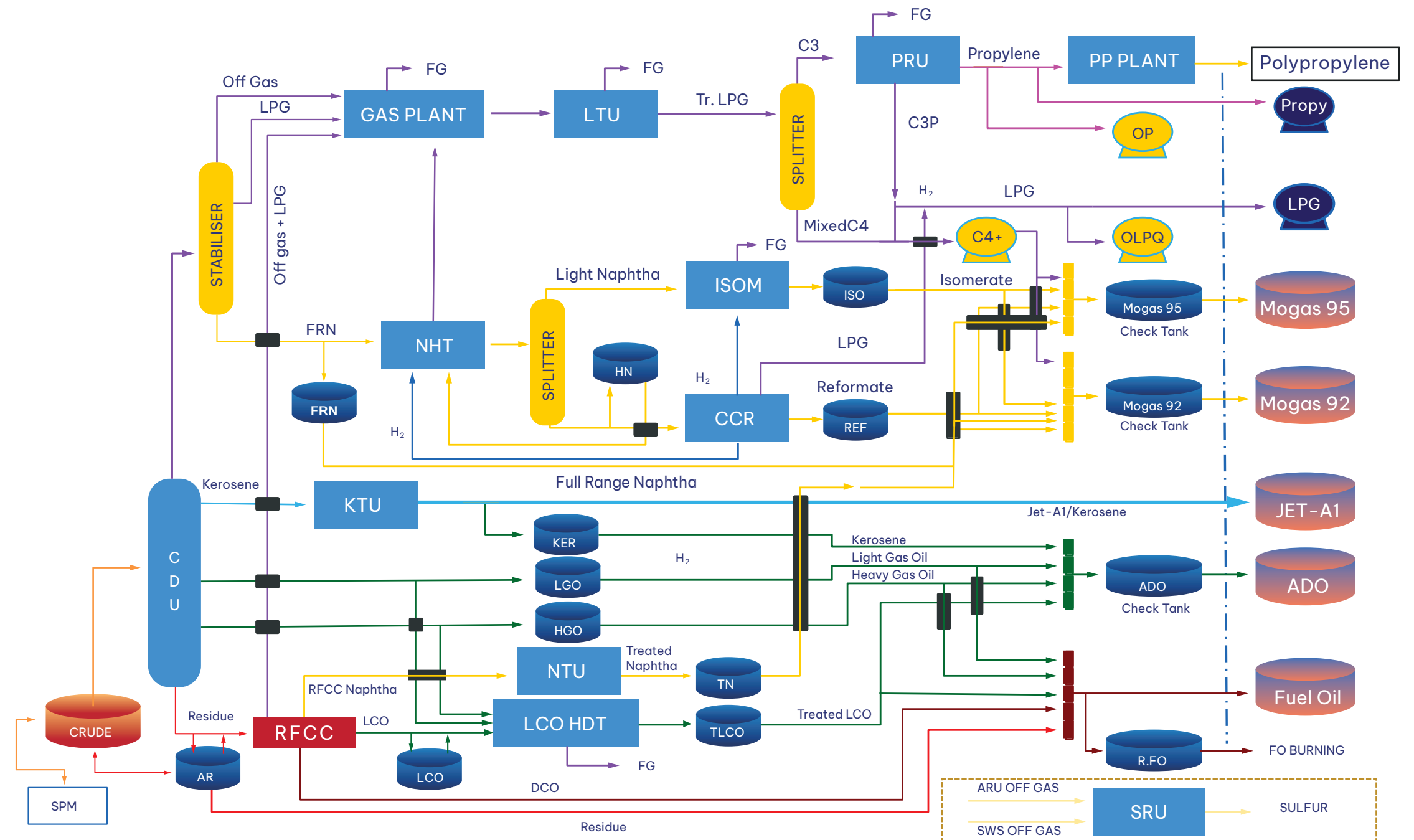
Sơ đồ công nghệ NMLD Dung Quất

2009
 NMLD Dung Quất được đưa vào vận hành năm 2009.

CÔNG SUẤT
6.5 triệu tấn dầu thô/năm

PETROVIETNAM BSR

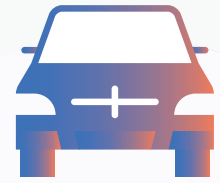
Nhà máy được thiết kế chi tiết và xây dựng, chạy thử bởi Tổ hợp Nhà thầu Technip (Pháp), JGC (Nhật) và các nhà thầu phụ nước ngoài khác.



TÊN PHẦN XỬ LÝ	VIẾT TẮT	CHỨC NĂNG	CÔNG SUẤT THIẾT KẾ (THÙNG/NGÀY)
Phần xử lý chưng cất dầu thô (Crude Distillation Unit)	CDU	Phân tách dầu thô thành các phân đoạn sản phẩm/sản phẩm trung gian khác nhau	148.000
Phần xử lý xử lý Naphtha bằng Hydro (Naphtha Hydrotreater Unit)	NHT	Tách loại S, N, nước, kim loại khỏi dòng Naphtha	23.500
Phần xử lý Reforming xúc tác (Continuous Catalytic Reformer Unit)	CCR	Sản xuất cấu tử xăng có chỉ số octan cao	21.100
Phần xử lý xử lý sản phẩm nhiên liệu phân lực (Kerosene Treatment Unit)	KTU	Loại bỏ S, axit Naphthenic, nước khỏi sản phẩm nhiên liệu phân lực	10.000
Phần xử lý cracking xúc tác (Residue Fluidized Catalytic Cracking Unit)	RFCC	Chuyển hóa cặn từ phần xử lý chưng cất dầu thô thành các sản phẩm như xăng, LPG...	69.700
Phần xử lý xử lý khí hóa lỏng LPG (LPG Treater Unit)	LTU	Xử lý LPG tạo thành từ phần xử lý RFCC	21.000
Phần xử lý xử lý RFCC Naphtha	NTU	Xử lý Naphtha tạo thành từ phần xử lý RFCC	45.000
Phần xử lý thu hồi Propylene (Propylene Recovery Unit) (Kg/hr)	PRU	Thu hồi Propylene để sản xuất Polypropylene	77.240
Phần xử lý đồng phân hóa (Light Naphtha Isomerization Unit)	ISOM	Đồng phân hóa hydrocarbon để tạo cấu tử xăng có chỉ số octan cao	6.500
Phần xử lý xử lý LCO bằng hydro (LCO Hydrotreater Unit) (Kg/hr)	LCO-HDT	Loại bỏ N, S và kim loại bằng hydro nhằm làm sạch LCO	165.000
Nhà máy sản xuất nhựa Polypropylene (Polypropylene Plant) (tấn/năm)	PP	Sản xuất nhựa Polypropylene từ Propylene	150.000
Phần xử lý xử lý nước chua (Sour Water Stripping Unit)	SWS	Loại bỏ hóa khí chua khỏi dòng nước chua	82 (m3/h)
Phần xử lý tái sinh Amine (Amine Regeneration Unit)	ARU	Làm sạch, tái sinh Amine	102 (m3/h)
Phần xử lý trung hòa kiềm (Spent Caustic Neutralisation Unit)	CNU	Trung hòa kiềm	1.5 (m3/h)
Phần xử lý thu hồi lưu huỳnh 1 (Sulfur Recovery Unit 1)	SRU	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	5 (tấn/ngày)
Phần xử lý thu hồi lưu huỳnh 2 (Sulfur Recovery Unit 2)	SRU2	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	13 (tấn/ngày)



ỨNG DỤNG CỦA SẢN PHẨM LỌC HOÁ DẦU TRONG ĐỜI SỐNG



Nhiên liệu cho phương tiện vận tải (xe máy, máy bay...)



Máy tính, điện thoại, ... được sản xuất từ các sản phẩm hoá dầu



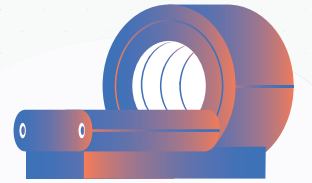
Sợi tổng hợp sử dụng trong ngành may mặc



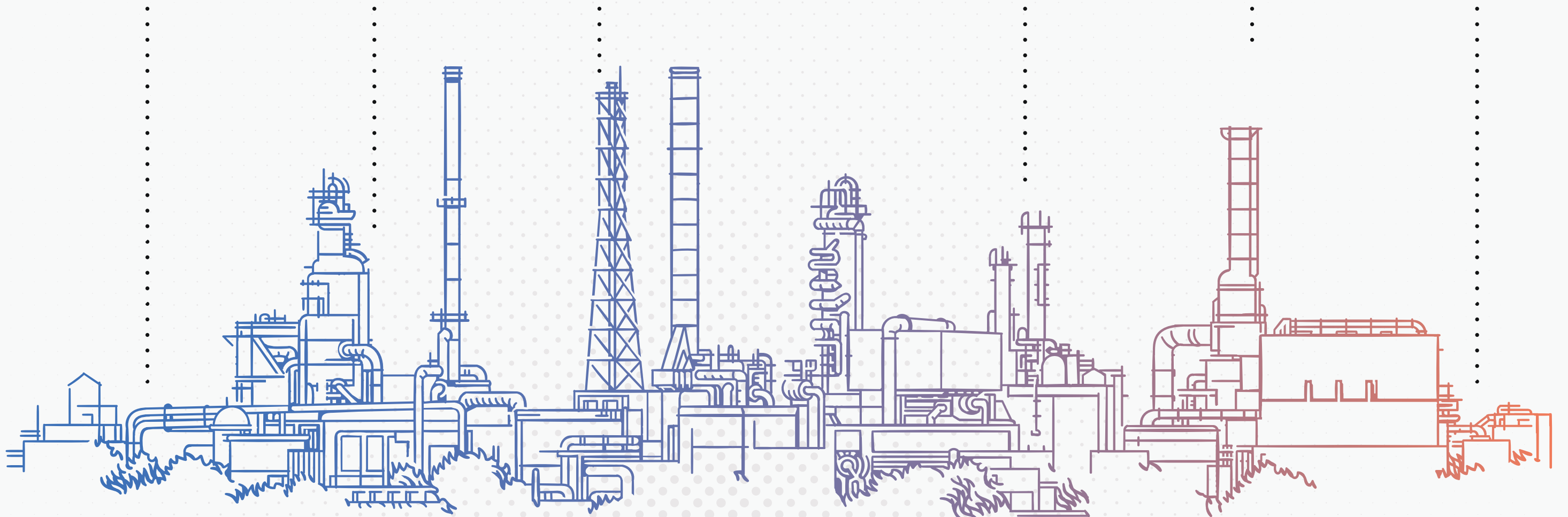
Thành phần tạo ra bút màu, hồ dán...



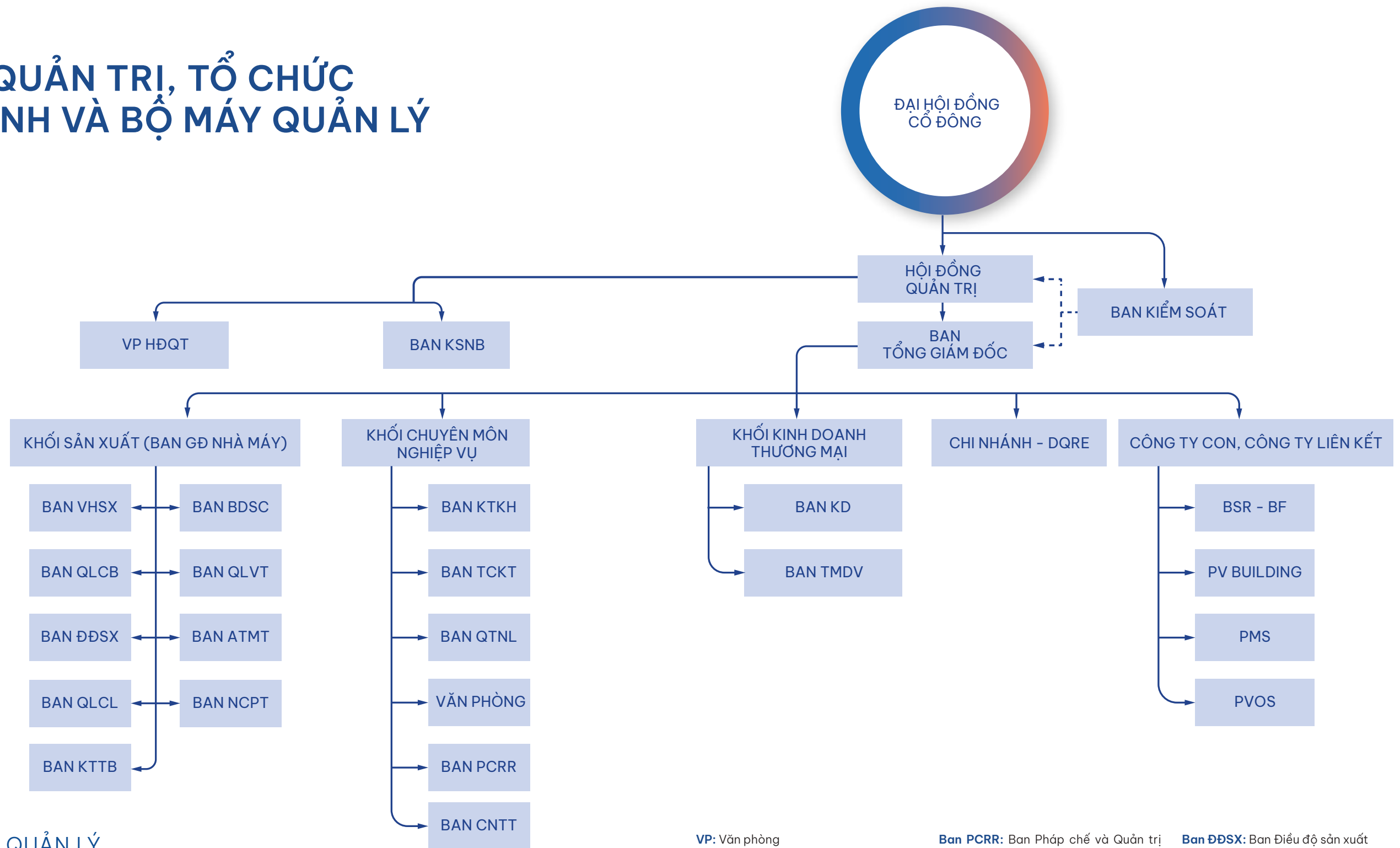
Nguyên liệu trong mỹ phẩm, dầu gội đầu



Thành phần cấu tạo máy MRI, máy tạo nhịp tim...



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị doanh nghiệp của BSR hoạt động với cơ cấu bộ máy quản lý như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các Ban chuyên môn, Nhà máy, Chi nhánh;
- Các công ty con, công ty liên kết.

VP: Văn phòng

VP HĐQT: Văn phòng Hội đồng quản trị

Chi nhánh - DQRE: Chi nhánh - Ban Quản lý Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Ban KTKH: Ban Kinh tế Kế hoạch

Ban TCKT: Ban Tài chính Kế toán

Ban QTNL: Ban Quản trị và phát triển nguồn nhân lực

Ban PCRR: Ban Pháp chế và Quản trị rủi ro

Ban ATMT: Ban An toàn môi trường

Ban NCPT: Ban Nghiên cứu phát triển

Ban KD: Ban Kinh doanh

Ban TMDV: Ban Thương mại dịch vụ

Ban VHSX: Ban Vận hành sản xuất

Ban BDSC: Ban Bảo dưỡng sửa chữa

Ban ĐDSX: Ban Điều độ sản xuất

Ban QLCL: Ban Quản lý chất lượng

Ban KTTB: Ban Kiểm tra thiết bị

Ban QLVT: Ban Quản lý vật tư

Ban KSNB: Ban Kiểm soát nội bộ

Ban QLQB: Ban Quản lý cảng biển



Danh sách Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Văn Hội

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1968 / **Quốc tịch:** Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế đường ống, bể chứa

Quá trình công tác

- 01/2002 - 02/2003: Phó Trưởng phòng TCHC, Trợ lý Phó Tổng Giám đốc thứ 1 Công ty liên doanh NMLD Việt Nga.
- 03/2003 - 01/2007: Trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 01/2007 - 10/2008: Trưởng phòng Giám sát kỹ thuật, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 10/2008 - 07/2010: Phó Trưởng ban phụ trách xây dựng, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 07/2010 - 04/2013: Chủ tịch HĐQT Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.
- 04/2013 - 07/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 - 01/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 02/2020 - đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Bùi Ngọc Dương

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGD
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1975 / **Quốc tịch:** Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật hóa dầu
Kỹ sư Lọc hóa dầu

Quá trình công tác

- 08/2000 - 06/2008: Chuyên viên Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 06/2008 - 01/2010: Chuyên viên Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 01/2010 - 08/2014: Phó Trưởng phòng Dự án, Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 09/2014 - 05/2018: Phó Trưởng ban Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 06/2018 - 04/2019: Phó Trưởng ban phụ trách Ban Khí & Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 04/2019 - 01/2020: Trưởng Ban Khí và Chế biến Dầu khí (Ban Công nghiệp Khí và Lọc hóa dầu), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 02/2020 - 11/2021: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 11/2021 - 12/2021: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 12/2021 - đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Bùi Minh Tiến

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGD (Đã miễn nhiệm TV HĐQT từ 29/12/2021)

Năm sinh: 1969 / **Quốc tịch:** Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Cử nhân Khoa học Vật lý

Quá trình công tác

- 05/2007 - 12/2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam.
- 01/2011 - 12/2013: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.
- 12/2013 - 01/2015: Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 01/2015 - 06/2018: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 06/2018 - 12/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 12/2018 - 11/2021: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 11/2021 - 12/2021: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.





Ông Nguyễn Hải Âu

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1973 / **Quốc tịch:** Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Luật sư.

Quá trình công tác

- 12/1998 - 06/2001: Chuyên viên Phòng Hợp tác Quốc tế, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).
- 06/2001 - 12/2007: Chuyên viên Ban Luật, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 01/2008 - 01/2009: Chuyên viên chính Ban Luật và Quan hệ Quốc tế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 02/2009 - 01/2012: Phó Trưởng ban Ban Luật và Quan hệ Quốc tế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 02/2012 - 05/2018: Phó Trưởng ban Pháp chế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 06/2018 - 04/2019: Chuyên viên chính Ban Pháp chế và Kiểm tra, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 04/2019 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Hà Đổng

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1965 / **Quốc tịch:** Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ máy và thiết bị công nghiệp Dầu khí

Quá trình công tác

- 08/1999 - 05/2001: Kỹ sư trưởng, Phó Trưởng phòng Cơ khí năng lượng, Công ty liên doanh NMLD Việt Nga.
- 06/2001 - 02/2010: Phó Trưởng phòng Công nghệ, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 03/2010 - 03/2014: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.
- 03/2014 - 08/2017: Giám đốc Công ty cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.
- 08/2017 - 06/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.
- 07/2018 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Nguyễn Bá Phước

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1978 / **Quốc tịch:** Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kết cấu Kỹ sư công trình biển dầu khí

Quá trình công tác

- 07/2002 - 06/2006: Trưởng nhóm kết cấu; Tổ phó Dự án, Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 07/2006 - 12/2007: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Hội tụ Quốc tế (AFFLUX).
- 01/2008 - 06/2009: Điều phối viên dự án, Công ty CP thương mại Dầu khí (Petechim - PV Oil).
- 07/2009 - 05/2018: Đảm nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng Ban, Ban Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 06/2018 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Khương Lê Thành

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT BSR-BF

Năm sinh: 1977 / **Quốc tịch:** Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Quá trình công tác

- 01/2002-09/2002: Kỹ sư đào tạo Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga.
- 09/2002-12/2008: Kỹ sư giám sát An toàn phòng Giám sát xây lắp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 12/2008 - 07/2009: Phó Trưởng phòng phụ trách phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và PCCC, Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2009 - 09/2016: Trưởng phòng Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và PCCC, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 09/2016 - 07/2018: Trưởng phòng Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và PCCC, Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 - 02/2020: Phó TGD Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 02/2020 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Danh sách Ban Tổng Giám đốc



Ông Bùi Ngọc Dương

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGD
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1975 / **Quốc tịch:** Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật hóa dầu
Kỹ sư Lọc hóa dầu

Quá trình công tác

- 08/2000 - 06/2008: Chuyên viên Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 06/2008 - 10/2010 Chuyên viên Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 01/2010 - 08/2014: Phó Trưởng phòng Dự án, Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 09/2014 - 05/2018: Phó Trưởng ban Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 06/2018 - 04/2019: Phó Trưởng ban phụ trách Ban Khí & Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 04/2019 - 01/2020: Trưởng Ban Khí và Chế biến Dầu khí (Ban Công nghiệp Khí và Lọc hóa dầu), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 02/2020 - 11/2021: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 11/2021 - 12/2021: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 12/2021 - đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Bùi Minh Tiến

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGD (Đã miễn nhiệm chức vụ TGD từ tháng 08/11/2021)

Năm sinh: 1969 / **Quốc tịch:** Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Cử nhân khoa học Vật lý

Quá trình công tác

- 05/2007 - 12/2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam.
- 01/2011 - 12/2013: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.
- 12/2013 - 01/2015: Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 01/2015 - 06/2018: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 06/2018 - 12/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau
- 12/2018 - 11/2021: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 11/2021 - 12/2021: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.





Ông Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1962 / Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản lý kinh tế, Thạc sĩ Kỹ thuật, Thạc sĩ Quản lý Kinh tế, Kỹ sư Tàu biển, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác

- 01/2008 - 06/2014: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).
- 07/2014 - 10/2015: Phó TGD Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans).
- 10/2015 - 07/2018: Phó TGD Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 - đến nay: Phó TGD Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Nghiêm Đức Dương

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1976 / Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý dự án, Kỹ sư công trình thủy

Quá trình công tác

- 12/2006 - 03/2009: Phó Trưởng phòng GSXL, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 03/2009 - 02/2010: Trưởng phòng GSXL, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 02/2010 - 02/2012: Phó Trưởng ban Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau.
- 02/2012 - 12/2014: Phó Trưởng ban Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu.
- 12/2014 - 04/2018: Phó Trưởng ban Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1, kiêm Đại biểu HĐND tỉnh Hậu Giang khóa IX 2016-2021.
- 05/2018 - 07/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, kiêm Trưởng ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất.



Ông Trần Đoàn Thịnh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1980 / Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý Kinh tế, Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Lọc hóa dầu

Quá trình công tác

- 02/2004 - 04/2009: Trợ lý Phó Trưởng ban Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 04/2009 - 06/2009: Phó Trưởng phòng TCHC, Công ty TNHH một thành viên Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 06/2009 - 08/2010: Phó Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Quản lý và phát triển Nhà Dầu khí (nay là Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí - PVBuilding).
- 08/2010 - 05/2011: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quản lý và phát triển Nhà Dầu khí.
- 05/2011 - 03/2019: Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.
- 03/2019 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Nguyễn Việt Thắng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1975 / Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế Kỹ sư Lọc hóa dầu

Quá trình công tác

- 10/1997 - 01/1999: Chuyên viên Ban QLDA NMLD Số 1 Dung Quất.
- 02/1999 - 02/2003: Chuyên viên Phòng Thương mại, Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga.
- 03/2003 - 12/2003: Chuyên viên Phòng Thương mại Hợp đồng, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 12/2003 - 03/2006: Trợ lý Trưởng ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 04/2006 - 11/2006: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 12/2006 - 11/2008: Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 11/2008 - 10/2015: Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 10/2015 - 04/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn, trực tiếp làm Trưởng ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất.
- 04/2018 - 05/2020: Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Dầu Việt Nam.
- 05/2020 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Bạch Đức Long

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1976 / Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác

- 10/2006 - 01/2008: Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn Môi trường Dầu Khí.
- 01/2008 - 08/2008: Phụ trách Tài chính kế toán Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn Môi trường Dầu Khí.
- 11/2008 - 04/2009: Chuyên viên đầu tư Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu Khí Việt Nam (PVFC) Sài Gòn.
- 05/2009 - 08/2010: Kế toán trưởng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn.
- 08/2010 - 05/2016: Kế toán trưởng Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam.
- 05/2016 - 06/2016: Phó Trưởng ban TCKT, Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 06/2016 - 02/2018: Phó Giám đốc chi nhánh, Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau - Ban QLDA chuyên ngành.
- 02/2018 - 05/2019: Phó Trưởng ban TCKT, Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau
- 05/2019 - đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban TCKT, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Danh sách Ban kiểm soát



Ông Phạm Ngọc Quý

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1973 / **Quốc tịch:** Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Cử nhân ngoại ngữ (Anh văn)

Quá trình công tác

- 08/2000 – 02/2003: Chuyên viên Tài chính tín dụng, Công ty Liên doanh NMLD Việt – Nga (Vietross).
- 02/2003 – 10/2007: Chuyên viên Phòng Thương mại (từ 06/2005 là phòng Kế hoạch Hợp đồng) Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 10/2007 – 09/2010: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 09/2010 – 06/2018: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 – đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Hoàng Ngọc Xuân

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Năm sinh: 1982 / **Quốc tịch:** Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác

- 12/2009 – 12/2010: Trưởng Phòng Giao dịch, Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 12/2010 – 03/2012: Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa – Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 04/2012 – 04/2013: Trưởng Phòng Giao dịch, Phòng Giao dịch 02, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 05/2013 – 12/2013: Thư ký Phó Tổng Giám đốc, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 01/2014 – 06/2018: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 07/2018 – đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông Vũ Lê Huy

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên CNTT Dung Quất

Năm sinh: 1978 / **Quốc tịch:** Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác

- 11/2001 – 08/2008: Làm việc tại Công ty Tài chính Dầu khí và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 08/2008 – 07/2010: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 07/2010 – 01/2014: Kiểm soát viên chính tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.
- 01/2014 – 05/2015: Kiểm soát viên chuyên trách tại Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Công Thương (tháng 5/2014 Hàm Phó Vụ trưởng Bộ Công Thương).
- 06/2015 – 07/2015: Hàm Phó Vụ trưởng, Kiểm soát viên chuyên ngành phụ trách chung tại Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam.
- 08/2015 – đến nay: Kiểm soát viên tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.
- 07/2018 – đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) tại Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.





Công ty con

Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building)

Tên công ty: Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí
Vốn điều lệ đăng ký: 175.222.840.000 đồng

Trụ sở chính: Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
Cổ phiếu của PV Building (mã chứng khoán: PBT): đã giao dịch trên UPCOM từ ngày 18/01/2019 theo Thông báo số 43/TB-SGDHN ngày 14/01/2019 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4300429492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 02/04/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 19/08/2019
Số lượng cổ phần BSR sở hữu: 14.589.284 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 83,26% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại dịch vụ bao bì hạt nhựa, cung cấp dịch vụ hậu cần,...

Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)

Tên công ty: Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung
Vốn điều lệ đăng ký: 982.000.000.000 đồng

Trụ sở chính: KCN phía Đông – Khu Kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, bán buôn nhiên liệu sinh học và các sản phẩm liên quan

Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 3403000191 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 29/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/01/2018
Số lượng cổ phần BSR sở hữu: 59.902.000 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 65,54% vốn điều lệ).

Công ty liên kết

Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)

Tên công ty: Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa công trình,...

Trụ sở chính: Đường Võ Văn Kiệt, thôn Đò Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng

Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300468798 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/02/2018
Vốn điều lệ thực góp: 80.000.000.000 đồng

Số lượng cổ phần BSR sở hữu: 700.000 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 8,75% vốn điều lệ).

Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS)

Tên công ty: Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam
Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn trữ dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ Nhà máy lọc dầu

Trụ sở chính: KCN Dầu khí Long Sơn, xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Vốn điều lệ đăng ký: 95.467.730.000 đồng

Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500889978 ngày 22/07/2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 13/08/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp
Vốn điều lệ thực góp: 95.467.730.000 đồng

Vốn góp của BSR: 4.244.000.000 đồng (Tỷ lệ sở hữu: 5,03% vốn điều lệ).



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



An toàn và bảo vệ môi trường

Mục tiêu trọng tâm

- Xây dựng BSR trở thành Doanh nghiệp năng động, thích ứng và linh hoạt với các biến động, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao gắn liền với trách nhiệm cộng đồng cao (bảo vệ môi trường và tăng cường công tác an sinh xã hội).
- Hoàn thành dự án Nâng cấp và phát triển hoá dầu.
- Tìm kiếm, mở rộng nguồn dầu thô cung cấp cho Nhà máy.
- Đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm hóa dầu.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đặc biệt là văn phòng điện tử và ERP.

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Thường xuyên đảm bảo sản xuất an toàn, liên tục, ổn định và hiệu quả; các sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.
- Không ngừng duy trì tăng trưởng và phát triển bền vững góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, sự phát triển chung của địa phương ngành Dầu khí nói riêng và miền Trung, cả nước nói chung.
- Đẩy mạnh công tác chuyển dịch năng lượng đảm bảo hiệu quả và phù hợp với lộ trình cam kết của Việt Nam về chống biến đổi khí hậu tại Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (COP26).
- Không ngừng gia tăng trách nhiệm với cộng đồng, bao gồm việc sử dụng công nghệ sản xuất và sản phẩm thân thiện với môi trường; tăng cường ngân sách và mở rộng phạm vi triển khai công tác an sinh xã hội.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro trong hoạt động sản xuất và bảo vệ môi trường

Công ty đã chú trọng xây dựng hệ thống quản lý rủi ro từ những ngày đầu thành lập. Đến hết ngày 31/12/2021, BSR đạt 33,06 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn lao động, mất ngày công (LTI). Các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm, các chỉ số môi trường luôn đạt được các quy chuẩn/tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Công ty đã xây dựng, duy trì áp dụng, cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn sức khỏe và quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 45001, ISO 14001, các thành phần của hệ thống quản lý an toàn công nghệ; xây dựng và thường xuyên tổ chức diễn tập các phương án ứng phó sự cố khẩn cấp, trang bị đầy đủ các thiết bị để sẵn sàng ứng phó với các sự cố khẩn cấp, giảm thiểu các rủi ro gây ra đối với con người, tài sản, môi trường.

Công ty chủ động phối hợp với chính quyền, cơ quan quản lý Nhà nước tổ chức các khóa đào tạo bắt buộc theo luật định nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác đảm bảo an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy.

Nhiều sáng kiến, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường của cán bộ công nhân viên được áp dụng thành công trong hoạt động sản xuất đã mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.



Rủi ro về thị trường

Rủi ro cung vượt cầu: Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại thị trường nội địa bị sụt giảm nghiêm trọng, đặc biệt lượng tiêu thụ trong cả nước trong tháng 8,9/2021 chỉ còn khoảng 40-50%, trong đó thị trường tiêu thụ phía Nam chỉ đạt khoảng dưới 30% so với tháng 6/2021. Với sản lượng tiêu thụ giảm mạnh, các khách hàng tiêu thụ xăng dầu đã dừng/giãn nhận hàng đã đẩy tồn kho Nhà máy luôn ở mức rất cao và rủi ro vượt khả năng tồn chứa, BSR đã thực hiện nhiều giải pháp: giảm công suất nhà máy, gửi kho, giãn thanh toán, thực hiện chiết khấu để giảm tồn kho và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm. Việc áp dụng nhiều giải pháp đã giúp BSR dừng việc gửi kho và nâng công suất Nhà máy kể từ cuối tháng 9/2021 và chuyển trạng thái của BSR từ bị động sang chủ động.

Từ tháng 12/2021 đến nay, thị trường toàn cầu, đặc biệt thị trường dầu và các dịch vụ liên quan đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự leo thang căng thẳng địa chính trị giữa Nga - NATO xung quanh vấn đề Ukraine, giá dầu thô đang tăng trưởng nóng trong bối cảnh thị trường lo ngại nguồn cung bị gián đoạn khi Nga quyết định áp dụng giải pháp quân sự đối với Ukraine. Trước biến động của thị trường, BSR luôn linh động tỷ lệ bán hàng giữa Hợp đồng Định hạn/ Theo chuyển và tỷ lệ dầu thô trong nước/nhập khẩu để chủ động hơn trong công tác thu xếp nguồn dầu thô và tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh ký kết các hợp đồng dài hạn nhằm ổn định nguồn cung đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

Rủi ro từ các đối thủ cạnh tranh: BSR có chiến lược bán hàng phù hợp nhằm tăng lợi thế cạnh tranh so với hàng nhập khẩu và nội địa: tập trung vào các khách hàng lớn, lâu năm, chú trọng và giữ vững thị trường chủ lực (miền Trung và miền Nam); có chính sách giá cạnh tranh cũng như ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm dài hạn. Bên cạnh đó, BSR đẩy mạnh phối hợp xây dựng chuỗi cung ứng trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh để ổn định sản xuất và phát triển.

Rủi ro về biến động giá ảnh hưởng đến hiệu quả lọc dầu: Giá dầu thô biến động do những

BSR không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm

”

tác động từ nhu cầu, nguồn cung và an ninh kinh tế chính trị trên thế giới khi mà cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine được dự báo sẽ có nhiều ảnh hưởng đến giá dầu. Theo các nhà phân tích, từ nay cho đến cuối năm 2022, khoảng giá mỗi thùng dầu thô Brent sẽ giao động từ 80 - 120 USD/thùng, tùy thuộc vào kết quả của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, cũng như tình hình xoay quanh đàm phán về thỏa thuận hạt nhân Iran. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh, giá thành sản phẩm chính của BSR cùng lợi nhuận lọc dầu chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sự biến động của giá dầu trên thế giới. Việc giá dầu diễn biến phức tạp, tăng/giảm không ổn định ngoài tầm kiểm soát ảnh hưởng trực tiếp và ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của BSR. Để phòng ngừa rủi ro về giá dầu trong việc hoạch định và thực hiện các mục tiêu kinh doanh ngắn hạn, BSR đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch sản xuất, kinh doanh trên nền các kịch bản về giá dầu để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động.

Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô: Việc bắt buộc lưu thông tiêu chuẩn xăng dầu mức 5 trên thị trường từ ngày 01/01/2022 theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc tiêu thụ xăng dầu của NMLD Dung Quất. Tuy nhiên đến nay Chính phủ vẫn chưa ban hành lộ trình lưu hành các sản phẩm xăng dầu với chất lượng khác nhau (tương đương tiêu chuẩn Euro II, III, IV, V), gây bị động cho các doanh nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch để đáp ứng lộ trình này. Song song với việc triển khai dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất, BSR đã và đang tiếp tục làm việc, kiến nghị với các cấp có thẩm quyền để có phương án tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu hiện nay của BSR phù hợp với khả năng công nghệ của Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo từng giai đoạn cụ thể.

Rủi ro phát triển sản phẩm thay thế: Dịch bệnh Covid-19 là yếu tố đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Mặc dù các dự báo cho rằng nhu cầu dầu sẽ tăng trở lại trong năm 2022, nhưng nhìn chung nhu cầu đang suy giảm dần hoặc sụt giảm mạnh hơn nếu các đầu tàu kinh tế chuyển đổi dần sang nền kinh tế xanh. Tuy nhiên, việc phát triển các nguồn năng lượng sạch cần lộ trình dài hạn, kinh phí đầu tư lớn. Trước bối cảnh này, để tăng tính cạnh tranh, giữ vững và phát triển thị trường, BSR không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm. Trong ngắn hạn, BSR có thể chủ động trong việc tiêu thụ các loại sản phẩm lọc hóa dầu tại thị trường Việt Nam và trong khu vực trước các rủi ro phát triển sản phẩm mới.





Rủi ro về tài chính

Rủi ro về lãi suất: Đây là rủi ro phát sinh khi có sự biến động của chênh lệch lãi suất, giữa lãi suất đầu tư tiền gửi ngân hàng với lãi suất phải trả cho việc đi vay, dẫn đến làm giảm thu nhập tài chính của Công ty. Vì vậy, BSR luôn chú trọng đến công tác lập kế hoạch, cân đối dòng tiền hàng tháng, phân tích, đánh giá để quyết định gửi tiền, vay vốn đạt tối ưu và hiệu quả.

Rủi ro về tỷ giá: Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro về tỷ giá, BSR thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước, theo dõi sát sao các biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án kinh doanh phù hợp, linh hoạt và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Với số dư vốn vay ngoại tệ lớn và sử dụng ngoại tệ trong giao dịch kinh doanh và trả nợ vay, biến động về tỷ giá ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của BSR. Để giảm thiểu rủi ro này, BSR luôn triển khai đến các Ngân hàng về việc chào tỷ giá ngoại tệ cạnh tranh cho từng giao dịch, lựa chọn mua với tỷ giá thấp nhất.

Rủi ro về hoạt động, tuân thủ

Công ty đã xây dựng và cập nhật liên tục hệ thống các văn bản quản lý nội bộ các quy chế, quy định, quy trình tuân thủ theo quy định của Pháp luật về công ty cổ phần, tuân thủ yêu cầu của các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001 và ISO 50001. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên triển khai các đợt đánh giá sự tuân thủ các Quy chế, quy định và Quy trình trong toàn Công ty để đảm bảo tính hiệu lực của các văn bản quản lý nội bộ cũng như sự tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ảnh hưởng từ sự thay đổi của Chính sách

Ngoài lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô, với sản phẩm không thuộc danh mục chịu thuế GTGT khi xuất khẩu (quy định Nghị định số 146/2017/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ) trong trường hợp dầu thô nội địa đưa vào chế biến trên 51%, BSR đã có báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính hỗ trợ ý kiến để Chính phủ xem xét loại bỏ các sản phẩm được chế biến từ dầu thô ra khỏi danh sách

các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu. Bên cạnh đó, BSR đã trình Bộ Tài chính phương thức xác định tỷ lệ giá trị sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ dầu thô trong nước và nhập khẩu để kê khai hoàn thuế GTGT khi xuất khẩu sản phẩm.

Rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư vào công ty con

Hiện nay, BSR tham gia góp vốn vào 04 công ty với tổng giá trị vốn góp theo mệnh giá là 899,3 tỷ đồng, trong đó có 02 Công ty con (Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí - PV Building và Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung - BSR - BF) và 02 công ty liên kết (Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí - PMS, Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam - PVOS).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty PV Building và PMS tương đối ổn định, có triển vọng phát triển và sinh lời qua các năm. Đối với Công ty PVOS (BSR tham gia góp vốn với giá trị đầu tư 4,2 tỷ đồng): Hoạt động của PVOS đến nay vẫn nằm trong giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng dự án nên chưa phát sinh doanh thu.

BSR đã tiến hành thủ tục để thoái vốn tại PMS, PVOS. Tuy nhiên công tác thoái vốn tại 2 đơn vị này hiện đang gặp vướng mắc về hành lang pháp lý liên quan đến thoái vốn tại các đơn vị chưa phải là công ty cổ phần đại chúng. BSR đã có công văn kiến nghị cấp có thẩm quyền và sẽ tiếp tục triển khai thực hiện công tác thoái vốn tại PMS, PVOS sau khi có hướng dẫn.

Hoạt động của BSR-BF gặp nhiều khó khăn, chưa đem lại hiệu quả và hiện BSR đang tích cực làm việc với các bên liên quan để xử lý về vấn đề nợ Ngân hàng của BSR-BF. Bên cạnh đó, hỗ trợ BSR-BF đảm bảo các chi phí hoạt động tối thiểu.



Kết quả hoạt động SXKD tương đối ổn định, có triển vọng phát triển và sinh lời



Rủi ro trong quá trình đầu tư dự án

BSR đang tiếp tục tập trung nguồn lực để có các giải pháp tốt nhất trong quản lý và triển khai dự án Nâng cấp mở rộng để nghiên cứu, tìm hướng đi phù hợp cho Dự án nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải tại Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Rủi ro về dịch bệnh Covid-19

Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường đã dẫn đến việc Việt Nam và nhiều quốc gia ở Châu Á, Châu Âu, Mỹ đóng cửa biên giới, hạn chế nhập cảnh và đi lại đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của BSR.

CBCNV BSR đến từ nhiều vùng miền khác nhau của Đất nước, nhân sự Nhà thầu phục vụ Nhà máy đến từ nhiều nước khác nhau trên thế giới nên nguy cơ tiếp xúc với người nhiễm bệnh là rất cao. Điều này có thể ảnh hưởng đến tâm lý và năng suất lao động của CBCNV;

Dịch Covid-19 đã làm cho nhu cầu vận tải, lưu thông và sản xuất công nghiệp sụt giảm, dư cung xăng dầu, kho chứa của Nhà máy quá tải, giá thành sản phẩm giảm mạnh;

Để phòng chống và ứng phó với dịch bệnh, BSR thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch bệnh như: Thành lập Ban chỉ đạo, Ban chỉ huy và Tổ tự quản phòng chống dịch bệnh Covid-19. Ban chỉ đạo đã xây dựng các tình huống Biến động - không chắc chắn - thay đổi - mơ hồ (VUCA) và các giải pháp phù hợp, cụ thể như sau:

- Thành lập Ban chỉ đạo, Ban chỉ huy và Tổ tự quản phòng chống dịch bệnh Covid-19;
- Xây dựng và triển khai các phương án ứng phó chi tiết;
- Tổ chức việc sinh hoạt tập trung "3 tại chỗ" cho 1.200 người từ tháng 5/2021-22/10/2021;
- Tổ chức tiêm ngừa vắc xin cho Người lao động, nhà thầu và người thân của người lao động (NLĐ đã được tiêm bổ sung vắc xin mũi 3 phòng Covid-19).
- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền phòng chống dịch Covid-19 đến toàn thể người lao động.

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đang kiểm soát tốt tình hình dịch Covid-19 không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

Tình hình hoạt động sản xuất
kinh doanh năm 2021 52

Tổ chức nhân sự 64

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện
các dự án 66

Tình hình tài chính 69

Thông tin cổ phần 72



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Năm 2021, kết quả các chỉ tiêu SXKD chính của Công ty như sau:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2020	NĂM 2021	
				Kế hoạch	Thực hiện
I Chỉ tiêu sản lượng					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	5.930.486	6.497.587	6.528.804
2	Sản lượng tiêu thụ		5.922.021	6.497.587	6.423.553
II Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	58.651,1	70.898,3	102.130,0
2	Nộp NSNN		6.255,7	7.706,5	11.379,3
3	Lợi nhuận trước thuế		-2.852,4	871,4	6.940,7
4	Lợi nhuận sau thuế		-2.858,1	870,0	6.683,5
III Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	58.587,0	70.660,6	102.068,7
2	Nộp NSNN		6.241,5	7.697,6	11.366,7
3	Lợi nhuận trước thuế		-2.812,5	864,3	7.031,5
4	Lợi nhuận sau thuế		-2.812,4	864,3	6.776,7

Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh

Giá dầu thô, sản phẩm

Trong năm 2021, giá dầu thô, sản phẩm có xu hướng tăng, chênh lệch giữa giá dầu thô và sản phẩm (crack margin) của Jet A1, DO 0,05%S tuy vẫn còn thu hẹp, có những tháng âm (<0) nhưng crack margin của xăng cao. Đặc biệt từ tháng 10/2021 đến nay, crack margin của Jet A1, DO 0,05%S tăng mạnh nên lợi nhuận năm 2021 khả quan nhờ lợi thế của hàng tồn kho và lợi nhuận chế biến.

Tuy nhiên, từ tháng 11/2021 đến nay, giá dầu diễn biến phức tạp và có xu hướng giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại trên quy mô toàn cầu, đặc biệt với sự xuất hiện của biến thể Omicron khiến giá dầu giảm mạnh từ cuối tháng 11/2021. Cụ thể như sau:

Ảnh hưởng của hàng tồn kho:

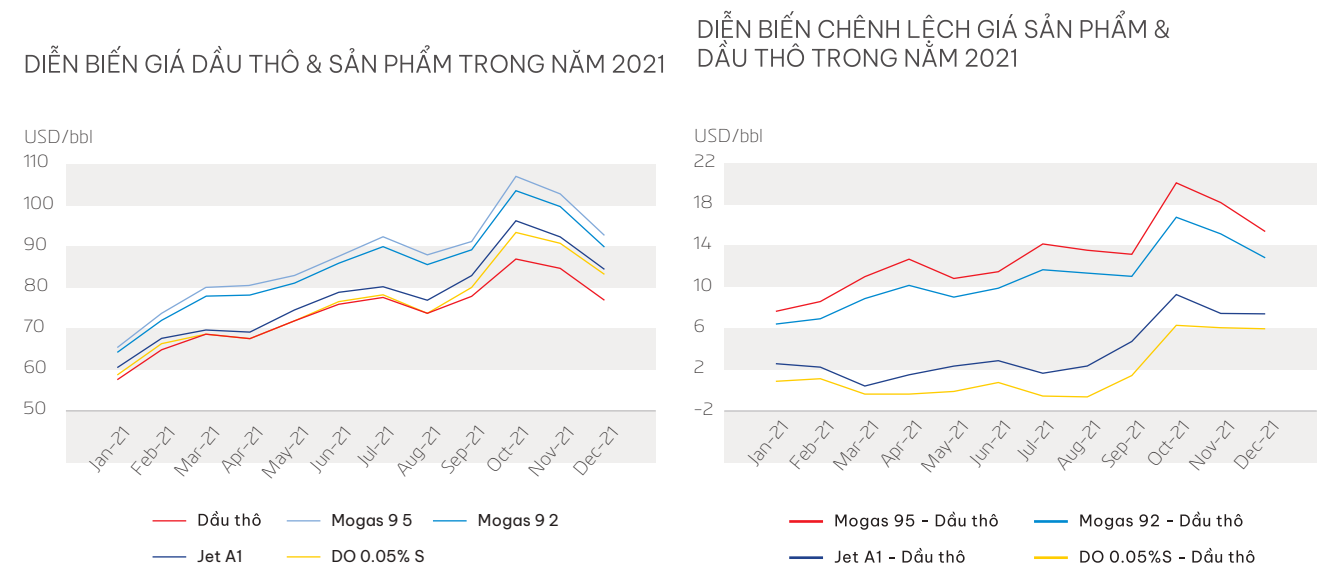
Trong 7 tháng đầu năm, giá dầu thô và sản phẩm tiếp tục kéo dài đà tăng từ tháng 11/2020, tuy giá dầu thô có giảm nhẹ trong tháng 4/2021 nhưng xu hướng tổng thể là tăng. Tuy nhiên, qua tháng 8/2021, giá dầu thô và sản phẩm quay đầu giảm, giá dầu thô Dtd Brent trung bình tháng 8/2021 là 70,81 USD/bbl, giảm 4,22 USD/bbl (tương ứng giảm 5,6%) so với tháng 7/2021. Đến tháng 9/2021, giá dầu quay đầu tăng giá trở lại, đặc biệt tăng mạnh trong tháng 10/2021. Từ tháng 11/2021 đến hết năm, giá dầu có xu hướng giảm, bên cạnh đó, với sự xuất hiện của biến thể Omicron, giá dầu giảm mạnh khi kết thúc phiên giao dịch ngày 26/11. Tính cả năm 2021, giá dầu Dtd Brent trung bình là 73,67 USD/bbl, tăng 58,2% (tương ứng tăng 27,1 USD/bbl) so với trung bình năm 2020.



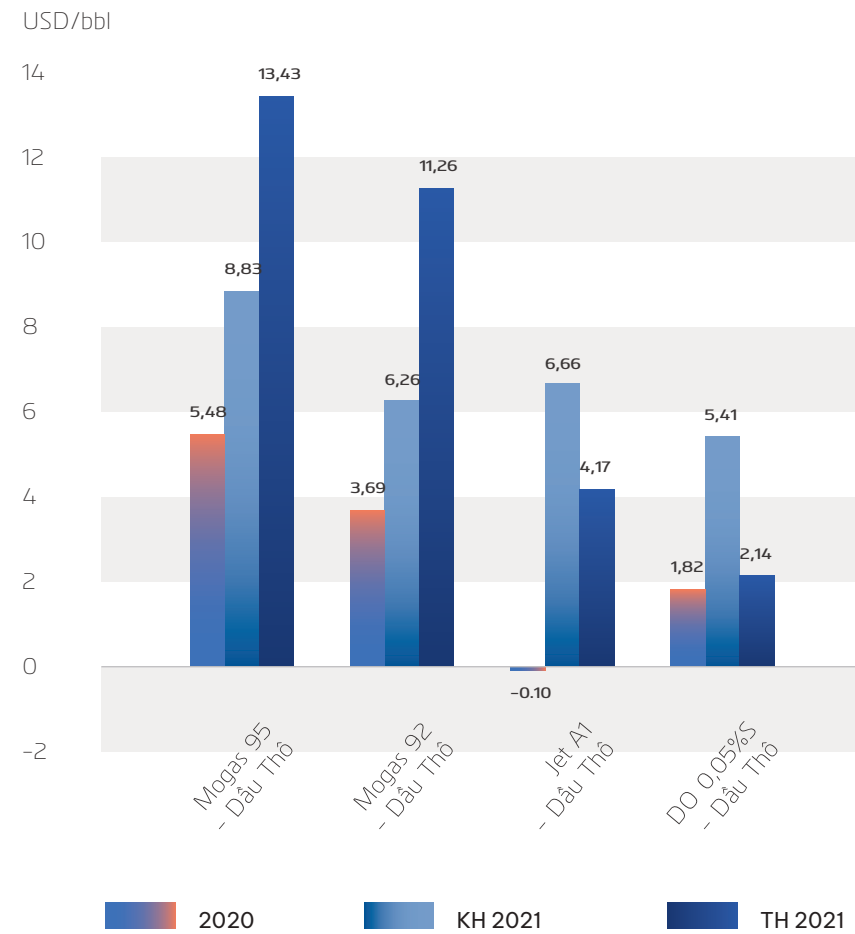
Khoảng chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô (crack margin):

- Đối với Jet A1: Crack margin tuy tích cực hơn so với năm 2020 nhưng vẫn thu hẹp hơn so với kế hoạch. Tuy nhiên từ tháng 9/2021, crack margin của Jet A1 có xu hướng tăng rõ rệt. Tính đến ngày 10/12, crack margin trung bình năm 2021 là 4,17 USD/bbl.
- Đối với DO 0,05%S: Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, DO 0,05%S tiếp tục là sản phẩm kém hiệu quả nhất trong các sản phẩm chính, crack margin tháng 3, 4, 7 và 8/2021 còn âm (<0). Từ tháng 10/2021, crack margin của DO 0,05%S tương đối khả quan. Trung bình cả năm 2021, crack margin trung bình năm 2021 là 2,14 USD/bbl.
- Đối với Mogas 92/95: Trái ngược với hai sản phẩm trên, xăng đang là sản phẩm có hiệu quả nhất trong các sản phẩm chính. Trung bình cả năm 2021, crack margin trung bình của xăng Mogas 92/95 lần lượt là 11,26 USD/bbl và 13,43 USD/bbl.

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm từ đầu năm đến nay được thể hiện ở biểu đồ sau:



TRUNG BÌNH CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ (CRACK MARGIN) NĂM 2020 & NĂM 2021



STT	NỘI DUNG	2020	2021		CHÊNH LỆCH	
			KH	TH	TH21 vs. TH20	TH21 vs. KH21
1	Dầu thô	46,57	49,74	73,62	58,1%	48,0%
2	Mogas 95	52,06	58,58	86,86	66,9%	48,3%
3	Mogas 92	50,26	56,00	84,67	68,5%	51,2%
4	Jet A1	46,47	56,40	77,66	67,1%	37,7%
5	DO 0,05%S	48,40	55,15	75,64	56,3%	37,2%
6	Mogas 95-Dầu thô	5,48	8,83	13,24	141,6%	49,9%
7	Mogas 92-Dầu thô	3,69	6,26	11,06	199,9%	76,7%
8	Jet A1-Dầu thô	-0,10	6,66	4,04		-39,3%
9	DO 0,05%S-Dầu thô	1,82	5,41	2,14	17,1%	-62,5%

Sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu

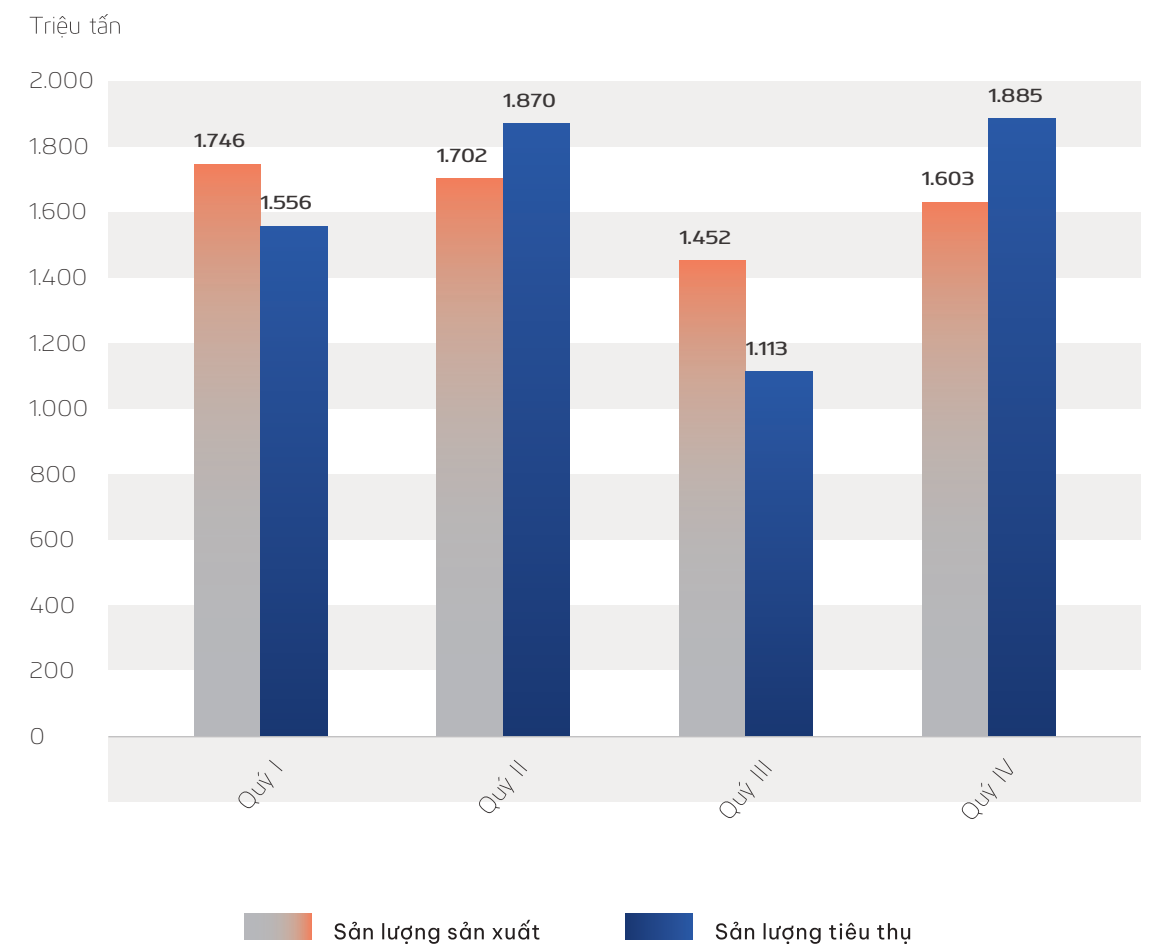
Do ảnh hưởng của đợt bùng phát dịch bệnh Covid-19 lần 4 nên nhu cầu xăng dầu giảm mạnh, đặc biệt trong Quý III/2021, khiến sản lượng sản phẩm tiêu thụ bị sụt giảm nghiêm trọng. Tuy nhiên, nhờ giải pháp áp dụng gói chính sách bán hàng đặc thù trong tháng 9/2021 nên tổng lượng sản phẩm tiêu thụ thực tế trong tháng 9/2021 trở nên khả quan. Sản lượng trong Quý IV/2021 hồi phục mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh nói chung của Công ty.

Sản lượng sản xuất của Công ty năm 2021 đạt 6.528.804 tấn, vượt 0,48% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm 2021. So với mức thực hiện năm 2020, sản lượng sản xuất năm 2021 tăng 10%.

Sản lượng tiêu thụ 2021 đạt 6.423.553 tấn, xấp xỉ sản lượng sản xuất và đạt 99% kế hoạch. Trong năm 2021, ngoại trừ sự sụt giảm trong Quý III do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong các quý còn lại trong năm đều được duy trì ổn định ở mức 1.600 - 1.800 tấn.

Tổng doanh thu đạt 102,13 ngàn tỷ đồng, vượt 43,1% so với kế hoạch.

SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CÁC QUÝ TRONG NĂM 2021



Chi phí sản xuất kinh doanh

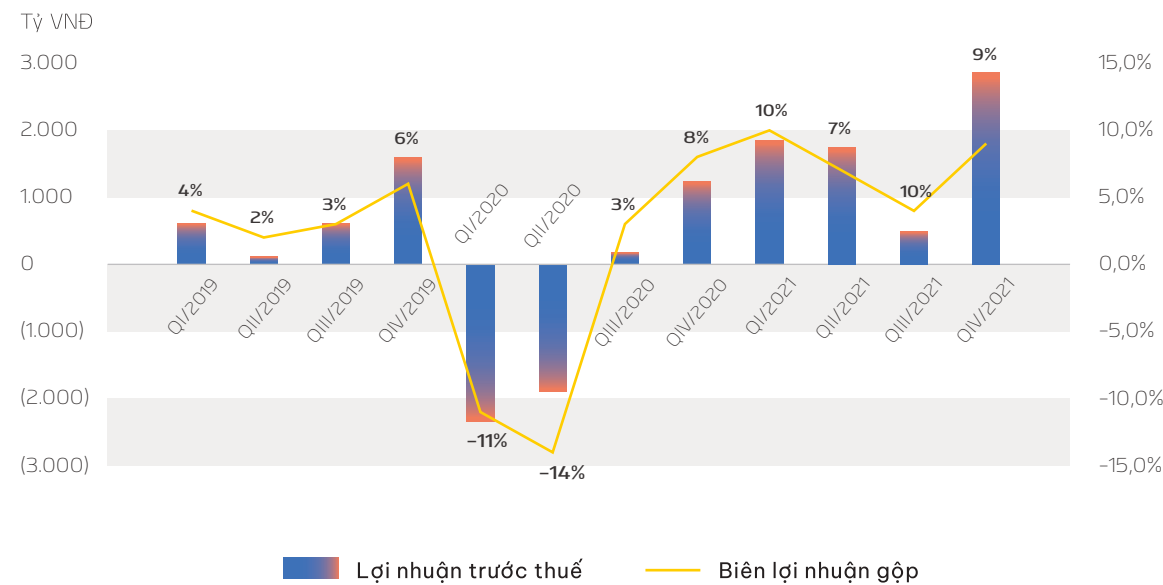
Từ tháng 8/2021 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần 4, khối lượng sản phẩm tiêu thụ giảm mạnh nên BSR phải chịu thêm các chi phí phòng chống Covid-19, chi phí tàu dầu thô chờ dỡ hàng, chi phí gửi kho sản phẩm,... Tuy vậy, nhờ thực hiện các giải pháp tối ưu về vận hành, chi phí phát sinh trong kỳ (không bao gồm chi phí dầu thô và phân bổ chi phí cho bảo dưỡng tổng thể) giảm khoảng 1,4% (tương ứng giảm 97,04 tỷ đồng) so với kế hoạch.

Lợi nhuận và chi phí

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021 là 6.683,5 tỷ đồng, vượt kế hoạch 668% và là mức lợi nhuận sau thuế cao nhất kể từ khi cổ phần hóa. Mức lợi nhuận cao đạt được nhờ diễn biến thị trường dầu thuận lợi cũng như những nỗ lực trong việc cải tiến công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm và tối ưu vận hành.

Biên lợi nhuận gộp của công ty đã được cải thiện đáng kể và luôn duy trì tỉ suất lợi nhuận gộp dương trong cả năm 2021, dao động từ 7% - 10%. Riêng quý III/2021, những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 khiến lợi nhuận gộp của công ty giảm còn 4%.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP THEO QUÝ



Dòng tiền, sức khỏe tài chính

Nhờ kết quả kinh doanh thuận lợi, các chỉ số tài chính của BSR được cải thiện rõ rệt và đạt trạng thái lành mạnh nhất trong 05 năm trở lại đây.

Công ty tiếp tục duy trì được giá trị tiền mặt ròng (Tiền và tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn - Nợ vay ngắn hạn - Nợ vay dài hạn) ở mức dương 9.763 tỷ và là mức cao nhất kể từ năm 2017. Cùng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tăng và hệ số cơ cấu vốn giảm về nợ vay, BSR đang có sức khỏe tài chính rất tốt, là nguồn lực quan trọng để Công ty nắm bắt các cơ hội trên thị trường dầu thế giới trong bối cảnh giá dầu tiếp tục có nhiều biến động.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2017	2018	2019	2020	2021
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	9.102	5.401	4.937	425	8.971
Tiền mặt ròng	Tỷ đồng	-1.631	-4.365	2.058	768	9.763
Hệ số nợ vay/tổng tài sản	Lần	0,22	0,19	0,12	0,23	0,16
Tỷ lệ thanh toán hiện thời	Lần	1,78	1,83	2,08	1,47	1,65
Tỷ lệ thanh toán nhanh	Lần	1,33	1,13	1,42	1,06	1,27

Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ

Công tác đảm bảo An ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ (ATSKMT) của BSR được đảm bảo với kết quả như sau: Kiểm soát tình hình dịch bệnh không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của BSR; Không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động. Năm 2021, BSR đạt 33,06 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI). Công việc được triển khai chủ động bám sát kế hoạch, chương trình đề ra. Công tác kiểm tra, giám sát, huấn luyện và quản lý về an toàn, PCCC được thực hiện thường xuyên với các kết quả như sau:

- Hệ thống quản lý ATSKMT và kiểm soát rủi ro được triển khai xây dựng, duy trì áp dụng, đánh giá, cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn sức khỏe và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 và ISO 14001:2015, các thành phần của Hệ thống quản lý An toàn công nghệ.
- 100% thiết bị/hệ thống PCCC được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định đảm bảo thiết bị/hệ thống hoạt động sẵn sàng, tổ chức thực hiện 80 đợt thực tập ứng phó tình huống khẩn cấp cấp 1.
- Số giờ công đào tạo an toàn trong năm 2021 trung bình 27 giờ/người.
- Công tác quản lý môi trường: Tuân thủ các yêu cầu pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015. Nước thải, khí thải từ hoạt động sản xuất được thu gom, xử lý đạt chất lượng theo các quy chuẩn/giấy môi trường trước khi xả thải. Chất thải được thu gom, phân loại và chuyển giao cho Nhà thầu có chức năng xử lý theo quy định. Trong năm, Công ty có 02 đợt làm việc với Tổ giám sát do Tổng Cục Môi trường và được đánh giá thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật.
- Đối với công tác chăm sóc sức khỏe người lao động: Công ty đã khám và điều trị ban đầu cho khoảng 5.531 lượt CBCNV. Hoàn thành tiêm 03 mũi vắc-xin ngừa Covid-19 cho 1.513 nhân sự của Công ty. Thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ năm 2021.

Công tác quản lý an toàn lao động được hoàn thiện, cải tiến và đồng bộ hệ thống các tài liệu quy trình và hướng

dẫn liên quan đến công tác an toàn; thực thi giám sát an toàn hiệu quả thông qua hoạt động huấn luyện tại công trường (site coaching). Tính đến thời điểm báo cáo đã ghi nhận 439 phát hiện không tuân thủ quy định ATLĐ. Kết quả thực thi công tác an toàn được tổng kết và báo cáo qua các Báo cáo HSE hàng ngày và Báo cáo HSE hàng tuần. Trong năm 2021, đã triển khai Chương trình làm giàu văn hóa An toàn với 12 chương trình kiểm tra về công tác vệ sinh công nghiệp theo chủ đề Vệ sinh phân xưởng - sạch như ở nhà, 27 chương trình kiểm tra về Công tác nhận diện mối nguy và chia sẻ an toàn và các cải tiến trong công tác xây dựng Văn hóa an toàn thông qua chương trình SAO, SAC, với 26.925 thẻ SAO và 26.628 thẻ SAC.

Đối với công tác an ninh, BSR đã tổ chức kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ nhân sự vào Nhà máy đảm bảo tuân thủ quy định phòng chống dịch Covid-19, triển khai Phương án bảo vệ NMLD Dung Quất, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ người, vật tư, phương tiện vào/ra Nhà máy. Đồng thời, phối hợp với Công an, Biên phòng thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự các công trình trên đất liền và trên biển NMLD Dung Quất. Đến nay, không có bất kỳ sự cố an ninh xảy ra tại Nhà máy.



33,06

triệu giờ công

Không có tai nạn lao động mất ngày công





Công tác vận hành và bảo dưỡng sửa chữa

Công tác vận hành

Trong năm 2021, Nhà máy vận hành an toàn, ổn định và liên tục. Công tác thực tập xử lý tình huống khẩn cấp, tầm soát rò rỉ, công tác bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ được tổ chức và thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu giảm mạnh nên trong giai đoạn tháng 8, 9/2021 Nhà máy phải giảm công suất vận hành để duy trì hoạt động liên tục. Vào các tháng cuối năm, Nhà máy vận hành tại 108% công suất để phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản lượng sản xuất.

Các bất thường công nghệ/ thiết bị, các mối nguy tiềm ẩn có thể gây ra sự cố về ổn định vận hành, chất lượng, nguyên liệu, hoá phẩm xúc tác đầu vào của Nhà máy được kiểm soát chặt chẽ để chủ động có các giải pháp phù hợp.

Bảo dưỡng sửa chữa

Trong năm 2021, do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nên công tác tổ chức thực hiện bảo dưỡng gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên BSR đã nỗ lực phấn đấu và hoàn thành kế hoạch đề ra và đạt được kết quả tốt với một số nhiệm vụ bảo dưỡng sửa chữa quan trọng đã thực hiện như sau:

Công tác thực tập xử lý tình huống khẩn cấp, tầm soát rò rỉ, công tác bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ được tổ chức và thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng.



- Đã thực hiện trong năm 2021 là 53.846 lượt bảo dưỡng phòng ngừa (PM) và 5.646 lượt sửa chữa (CM) cho khoảng 24.131 thiết bị có trên hệ thống Quản lý bảo trì thiết bị (CMMS) với tỷ lệ hoàn thành PM = 95%, CM = 90%.
- Tổ chức thực hiện xử lý nhanh, hiệu quả các sự cố phức tạp. Thực hiện thành công sửa chữa, khắc phục kịp thời các sự cố trong quá trình vận hành của Nhà máy, nâng cao độ ổn định, độ tin cậy của hệ thống thiết bị trong điều kiện không có sự trợ giúp của các chuyên gia OEM nước ngoài do dịch bệnh Covid-19.
- Nâng cao độ tin cậy Nhà máy, đảm bảo mức độ sẵn sàng Nhà máy đạt đến 95,6%, tương đương với nhóm 2 (Quatile 2) - nhóm các nhà máy tiên tiến trên thế giới theo tiêu chuẩn đánh giá của tổ chức Solomon.
- Thực hiện đánh giá, phân loại và khởi tạo chương trình kiểm tra tình trạng tin cậy của 968 vòng điều khiển/bảo vệ tự động nhằm nâng cao độ tin cậy và an toàn cho thiết bị/Nhà máy.
- Thực hiện rà soát cập nhật, phát triển 211 quy trình quản lý và hơn 1.500 quy trình tác nghiệp phục vụ công tác BDSC.
- Cung cấp dịch vụ BDSC ra bên ngoài, đem về doanh thu gần 400 triệu đồng cho BSR và sẽ tiếp tục được đẩy mạnh công tác tìm kiếm dịch vụ và đối tác vẫn đang tiếp tục cho các năm kế tiếp.

Công tác kiểm tra thiết bị

BSR đã thực hiện kiểm tra 6.834 đối tượng (thiết bị và đường ống) cần kiểm tra trong năm 2021. Trong số các đối tượng kiểm tra bao gồm đã hoàn thành 978 đối tượng kiểm tra ăn mòn dưới lớp bảo ôn và 807 đối tượng kiểm tra ăn mòn dưới gối đỡ. Đã phát hiện 41 đối tượng bị suy giảm chiều dày với tuổi thọ còn lại dưới 04 năm, 180 đối tượng bị ăn mòn CUI cần phải sơn lại và sửa chữa. Đến thời điểm hiện tại có 85 đối tượng có hư hỏng đã được sửa chữa tạm để đảm bảo an toàn vận hành cho đến khi có cơ hội sửa chữa triệt để.

Bên cạnh đó, BSR thực hiện liên tục theo dõi, phân tích, đánh giá tình trạng ăn mòn cho các thiết bị chính trong Nhà máy thông qua các hệ thống giám sát ăn mòn theo công nghệ SmartCET, mẫu để đánh giá ăn mòn, hệ thống bảo vệ ăn mòn bằng dòng điện cường bức và anod hy sinh.

Công tác đăng kiểm, kiểm định cũng được thực hiện nghiêm ngặt, trong đó có Đăng kiểm SPM và đường ống dẫn dầu thô và kiểm định cho 609 thiết bị và đường ống đến hạn năm 2021.





Kết quả tối ưu hóa sản xuất, tiết giảm chi phí SXKD

Trong năm 2021, BSR tích cực thực hiện công tác tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và đẩy nhanh việc triển khai, cập nhật các chương trình hành động hàng năm về tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cụ thể như sau:

Tối ưu hóa năng lượng

- Chuyển đổi thành công hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001 từ phiên bản 2011 lên phiên bản 2018.
- Giám sát chặt chẽ việc tiêu thụ/sử dụng năng lượng của các khu vực trong Nhà máy. Chỉ số năng lượng EII trung bình năm 2021 là 105,7% (KPI EII năm 2021 là $106 \pm 1\%$).
- Đã nghiên cứu và áp dụng thành công 10 giải pháp tối ưu hóa năng lượng, tiết kiệm cho Nhà máy khoảng 51 tỷ đồng, cụ thể các giải pháp thành công như sau: Tối ưu vận hành hệ thống làm mát bằng nước biển, nâng cấp hệ thống phối trộn dầu thô, tối ưu áp suất vận hành tháp T-1107, nghiên cứu dừng bơm tuần hoàn nước ấm P-1122, v.v...
- BSR đang phối hợp với đối tác có năng lực phù hợp để thực hiện kiểm toán năng lượng NMLD Dung Quất.
- Xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp tối ưu hóa năng lượng năm 2022, Bảo dưỡng tổng thể lần thứ 5 và giai đoạn 2021-2025.

Tối ưu hóa công nghệ

- Đã tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn trên 12 loại dầu thô mới bổ sung vào giỏ dầu của Nhà máy. Tiến hành chế biến thử nghiệm thành công 6 loại dầu thô mới là Qua Iboe (trên 30%vol), Cabinda (10%vol), Minas (trên 20% vol), Sông Đốc (trên 20% vol), Forcados (40%vol) và Attifel (30%). Tiếp tục chế biến thử nghiệm dầu thô mới Rabi trong tháng 12/2021.
- Đã nghiên cứu, sản xuất, xuất bán thử nghiệm thành công và đưa vào danh sách các sản phẩm sản xuất thương mại cho các sản phẩm PP mới gồm T-3045, T-3050, I-3085 và I-3150. Đã nghiên cứu sản xuất thành công sản phẩm PP ứng dụng màng F-5100.
- Đã tiến hành thử nghiệm thành công nâng công suất phân xưởng PP lên 115% công suất thiết kế và phân xưởng SRU2 lên 110% công suất thiết kế nhằm đánh giá khả năng xử lý lưu huỳnh (S) với nguồn dầu có hàm lượng S cao hơn. Đồng thời, BSR đã thử nghiệm vận hành phân xưởng LCO-HDT ở 100% công suất nhằm đánh giá khả năng sản xuất sản phẩm DO mức III và mức IV. Đồng thời, đang triển khai để thực hiện thử nghiệm nâng công suất phân xưởng RFCC lên 105% trong tháng 12/2021.
- Thử nghiệm tăng phụ gia ZSM5 lên 2,5%wt kết hợp tăng nhiệt độ đầu ra (ROT) đến 520°C để tăng sản lượng Propylene, LPG và RON của RFCC Naphtha.
- Thực hiện công tác tối ưu cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ lệ sản phẩm có giá trị cao như xăng Mogas 95, LPG, Propylene và hạt nhựa PP, giảm sản xuất JetA1, DO.



- Hoàn thành thử nghiệm tăng sản lượng Naphttha (FRN) từ phân xưởng CDU từ 248 m³/h lên 255 m³/h, tăng độ linh động và khả năng sản xuất khi nhu cầu sản phẩm xăng tăng cao.
- Nghiên cứu thử nghiệm bypass LPG tại CDU để đánh giá khả năng tăng tối đa Propylene tại RFCC.
- Thực hiện thành công đánh giá hiệu năng (PGT) cho xúc tác mới của Grace tại phân xưởng RFCC với lượng nạp tối đa 9 tấn/ngày, tiếp tục tối ưu trong điều kiện phân xưởng vận hành ở công suất thấp (giảm dưới 9 tấn/ngày).
- Nghiên cứu cải tiến công nghệ hiện hành của Nhà máy để chế biến dầu thô có hàm lượng S cao đến 0,16 %wt thông qua các giải pháp (i) nâng công suất phân xưởng thu hồi lưu huỳnh SRU2 lên 130%, (ii) chuyển đổi amine từ DEA sang MDEA/loại tương đương, thử nghiệm phụ gia De-SOx tại phân xưởng RFCC để đảm bảo giá trị SOx thải ra môi trường.
- Nghiên cứu đánh giá và thử nghiệm tính khả thi của phương án bypass phân xưởng LCO-HDT hoặc chạy gián đoạn nhằm tối ưu hoá năng lượng, cải thiện chỉ số EII của Nhà máy.

Cung ứng dầu thô và tiêu thụ sản phẩm

Cung cấp dầu thô

Trong năm 2021, BSR đã mua 5,59 triệu tấn các loại dầu thô trong nước (Bạch Hổ, Sư Tử Đen, Tê Giác Trắng, Rạng Đông, Ruby, Sông Đốc, Đại Hùng và Chim Sáo) và nhập khẩu (WTI, Azeri, Cabinda, Qua Iboe, Sumatra Light (Minas), Bu Attifel, Forcados, Rabi Blend, Sokol).

Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Khối lượng sản phẩm dự kiến tiêu thụ trong năm 2021 thể hiện ở bảng sau:

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN	% KẾ HOẠCH
1	Propylene	Tấn	-	3.068	-
2	Polypropylene	Tấn	164.636	179.441	109%
3	LPG	Tấn	443.477	487.274	110%
4	Xăng E5 RON 92	Tấn	44.054	31.017	70%
5	Xăng RON 91/92	Tấn	625.399	853.259	136%
6	Xăng RON 95	Tấn	2.103.264	1.950.030	93%
7	Jet A1	Tấn	540.899	214.750	40%
8	Diesel Oil	Tấn	2.409.712	2.546.850	106%
9	FO/MFO	Tấn	162.706	155.672	96%
10	Lưu huỳnh	Tấn	3.440	2.193	64%
	TỔNG	Tấn	6.497.587	6.423.553	99%

Xăng dầu

Tình hình tiêu thụ 6 tháng đầu năm theo sát kế hoạch đề ra nhờ tình hình thị trường thuận lợi, dịch bệnh Covid-19 trong nước được kiểm soát tốt.

Việc tiêu thụ sản phẩm bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong nửa sau của năm, đặc biệt tại các tháng 8, 9/2021 khi các đầu mối liên tục từ chối hoặc giãn tiến độ nhận hàng do ảnh hưởng tiêu cực từ chính sách giãn cách xã hội của các địa phương. Từ 1/10/2021, Chính phủ chủ trương nới lỏng giãn cách để phục hồi kinh tế, nhu cầu tiêu thụ có dấu hiệu tiến triển hơn nhưng vẫn còn chậm (đặc biệt là sản phẩm xăng Mogas 95). Đây là giai đoạn mở cửa trở lại sau những tháng siết chặt để chống dịch, kết hợp với việc xu hướng giá liên tục tăng do khủng hoảng năng lượng toàn cầu nên các đầu mối tích cực nhận hàng mặc dù tiêu thụ thực tế vẫn chưa phục hồi mạnh. Tính cả năm 2021, tổng sản lượng xăng dầu BSR xuất bán là 5.752 nghìn tấn, đạt 98% kế hoạch.

LPG

Từ tháng 6-11/2021, giá CP (là giá bằng USD cho một tấn hỗn hợp Propane tiêu chuẩn và Butane tiêu chuẩn do Công ty Aramco của Ả-rập Xê-út công bố hàng tháng) liên tục tăng đều qua các tháng, tuy nhiên đến tháng 12/2021 giá CP đột ngột giảm mạnh dẫn đến một số khách hàng trì hoãn và đề nghị cắt giảm sản lượng trong tháng 12/2021. Tổng khối lượng hàng xuất bán trong cả năm 2021 là 487 nghìn tấn, vượt 10% kế hoạch.

Polypropylene (PP)

Trong năm 2021, tình hình tiêu thụ PP tương đối ổn định. BSR xuất bán 179 nghìn tấn, vượt 9% kế hoạch năm 2021.

Tình hình tồn kho vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

Vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

KHO	TỒN KHO NGÀY 31/12/2021
Kho vật tư, phụ tùng	1.628,4
Kho dầu mỡ bôi trơn	10,5
Kho xúc tác hóa phẩm LD+PP	82,7
Kho hóa chất thí nghiệm	9,3

Dầu thô, sản phẩm

Khối lượng lưu kho tại Nhà máy tồn cuối năm 2021 là 247,45 nghìn tấn dầu thô và 157,46 nghìn tấn sản phẩm các loại.





TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Năm 2021, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ghi nhận sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Ông Bùi Minh Tiến được miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 08/11/2021.
- Ông Bùi Ngọc Dương được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 08/11/2021.
- Ông Bùi Minh Tiến miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 29/12/2021.
- Ông Bùi Ngọc Dương được bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 29/12/2021.

Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt các chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2021 là: 1.522 người, trong đó:

- Cán bộ/Nhân sự quản lý (bao gồm: HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát): 14 người
- Nhân viên/Người lao động: 1.508 người.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

BSR xây dựng Quỹ tiền lương, Quỹ thưởng cho người lao động và người quản lý căn cứ vào Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.



Với kết quả SXKD năm 2021 có nhiều khởi sắc, Công ty có lợi nhuận có nguồn để trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi tập thể. Vì vậy, thu nhập của người lao động luôn được đảm bảo và tăng so với năm 2020.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn - bệnh nghề nghiệp, chế độ phụ cấp độc hại và bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm; thực hiện chế độ khám chữa

bệnh định kỳ đối với người lao động, phụ cấp tiền ăn ca, thưởng an toàn, chế độ bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, chế độ nhà ở, xe đưa đón CBCNV đi làm việc hàng ngày... Đặc biệt, Công ty chăm lo chỗ ăn, ở, hỗ trợ tiền phụ cấp xa nhà cho các nhân sự làm việc tại Nhà máy theo phương án 3 tại chỗ để đảm bảo công tác vận hành được liên tục, hiệu quả và có các chế độ chính sách hỗ trợ cho người lao động và gia đình bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

BSR luôn chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2021, BSR đã linh hoạt ứng dụng công nghệ thông tin thông qua hệ thống E-Learning, các phần mềm liên quan nhằm hỗ trợ kịp thời cho CBCNV tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo. BSR đã thực hiện được 100 chương trình và chuỗi chương trình đào tạo cho 9.941 lượt người, đạt 165% số lượt người so với kế hoạch cả năm 2021. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 6,97 tỷ đồng, đạt 77,54 % kinh phí kế hoạch năm 2021.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư

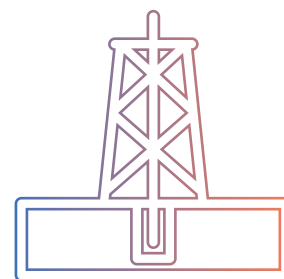
Theo kế hoạch được duyệt, năm 2021 BSR triển khai các dự án đầu tư chuyển tiếp (01 dự án nhóm A); dự án chuẩn bị đầu tư (01 dự án nhóm B và 01 dự án nhóm C) và các hạng mục mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị. Đồng thời đã tiến hành rà soát, đánh giá để thực hiện giãn/dừng nhưng dự án đầu tư/hạng mục mua sắm TSCĐ/TTB chưa thật sự cấp thiết. Kết quả thực hiện chi tiết như sau:

	CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	% KH SO VỚI TH
I	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	938,77	216,04	23,0%
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	567,90	26,34	4,6%
2	Các dự án đầu tư khác, trong đó:	Tỷ đồng	63,48	0,05	0,1%
2.1	Các dự án chuyển tiếp năm 2020	Tỷ đồng	7,99	-	-
2.2	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2021	Tỷ đồng	55,49	0,05	0,1%
3	Mua sắm tài sản cố định	Tỷ đồng	307,39	189,65	61,7%
II	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	938,77	125,49	13,4%
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	938,77	125,49	13,4%
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-

Tình hình thực hiện các dự án lớn

Dự án NCMR NMLD Dung Quất

BSR đang hoàn thiện Hồ sơ báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt/chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án NCMR NMLD Dung Quất theo hướng tập trung nâng cấp chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn chất lượng mức 5 và tối ưu hóa đầu nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả kinh tế của dự án, phù hợp với xu thế thị trường.



BSR lập lại phương án mới triển khai NCMR NMLD Dung Quất

Dự án Đầu tư xây dựng trạm điện 110/22KV kết nối EVN về NMLD

Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành và trình Báo cáo nghiên cứu khả thi cho BSR, hiện BSR đang tổ chức thẩm tra, thẩm định theo quy định hiện hành trước khi trình cấp thẩm quyền quyết định đầu tư dự án.

Các công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty con

a. Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí miền Trung (BSR-BF)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Từ giữa tháng 4/2019 đến nay, BSR-BF vẫn đang tạm dừng sản xuất và chỉ tiếp tục duy trì các hoạt động tối thiểu. Năm 2021, BSR-BF lỗ 100,5 tỷ đồng. Theo số liệu Báo cáo tài chính sau kiểm toán, lỗ lũy kế của nhà máy NLSH Dung Quất (BSR-BF) tính đến 31/12/2021 là 1.243,3 tỷ đồng.

Định hướng cho năm 2022

BSR tích phối hợp với các bên liên quan để xử lý vấn đề nợ vay các Ngân hàng, hỗ trợ BSR-BF đảm bảo các chi phí hoạt động tối thiểu. Tìm các giải pháp nghiệm thu quyết toán Dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Dung Quất.

b. Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	NĂM 2021
1	Tổng doanh thu thuần	864.451
2	Lợi nhuận sau thuế	15.927

Định hướng cho năm 2022

Tiếp tục vận hành phân xưởng bao bì an toàn, ổn định. Tiếp tục phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, phát triển hoạt động dịch vụ, thương mại ngày càng chuyên nghiệp; phần đầu là đơn vị hậu cần hàng đầu của ngành Dầu khí tại khu vực miền Trung và là đơn vị sản xuất bao bì có uy tín tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Tiếp tục phối hợp triển khai lộ trình thoái vốn của BSR tại PV Building xuống còn 51%.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

a. Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	NĂM 2021
1	Doanh thu thuần	181.504,01
2	Lợi nhuận sau thuế	3.533,92



b. Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Ngành nghề kinh doanh chính của PVOS là đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn chứa dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ nhà máy lọc dầu. Hoạt động của PVOS đến nay vẫn nằm trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án nên chưa phát sinh doanh thu. Đến 31/12/2021, lỗ lũy kế của PVOS là 25,1 tỷ đồng.

Định hướng cho năm 2021 đối với Công ty PMS và PVOS

BSR đang tiến hành các thủ tục để thoái hết vốn tại PMS, PVOS theo phê duyệt của cấp thẩm quyền. Tuy nhiên công tác thoái vốn tại các đơn vị này đang gặp vướng mắc về hành lang pháp lý (PMS và PVOS không đủ điều kiện để thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng (đấu giá) do không phải là công ty cổ phần đại chúng). BSR sẽ tiếp tục thực hiện công tác thoái hết toàn bộ vốn tại PMS và PVOS sau khi có hướng dẫn từ các cơ quan hữu quan.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	55.894.934.071.073	66.795.662.728.649	19,50%
Doanh thu thuần	57.959.112.673.412	101.080.035.258.130	74,40%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2.224.827.020.114)	7.698.721.543.050	
Lợi nhuận khác	25.047.961.455	34.036.911.583	35,89%
Lợi nhuận trước thuế	(2.852.427.438.530)	6.940.676.635.210	
Lợi nhuận sau thuế	(2.858.127.502.374)	6.683.539.852.376	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	NĂM 2020	NĂM 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,47	1,65
+ Hệ số thanh toán nhanh		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,06	1,27
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,444	0,438
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,80	0,78
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,57	7,51
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,06	1,65
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,05)	0,07
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-8,78%	19,48%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-5,22%	10,89%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,04)	0,08

Các hệ số về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) năm nay là 1,65 cao hơn năm trước (1,47) cho thấy khả năng thanh toán của Công ty tốt hơn năm trước. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh năm nay là 1,27, cũng cao hơn so với năm 2020 (1,06) cho thấy Công ty tăng khả năng đáp ứng nhu cầu thanh toán nhanh hơn so với năm ngoái.



Các hệ số về cơ cấu vốn

Hệ số nợ tài sản (Nợ phải trả / Tổng tài sản) năm nay là 0,438; năm trước là 0,444 - đồng nghĩa mức độ tự chủ tài chính tăng lên.

Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả / Vốn CSH) năm nay là 0,78 thấp hơn so với năm trước (0,80) chứng tỏ Công ty ít phụ thuộc vào hình thức huy động vốn bằng vay nợ so với năm trước.

Các hệ số hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân): Hệ số vòng quay hàng tồn kho năm nay là 7,51 trong khi năm trước là 7,57.

Doanh thu thuần/Tổng tài sản: 1,65, cao hơn so với năm 2020 (1,06) chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản năm nay tốt hơn năm ngoái.

Các hệ số về khả năng sinh lời

Năm 2021, ROA, ROE đều dương và cao cho thấy năm 2021 Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả rất tốt, năm 2020 Công ty lỗ nên các chỉ số này đều âm.

Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản ROA = 10,89%; chỉ tiêu ROA thể hiện tính hiệu quả của quá trình tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả chỉ tiêu cho biết bình quân cứ 100 đồng tài sản được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo ra được 10,89 đồng lợi nhuận.

Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE = 19,48%; chỉ tiêu ROE cho biết số lợi nhuận được thu về cho các chủ sở hữu doanh nghiệp sau khi họ đầu tư một đồng vốn vào sản xuất kinh doanh. Kết quả chỉ tiêu cho biết bình quân cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu đầu tư được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo ra được 19,48 đồng lợi nhuận.



THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là 3.100.499.616 cổ phần, trong đó có 892.100 cổ phần hạn chế chuyển nhượng.

Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập ngày 22/03/2022, tổng số cổ phần đang lưu hành là 3.100.499.616 được sở hữu bởi 42.624 cổ đông. Trong số đó, theo Bản cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài do BSR gửi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 27/05/2020, tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là 49%. Chi tiết cơ cấu cổ đông được mô tả theo bảng dưới đây:

ĐỐI TƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ CỔ ĐÔNG
Cổ đông trong nước	3.093.725.760	99,78%	42.474
Tổ chức	2.864.856.707	92,40%	45
Cá nhân	228.869.053	7,38%	42.429
Cổ đông nước ngoài	6.773.856	0,22%	150
Tổ chức	6.161.810	0,20%	10
Cá nhân	612.046	0,02%	140
Tổng cộng	3.100.499.616	100,00%	42.624

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẤM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	2.856.380.247	92,12

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2021, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần (ngày 01/07/2018) đến nay, Công ty không thực hiện bất kỳ đợt tăng vốn nào.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2021.

Các chứng khoán khác: Không có

Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Song hành với các mục tiêu kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, hoạt động quan hệ nhà đầu tư tiếp tục được BSR chú trọng cải thiện chất lượng nhằm thể hiện trách nhiệm đối với cổ đông và nhà đầu tư. Nhờ đó cổ phiếu BSR nhận được sự quan tâm lớn của nhà đầu tư, giá trị vốn hóa đứng top 3 sàn UPCOM.

Minh bạch hóa và chuẩn hóa quy trình

BSR luôn đảm bảo tuân thủ các quy định công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quy chế công bố thông tin được cập nhật đầy đủ theo luật hiện hành và chuẩn hóa quy trình giúp kịp thời truyền tải thông tin đến cổ đông và nhà đầu tư.

BSR tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Quy trình tổ chức cũng được hệ thống lại và chuyên nghiệp hơn, đảm bảo giãn cách và phòng dịch theo yêu cầu của Chính phủ trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp. Tài liệu họp và các thông tin quan trọng được gửi đến cổ đông đúng hạn, các nội dung được thông qua tại Đại hội với tỷ lệ tán thành cao.

Ứng dụng công nghệ, đa dạng hóa kênh thông tin

Website được BSR xây dựng bài bản, định kỳ hàng quý công bố Báo cáo tài chính và Bản tin Nhà đầu tư.

Kênh truyền thông báo chí được BSR tận dụng, kịp thời có những bài viết đánh giá về thị trường, cổ phiếu và hoạt động kinh doanh của BSR trong suốt năm 2021.

Định hướng năm 2022, BSR hướng đến các tiêu chuẩn cao hơn trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư, giá trị vốn hóa chính phục các cột mốc mới, tối đa hóa lợi ích cổ đông.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD

Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 78

Tình hình tài chính 84

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 87

Kế hoạch phát triển trong tương lai 88



Ông TRẦN ĐOÀN THỊNH
Phó Tổng Giám Đốc



Ông NGUYỄN VIỆT THẮNG
Phó Tổng Giám Đốc



Ông NGUYỄN NGỌC ANH
Phó Tổng Giám Đốc



Ông BÙI NGỌC DƯƠNG
Thành viên HĐQT
khiêm Tổng Giám Đốc



Ông NGHIÊM ĐỨC DƯƠNG
Phó Tổng Giám Đốc



Ông BẠCH ĐỨC LONG
Kế Toán Trưởng



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Điểm nhấn 2021

Năm 2021 ghi nhận nhiều kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của BSR. Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế cao nhất kể từ khi cổ phần hóa, Nhà máy vận hành liên tục và an toàn. Công ty tiếp tục thử nghiệm công nghệ mới nhằm gia tăng và củng cố lợi thế cạnh tranh. Văn hóa BSR được duy trì và phát huy cùng các giá trị cốt lõi. Song song với đó, BSR tiếp tục hướng tới hoạt động kinh doanh bền vững, gắn liền hoạt động sản xuất và kinh doanh với các mục tiêu môi trường và xã hội.

Tối ưu vận hành và chi phí hoạt động nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh

Hoạt động trong ngành mà hiệu quả kinh doanh chịu nhiều tác động từ tình hình thị trường, công tác tối ưu vận hành và chi phí hoạt động luôn đóng vai trò chủ chốt nhằm duy trì và củng cố lợi thế cạnh tranh của BSR trong dài hạn. Năm 2021, BSR tiếp tục vận hành nhà máy liên tục, không bị gián đoạn do tank-top cũng như kiểm soát tốt các chi phí hoạt động. Bên cạnh đó, việc vận hành phân xưởng Cracking xúc tác (RFCC) ổn định ở mức 70% công suất thiết kế là một trong những thành công, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất.

Dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần 4 từ giữa năm 2021 vừa khiến khối lượng sản phẩm tiêu thụ giảm mạnh, cùng lúc đó BSR phải phát sinh thêm các chi phí phòng chống Covid-19, chi phí tàu dầu thô chờ dỡ hàng, chi phí gửi kho sản phẩm,... Trong bối cảnh đó, BSR tích cực thực hiện các giải pháp ứng phó và đã đạt được một số kết quả, trong đó chi phí phát sinh trong kỳ (không bao gồm chi phí dầu thô và phân bổ chi phí cho bảo dưỡng tổng thể) giảm khoảng 1,4% (tương đương 97,04 tỷ đồng) so với kế hoạch.

Tối ưu và tiết giảm chi phí tài chính là một trong những trọng tâm trong quản lý chi phí của BSR. Trong năm 2021, BSR đã thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí tài chính, trong số đó có (i) kiểm soát chặt chẽ kế hoạch thu/chi để tận dụng tối đa lãi suất vay thấp (tiết giảm 388 tỉ so với kế hoạch), (ii) thu xếp ngoại tệ để tận dụng ưu đãi tỷ giá từ Ngân hàng (tiết giảm 164 tỉ) và các biện pháp tài chính khác.

Chi phí vận chuyển chiếm tỷ trọng khoảng 30% tổng chi phí hoạt động của Công ty. BSR đã triển khai các giải pháp giúp giảm chi phí thuê tàu và lưu kho, giúp giảm 5,5% tổng chi phí vận chuyển.

BSR cũng tiến hành số hóa mạnh mẽ thông qua đầu tư xây dựng hệ thống ERP và các giải pháp công nghệ thông tin khác nhằm nâng cao hiệu quả quản trị.

Tăng trưởng lợi nhuận kinh doanh và dấu ấn trong đa dạng hóa sản phẩm

Năm 2021 đánh dấu mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất cao nhất kể từ sau cổ phần hóa, đạt mức 6.683 tỷ đồng. Đây là kết quả của quá trình thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, chủ động đánh giá, nhận định nhu cầu sản phẩm mang lại giá trị để linh hoạt trong sản xuất và xây dựng cơ chế bán hàng phù hợp, giúp tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty. Thành quả của sự linh hoạt đến từ chủ trương đa dạng hóa sản phẩm, trong đó ngoài các sản phẩm lọc dầu truyền thống (xăng, DO,...) BSR cũng chú trọng nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm hóa dầu như nhựa và các loại hóa chất khác.

Nhựa PP (Polypropylene) là một trong những sản phẩm góp phần tích cực vào kết quả kinh doanh của BSR với doanh thu và lợi nhuận gộp 2021 theo thứ tự là 5.251 tỉ đồng và 1.011 tỉ đồng, tăng trưởng 55% so với năm 2020. Mặc dù mức đóng góp vào doanh thu cả công ty chỉ dao động từ 4-5%, sản phẩm này đóng góp tới 13-15% lợi nhuận gộp và liên tục ghi nhận lợi nhuận gộp dương trong bối cảnh hiệu quả kinh doanh của các sản phẩm truyền thống biến động mạnh theo thị trường. Đơn cử năm 2020, thị trường có nhiều diễn biến rất bất lợi cho BSR, sản phẩm nhựa PP vẫn ghi nhận lợi nhuận gộp ở mức 632 tỉ, góp phần đáng kể trong kết quả kinh doanh chung của toàn Công ty.

Ngoài ra, BSR cũng tiếp tục nghiên cứu, cải tiến để nâng cao hiệu quả sản xuất nhựa PP. Trong đó, BSR đã thử nghiệm thành công nâng công suất phân xưởng PP lên 115% công suất thiết kế, thử nghiệm tăng phụ gia để tăng sản lượng Propylene. Các sản phẩm nhựa PP mới cũng được xuất bán thành công cho khách hàng với mức giá trung bình cao hơn khoảng 5 USD/tấn so với giá các sản phẩm truyền thống, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của nhóm sản phẩm này.

Năm 2021 đánh dấu mức lợi nhuận sau thuế hợp nhất cao nhất kể từ sau cổ phần hóa, đạt mức 6.683 tỷ đồng

”

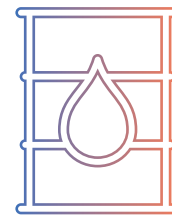




Đa dạng nguồn cung dầu thô song hành với nâng cao năng lực sản xuất

Một trong những tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của nhà máy lọc dầu là khả năng lọc đa dạng các nguồn dầu thô, từ dầu nhẹ, ngọt tới các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh (S) cao hơn. Trong tiến trình đa dạng nguồn dầu thô đầu vào cho Nhà máy, BSR tiếp tục nghiên cứu và thử nghiệm các loại dầu thô khác nhau trên thị trường. Trong năm 2021, BSR đã tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn 12 loại dầu thô mới bổ sung vào rổ dầu của Nhà máy và chế biến thử nghiệm thành công 6 loại dầu thô mới là Qua Iboe (trên 30% vol), Cabinda (10% vol), Minas (trên 20% vol), Sông Đốc (trên 20% vol), Forcados (40% vol) và Attifel (30% vol).

BSR cũng nghiên cứu cải tiến công nghệ hiện hành của Nhà máy để chế biến dầu thô có hàm lượng lưu huỳnh (S) cao đến 0,16% wt thông qua các giải pháp (i) nâng công suất phân xưởng thu hồi lưu huỳnh SRU2 lên 130% (ii) chuyển đổi amine từ DEA sang MDEA hoặc tương đương, thử nghiệm phụ gia De-SOx tại phân xưởng RFCC để đảm bảo giá trị SOx thải ra môi trường.



Chế biến thử nghiệm thành công 6 loại dầu thô mới

Tối ưu tài chính

Nhờ kết quả kinh doanh thuận lợi, các chỉ số tài chính của BSR được cải thiện rõ rệt và đạt trạng thái lành mạnh nhất trong 05 năm trở lại đây.

Công ty tiếp tục duy trì được giá trị tiền mặt ròng (Tiền và tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn - Nợ vay ngắn hạn - Nợ vay dài hạn) ở mức dương 9.763 tỷ và là mức cao nhất kể từ năm 2017. Cùng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tăng và hệ số cơ cấu vốn giảm về nợ vay, BSR đang cho thấy sức khỏe tài chính rất tốt, là nguồn lực quan trọng để Công ty nắm bắt các cơ hội trên thị trường dầu thế giới trong bối cảnh giá dầu tiếp tục có nhiều biến động.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2017	2018	2019	2020	2021
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	9.102	5.401	4.937	425	8.971
Tiền mặt ròng	Tỷ đồng	-1.631	-4.365	2.058	768	9.763
Hệ số nợ vay/tổng tài sản	Lần	0,22	0,19	0,12	0,23	0,16
Tỷ lệ thanh toán hiện thời	Lần	1,78	1,83	2,08	1,47	1,65
Tỷ lệ thanh toán nhanh	Lần	1,33	1,13	1,42	1,06	1,27

Đánh giá chung

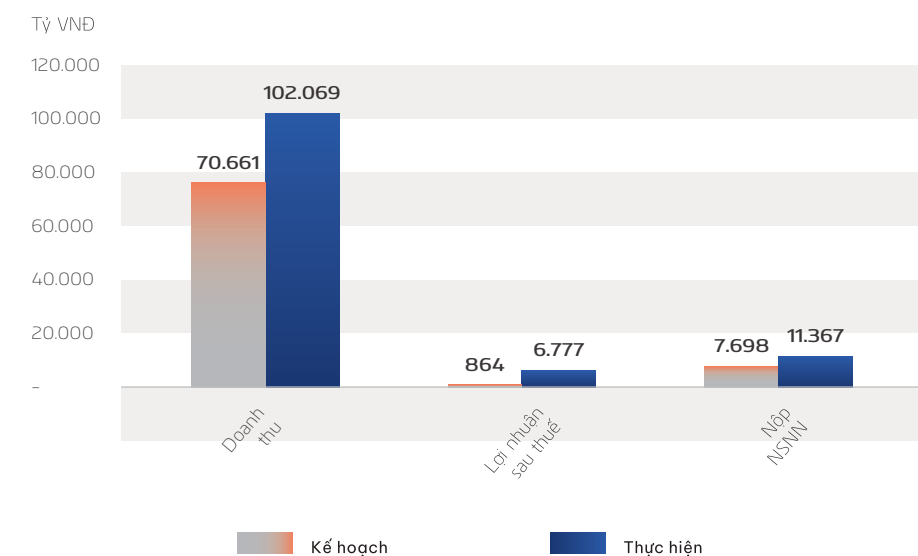
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2020	NĂM 2021	
				Kế hoạch	Thực hiện
I	Chỉ tiêu sản lượng				
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	5.930.486	6.497.587	6.528.804
2	Sản lượng tiêu thụ		5.922.021	6.497.587	6.423.553
II	Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)				
1	Tổng doanh thu		58.651,1	70.898,3	102.130,0
2	Nộp NSNN		6.255,7	7.706,5	11.379,3
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-2.852,4	871,4	6.940,7
4	Lợi nhuận sau thuế		-2.858,1	870,0	6.683,5
III	Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ				
1	Tổng doanh thu		58.587,0	70.660,6	102.068,7
2	Nộp NSNN		6.241,5	7.697,6	11.366,7
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-2.812,5	864,3	7.031,5
4	Lợi nhuận sau thuế		-2.812,4	864,3	6.776,7

So với Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

- Sản lượng sản xuất đạt 100,5% kế hoạch được giao.
- Tổng doanh thu Công ty mẹ vượt 44,4% so với kế hoạch.
- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ vượt 684% so với kế hoạch
- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước Công ty mẹ vượt 48% so với kế hoạch.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CÔNG TY MẸ



Năm 2021 là năm kinh tế Thế giới và Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19. Nhưng do hầu hết người dân trên thế giới đã được tiêm vắc-xin, các nước dần nới lỏng việc áp dụng hạn chế nhập cảnh, kinh tế dần được phục hồi. Trước tình hình đó, BSR đã áp dụng triệt để các công cụ quản trị hiện có, tận dụng tối đa những thuận lợi và chủ động đưa ra các giải pháp hiệu quả, kịp thời để ứng phó với những khó khăn ở từng thời điểm do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, kết hợp với những nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV và những thuận lợi do dầu thô tăng giá, BSR đã xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.

Thuận lợi trong sản xuất kinh doanh

- Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Chính phủ/ Bộ ngành.
- Tỷ giá USD/VND khá ổn định, không có biến động bất thường.
- Nhà máy đạt 33,06 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI).
- Nhà máy vận hành an toàn, liên tục tại công suất trung bình 98,8% công suất thiết kế.
- Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể đoàn kết, thống nhất.
- Đã tích lũy được kinh nghiệm trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.
- Giá dầu thô tăng cao và khoảng cách giá giữa giá sản phẩm xăng 92/95 và dầu thô (crack margin) mở rộng hơn nhiều so với KH và so với năm 2020.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DẦU THÔ, GIÁ SẢN PHẨM BÌNH QUÂN NĂM 2021 VÀ KHOẢNG CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VỚI GIÁ DẦU THÔ THỰC HIỆN NĂM 2021 SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị: USD/ thùng

STT	NỘI DUNG	2020	2021		CHÊNH LỆCH	
			KH	TH	TH21 / TH20	TH21 / KH21
1	Dầu thô	46,57	49,74	73,67	58,2%	48,1%
2	Mogas 95	52,06	58,58	87,10	67,3%	48,7%
3	Mogas 92	50,26	56,00	84,93	69,0%	51,7%
4	Jet A1	46,47	56,40	77,84	67,5%	38,0%
5	DO 0,05%S	48,40	55,15	75,80	56,6%	37,5%
6	Mogas 95-Dầu thô	5,48	8,83	13,43	145,0%	52,0%
7	Mogas 92-Dầu thô	3,69	6,26	11,26	205,5%	80,0%
8	Jet A1-Dầu thô	-0,10	6,66	4,17		-37,4%
9	DO 0,05%S-Dầu thô	1,82	5,41	2,14	17,1%	-60,5%

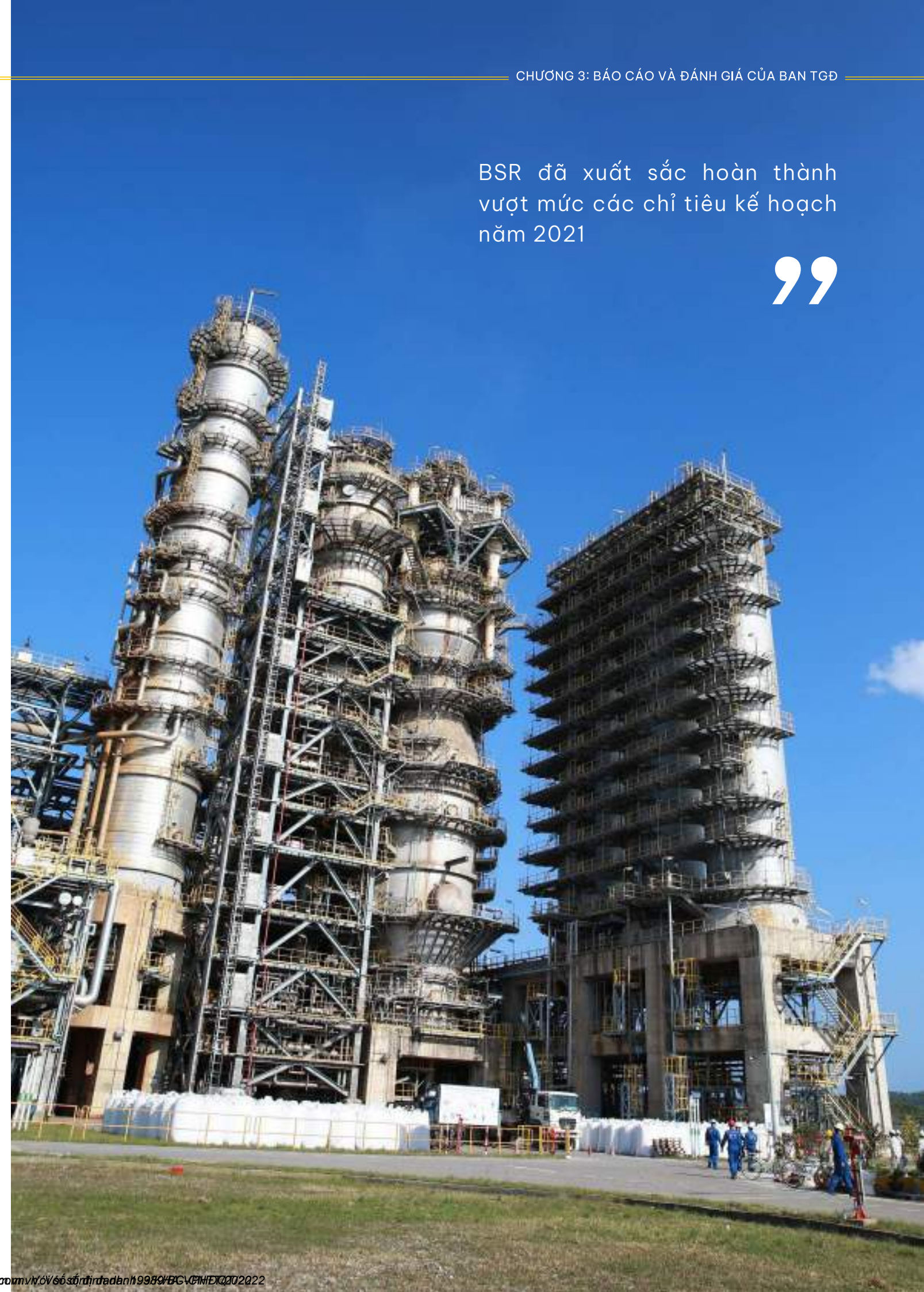
Ghi chú: Giá dầu thô được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium + các chi phí khác có liên quan.

Khó khăn

- Trong năm 2021, BSR tiếp tục chịu ảnh hưởng bất lợi do đại dịch Covid-19 gây ra, đặc biệt khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm những tháng 8,9/2021 (thời điểm này tồn kho sản phẩm luôn ở mức cao vượt khả năng tồn chứa của nhà máy, BSR buộc phải tiến hành thuê kho gửi sản phẩm và hạ công suất vận hành về mức tối thiểu để đảm bảo an toàn vận hành).
- Khó khăn trong việc triển khai đầu tư dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- Nhà máy đã có thời gian vận hành trên 10 năm nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo nếu không được kiểm tra giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, liên tục dẫn tới chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng.
- Khoảng chênh lệch giữa giá sản phẩm Jet A1 và DO so với giá dầu thô thấp hơn so với kế hoạch làm giảm lợi nhuận.

BSR đã xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

”



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

BSR thực hiện việc mua sắm tài sản theo nhu cầu sử dụng và định mức được Công ty quy định. Đối với tài sản cố định, công ty xây dựng và triển khai quy trình quản lý chặt chẽ, thực hiện bảo dưỡng định kỳ, luôn duy trì và nâng cao năng lực sử dụng tài sản.

Công ty đã tuân thủ các quy định của Pháp luật và Công ty về quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả.

Tiền, tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn

Tình hình số dư tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn được cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
Tiền mặt	878	420
Tiền gửi ngân hàng	386.793	292.361
Các khoản tương đương tiền	15.958.002	12.499.732
Tổng cộng	16.345.674	12.792.514

Tổng tiền và tương đương tiền cuối năm 2021 là 16.346 tỷ đồng, tăng 3.553 tỷ đồng so với cuối năm 2020, trong đó Công ty mẹ chiếm 99,8%.

Nguyên nhân chính: Công ty luôn cân đối nguồn tiền ở mức có lợi nhất; Tiền bán hàng thu được sẽ được cân đối với nhu cầu chi và lãi suất tiền gửi từng thời kỳ. Trong năm 2021 lãi suất vay ngắn hạn có nhiều thuận lợi nên Công ty tăng cường vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng dịch vụ UPAS LC (LC trả chậm) của ngân hàng, do đó, các khoản tương đương tiền năm nay cao hơn năm trước.

Phải thu khách hàng

Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản phải thu khách hàng của Công ty là 13.251 tỷ đồng, cao hơn so với thời điểm 31/12/2020 (7.635 tỷ đồng) và chiếm 19,84% Tổng tài sản cuối năm 2021.

Nguyên nhân khoản phải thu khách hàng cao so với thời điểm 31/12/2020 là do giá bán bình quân tháng 12/2021 cao hơn so với tháng 12/2020 là 6,6 triệu đồng/tấn sản phẩm, mặc dù tháng 12/2021 có khối lượng tiêu thụ thấp hơn so với tháng 12/2020 hơn 104 nghìn tấn. Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, không có nợ phải thu quá hạn.

Chất lượng các khoản phải thu: Trong năm, BSR triển khai áp dụng thanh toán theo hình thức LC đối với hầu hết khách hàng nên công tác thu hồi nợ đúng hạn.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: PV Building trong năm hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 504,8 triệu đồng, BSR-BF không trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm. Lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 là 364,5 triệu đồng.



BSR đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho gồm:

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
Hàng mua đang đi trên đường	1.549.797	3.182.162
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	3.784.964	2.060.490
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.613.425	1.602.127
Chi phí SXKD dở dang	786.250	926.032
Thành phẩm tồn kho	2.642.149	637.887
Hàng hóa	-	24
Tổng cộng	10.376.585	8.408.722
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.490)	(22.033)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	10.358.095	8.386.689

Đơn vị: Triệu VND

Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2021 là 10.358 tỷ đồng cao hơn so với thời điểm 31/12/2020 là 1.971 tỷ đồng. Hầu hết chất lượng hàng tồn kho đều tốt.

TSCĐ và đầu tư XDCB

- Trích khấu hao: Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ trích khấu hao theo quy định.
- Tình trạng tài sản: đang sử dụng tốt.
- Tài sản cố định của Công ty chủ yếu là giá trị Nhà máy lọc dầu.
- Chi phí đầu tư XDCB dở dang chủ yếu ở dự án nâng cấp mở rộng nhà máy và triển khai hệ thống ERP giai đoạn 1.
- Tài sản cố định giảm khoảng 10% so với năm trước, tương đương giảm 2.239 tỷ đồng do giá trị đã trích khấu hao trong năm 2021.
- Trong khi đó, chi phí XDCB tăng 9,41% so với năm trước. Chủ yếu là các công trình: Triển khai hệ thống ERP giai đoạn 1, Chi phí xây dựng cơ bản của Ban nâng cấp mở rộng Nhà máy, lắp đặt các trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục cho ống khói phân xưởng U40 và U11.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Các khoản mục tài sản khác

- Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu là Chi phí trả trước ngắn hạn (45 tỷ đồng).
- Chi phí trả trước ngắn hạn của Công ty chủ yếu là Bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm con người.
- Tài sản dài hạn khác chủ yếu là chi phí trả trước dài hạn (bảo hiểm nhân thọ) 168 tỷ đồng, chi phí hóa chất phân xưởng CCR 114 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, các khoản phải trả, phải nộp đến hạn khác. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn hiện thời là 1,65 lần và hệ số thanh toán nhanh là 1,27 lần. Công ty đảm bảo khả năng trả nợ đúng hạn.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cuối tháng 12/2021 là 0,78. Theo quy định Nghị định 91/2015/NĐ-CP chỉ số này không được lớn hơn 3, điều đó cho thấy cơ cấu giữa nợ và vốn chủ sở hữu của Công ty nằm trong mức an toàn.

BSR dùng tỷ giá Vietcombank tại Hội sở chính khi đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ, tỷ giá đánh giá tại ngày 31/12/2021 là 22.640 VND/USD, giảm 1,7 % so với tỷ giá tại ngày 31/12/2020 là 23.035 VND/USD, điều này làm phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán năm 2021 là 306 tỷ đồng.

Trong năm 2021, BSR đã thực hiện rà soát cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty để điều chỉnh, bổ sung, tránh chồng chéo, đảm bảo hoạt động của Công ty thông suốt, hiệu quả. Một số công việc đã thực hiện:

Bổ sung, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của một số Ban/ Phòng để phù hợp với công tác quản lý, điều hành và tình hình thực tế của Công ty.

Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành để phát huy ưu thế công nghệ, hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu kế hoạch và góp phần mang lại lợi ích tối đa theo hướng bền vững và hiệu quả trong thời đại công nghiệp 4.0 và kỷ nguyên số hóa.

Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm của các cấp quản lý. Phân cấp rõ ràng, cụ thể và chuyên nghiệp trong công tác quản lý sản xuất trực tiếp, không làm phát sinh chi phí, nâng cao hiệu quả xử lý công việc.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Xây dựng BSR trở thành Doanh nghiệp năng động, thích ứng và linh hoạt với các biến động, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao gắn liền với trách nhiệm cộng đồng cao (bảo vệ môi trường và tăng cường công tác an sinh xã hội).

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tập trung nguồn lực để nghiên cứu, tìm hướng đi phù hợp cho Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải tại Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/09/2011 của Thủ tướng Chính phủ.
- Đa dạng hóa sản phẩm, tích hợp hóa dầu.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đặc biệt là văn phòng điện tử và ERP.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

- Thường xuyên đảm bảo sản xuất an toàn, liên tục, ổn định và hiệu quả; các sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.

Nhiệm vụ trọng tâm

Đối với công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường

- Không ngừng hoàn thiện và củng cố hệ thống quản lý sức khỏe - an toàn - môi trường và an ninh (HSES).
- Thường xuyên duy trì và bảo đảm công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường của BSR nói chung và Nhà máy nói riêng ở mức cao (bằng hoặc tốt hơn năm liền kề trước đó).
- Thường xuyên chăm lo sức khỏe của CBCNV và kiểm soát tình hình dịch bệnh không ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR.
- Tuân thủ nghiêm các quy định về môi trường và phần đấu không có khiếu nại của người dân, khuyến nghị của cơ quan chức năng trong các đợt kiểm tra định kỳ/đợt xuất liên quan đến môi trường.
- Xây dựng, triển khai Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại “Quy chế Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu” ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021.

Xây dựng BSR trở thành Doanh nghiệp năng động, thích ứng và linh hoạt với các biến động, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế



- Không ngừng duy trì tăng trưởng và phát triển bền vững góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, sự phát triển chung của địa phương/PVN nói riêng và miền Trung, cả nước nói chung.
- Đẩy mạnh công tác chuyển dịch năng lượng đảm bảo hiệu quả và phù hợp với lộ trình cam kết của Việt Nam về chống biến đổi khí hậu tại Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (COP26).
- Không ngừng gia tăng trách nhiệm với cộng đồng, bao gồm việc sử dụng công nghệ sản xuất và sản phẩm thân thiện với môi trường; tăng cường ngân sách và mở rộng phạm vi triển khai công tác an sinh xã hội.

Vận hành và bảo dưỡng

- Tập trung vận hành NMLD Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất và hiệu suất sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, đồng thời đảm bảo công suất vận hành trung bình năm không thấp hơn công suất kế hoạch được duyệt và tối đa hoá hiệu quả SXKD của BSR.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ độ tin cậy thiết bị/hệ thống; đánh giá và dự báo tình trạng hoạt động của các thiết bị/hệ thống để lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hiệu quả và chi phí tối ưu, đồng thời không ngừng nâng cao tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa và giảm thiểu công tác bảo dưỡng sửa chữa.

Tối ưu hoá và nghiên cứu khoa học

- Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ XTHP, vật tư tiêu hao, danh mục vật tư phụ tùng thay thế (spare part), v.v... (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR.
- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại dầu mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy.
- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất và xuất bán các sản phẩm mới phù hợp với năng lực sản xuất, nhu cầu thị trường và góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.
- Không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến hợp lý hoá sản xuất nhằm góp phần củng cố/hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng suất lao động, mức độ an toàn, tin cậy thiết bị/vận hành của Nhà máy, chất lượng sản phẩm; giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.
- Nghiên cứu và đề xuất danh mục đầu tư liên quan đến chiến lược/xu hướng chuyển đổi năng lượng.

Mua dầu thô và kinh doanh sản phẩm

- Thường xuyên cập nhật tình hình dịch bệnh Covid-19, các thông tin dự báo thị trường dầu thô - sản phẩm (cung - cầu, giá) trong và ngoài nước, thông tin của khách hàng để đánh giá, phân tích/nhận định làm cơ sở xây dựng các phương án và/hoặc kịp thời điều hành SXKD, bán hàng phù hợp, tối ưu nhằm đảm bảo hiệu quả tối đa cho BSR.





- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện chiến lược mua dầu thô với mục tiêu đáp ứng khoảng 80% nhu cầu dầu thô chế biến tại Nhà máy thông qua các hợp đồng cung cấp dầu thô dài hạn (từ 3-5 năm). Chủ động, linh hoạt trong công tác mua dầu thô đối với sản lượng chế biến chưa có hợp đồng cung cấp dài hạn nhằm đảm bảo đủ dầu thô cho nhà máy vận hành liên tục, ổn định ở công suất tối ưu.
- Chủ động, linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm phù hợp với nhu cầu, điều kiện/xu hướng thị trường và năng lực sản xuất/tồn trữ của BSR tại mỗi thời điểm/giai đoạn cụ thể.

Quản trị

- Không ngừng củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị theo mô hình công ty cổ phần, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR. Tổ chức rà soát, nghiên cứu và cải tiến các quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với quy trình nghiệp vụ của hệ thống ERP tại BSR.
- Hoàn thiện và tổ chức triển khai các giải pháp phù hợp với kế hoạch chiến lược trong Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro cho toàn bộ các hoạt động SXKD của BSR làm cơ sở để theo dõi, kiểm soát và giảm tới mức tối thiểu các tổn thất (nếu có) cho BSR.
- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền để đảm bảo hoạt động SXKD của BSR được ổn định và liên tục.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, điện tử/tự động hoá các báo cáo quản trị và đầu tư hệ thống ERP trong năm 2022, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của Tập đoàn, cũng như để nâng cao độ chính xác và kịp thời của thông tin báo cáo góp phần nâng cao hiệu quả điều hành SXKD của BSR.
- Tiếp tục báo cáo các Cấp thẩm quyền để hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho BSR liên quan đến tiền gửi của BSR tại Oceanbank; các chính sách ưu đãi thuế cho NMLD hiện hữu và cho Dự án NCMR; miễn thuế bảo vệ môi trường đối với việc đốt FO (tiêu thụ nội bộ), v.v...

Tái cấu trúc

- Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2 phù hợp với định hướng của Tập đoàn và thực tế hoạt động SXKD của BSR; nghiên cứu, xây dựng chính sách, thang bảng lương nhằm thu hút và giữ các nhân sự chất lượng cao;
- Tiếp tục triển khai công tác thoái vốn của BSR tại PVBuilding khi có điều kiện thuận lợi. Đồng thời, chuẩn bị sẵn sàng các thủ tục để: (i) hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hoá của BSR; (ii) thoái vốn của BSR tại PMS, PVOS ngay sau khi có hướng dẫn của cấp thẩm quyền.
- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác đầu tư mua phần vốn góp của Tập đoàn tại BSR theo định hướng chỉ đạo của Tập đoàn (nếu có).

Đầu tư và quản trị danh mục đầu tư

- Báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt/chấp thuận điều chỉnh chủ trương theo hướng tập trung nâng cấp chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn chất lượng mức 5 và tăng cường sản phẩm hóa dầu để thay thế Dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- Triển khai lập Pre-FS, DFS cho Dự án đầu tư điều chỉnh.
- Đẩy nhanh công tác lập và triển khai các dự án đầu tư khác nhằm sớm đưa vào khai thác, sử dụng để phát huy tối đa hiệu quả/mục tiêu đầu tư của các dự án đầu tư khác.
- Định kỳ rà soát, đánh giá các dự án đầu tư theo quy định quản trị danh mục đầu tư của BSR góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Bố trí đủ nguồn vốn để triển khai các dự án đầu tư và mua sắm TTB/TSCĐ.



Các nhiệm vụ khác

- Hoàn thành Đề án xây dựng/tái tạo văn hoá doanh nghiệp/BSR.
- Tăng cường công tác đào tạo, tái đào tạo các quy chế/ quy trình của BSR; kiến thức chuyên ngành; kỹ năng, nghiệp vụ, 7 thói quen hiệu quả, văn hoá doanh nghiệp, v.v...nhằm phát triển nguồn nhân lực toàn diện và góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.
- Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ chi phí tối thiểu cho BSR-BF trong giới hạn luật pháp cho phép.
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và bảo dưỡng cho các nhà máy khác.
- Tiếp tục triển khai công tác an sinh xã hội theo kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Thực hiện tốt công tác truyền thông để không ngừng quảng bá thương hiệu và giữ vững hình ảnh của BSR
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

Các giải pháp thực hiện Kế hoạch

Giải pháp chung

- Duy trì sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Công ty để đảm bảo các chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán, kịp thời và hiệu quả.
- Tận dụng tối đa sự ủng hộ của các bên liên quan, các cơ quan chức năng của tỉnh và các Bộ/Ngành liên quan.

Giải pháp về công tác an ninh, an toàn, sức khoẻ và môi trường

- Định kỳ rà soát hệ thống quản lý an toàn, sức khoẻ và môi trường để không ngừng củng cố, hoàn thiện và duy trì việc áp dụng/tuân thủ hệ thống một cách đầy đủ và hiệu quả.
- Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh, bảo vệ có đủ năng lực, kinh nghiệm và đã nhiều năm triển khai dịch vụ bảo vệ cho NMLD. Đồng thời, thường xuyên ủy-ên tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống an ninh để góp phần nâng cao hiệu quả của công tác an ninh, bảo vệ của nhà máy.
- Thường xuyên giám sát việc áp dụng, tuân thủ các quy định liên quan đến an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ; kiểm tra và đảm bảo các hệ thống/thiết bị phòng cháy chữa cháy luôn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động khi cần; xây dựng văn hoá an toàn và tổ chức đào tạo/tái đào tạo, kiểm tra/tái kiểm tra các nội dung liên quan công tác an toàn, phòng chống cháy nổ.
- Công tác y tế và quản lý sức khỏe: Theo dõi diễn biến tình hình của dịch bệnh ở Việt Nam cũng như trên thế giới, chủ động áp dụng các biện pháp phòng dịch Covid-19 hiệu quả, linh động với tình hình thực tế tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Cung cấp đầy đủ trang thiết bị y tế như khẩu trang, kính chống giọt bắn, định kỳ xét nghiệm cho người lao động. Cải tiến công tác quản lý và khai thác hiệu quả dữ liệu sức khỏe người lao động bằng tin học hóa.
- Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ khám sức khoẻ có uy tín và trang thiết bị hiện đại; tổ chức khám sức khoẻ/sức khoẻ nghề nghiệp định kỳ cho toàn bộ CBCNV.
- Thường xuyên giám sát các điểm xả (khí thải, nước thải, v.v...) và đầu tư các thiết bị đo trực tuyến (nếu cần thiết) để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu quy định đối với nước/khí thải trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn môi trường.
- Cải tiến công tác quản lý và khai thác hiệu quả dữ liệu AT-SK-MT-PCCC bằng tin học hóa.



Cải tiến công tác quản lý & khai thác dữ liệu sức khỏe NLĐ bằng tin học hóa



Giải pháp về vận hành và bảo dưỡng

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với khối nhà máy nói riêng và BSR nói chung.
- Bố trí đủ nguồn nhân lực có năng lực và kinh nghiệm; thường xuyên tổ chức đào tạo, kiểm tra kiến thức/quy trình/hướng dẫn/quy định liên quan đến các lĩnh vực phụ trách như vận hành, bảo dưỡng, kiểm tra thiết bị, quản lý chất lượng, v.v...
- Định kỳ rà soát hệ thống quy trình/hướng dẫn/quy định về vận hành, bảo dưỡng, kiểm tra thiết bị, quản lý chất lượng, v.v... để cải tiến/cập nhật/bổ sung nhằm không ngừng củng cố và hoàn thiện hệ thống quy trình/hướng dẫn/quy định về vận hành, bảo dưỡng.
- Lập kế hoạch kiểm tra và không ngừng xây dựng, củng cố hệ thống cơ sở dữ liệu về độ tin cậy của thiết bị/hệ thống làm cơ sở xây dựng kế hoạch bảo dưỡng định kỳ của các thiết bị/hệ thống. Thực hiện công tác bảo dưỡng đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng cao, ngày càng nâng cao tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa và giảm dần tỷ lệ bảo dưỡng sửa chữa.
- Tổ chức lựa chọn các nhà cung cấp nguyên vật liệu, vật tư/phụ tùng, trang thiết bị, xúc tác hoá phẩm, dịch vụ, v.v...đáp ứng tiến độ, chất lượng và số lượng đảm bảo yêu cầu vận hành và bảo dưỡng liên tục.

Giải pháp về tối ưu hoá và nghiên cứu khoa học

- Bố trí đủ nguồn lực có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với nhiệm vụ/mục tiêu tối ưu hoá và nghiên cứu khoa học.
- Không ngừng trang bị/đào tạo kiến thức, phương pháp nghiên cứu, các phần mềm/công cụ, hợp tác, v.v... phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến hợp lý hoá sản xuất.
- Tiếp tục rà soát và cập nhật quy chế, quy trình liên quan đến sử dụng quỹ khoa học công nghệ và chế độ chính sách (ví dụ như trả thù lao bằng tỷ lệ % lợi nhuận mang lại của các đề tài/sáng kiến cho BSR, v.v...) nhằm đơn giản hoá các thủ tục, tạo động lực/kích lệ công tác nghiên cứu khoa học.
- Thường xuyên chia sẻ nhu cầu của đơn vị tiêu thụ/bao tiêu sản phẩm, bộ phận kinh doanh sản phẩm với bộ phận nghiên cứu khoa học để tổ chức nghiên cứu, sản xuất và bán sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu khách hàng/thị trường.





Giải pháp về mua dầu thô và bán sản phẩm

- Ký hợp đồng mua các bản tin dự báo từ các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp; thường xuyên kết nối với các khách hàng lớn, đầu mối nhập khẩu xăng dầu, nhà sản xuất/cung cấp dầu thô, v.v... để có đầy đủ, kịp thời các thông tin về dự báo, cung - cầu dầu thô, sản phẩm làm cơ sở phân tích, đánh giá và chủ động xây dựng phương án SXKD, tồn kho và bán sản phẩm phù hợp cho từng giai đoạn/điều kiện thị trường.
- Thường xuyên trao đổi với nhà sản xuất/cung cấp dầu thô, bao tiêu sản phẩm để hoạch định chiến lược và chính sách mua dầu thô, bán sản phẩm phù hợp theo hướng hợp tác/ký hợp đồng dài hạn trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng trong việc mua dầu thô quốc tế với mục tiêu BSR có thể chủ động triển khai công tác mua dầu thô quốc tế trong tương lai.

Giải pháp về công tác quản trị

- Định kỳ rà soát các quy chế, quy định, quy trình, sổ tay, hướng dẫn, v.v... để cập nhật/sửa đổi/bổ sung (nếu cần thiết) nhằm ngày càng tối ưu, hoàn thiện hệ thống quản trị của BSR theo hướng tinh gọn, tối ưu và tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.
- Triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của BSR.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà Nước, của Tập đoàn về quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả. Định kỳ cập nhật dòng tiền để theo dõi, kiểm soát và có giải pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.
- Bố trí đủ nguồn lực và vốn để triển khai mạnh mẽ, quyết liệt các dự án chuyển đổi số, số hoá/điện tử hoá các báo cáo quản trị, công tác trình ký văn bản/hồ sơ thanh toán, v.v...
- Giám sát chặt chẽ nhà thầu tư vấn đảm bảo hoàn thành dự án ERP theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng; tổ chức khai thác hiệu quả hệ thống ERP sau khi tư vấn hoàn thành và bàn giao cho BSR tiếp nhận và sử dụng.
- Bám sát các cấp thẩm quyền để làm rõ/giải trình các nội dung để xuất của BSR nhằm đạt được các văn bản phê duyệt/chấp thuận/hướng dẫn đối với các khó khăn, vướng mắc của BSR.
- Giao và kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí (SXKD, đầu tư và mua sắm TSCĐ) cho từng Ban chức năng để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch/mức phần thưởng được giao. Đồng thời, thường xuyên tổ chức ra soát để tìm kiếm các cơ hội tiết giảm chi phí góp phần giảm giá thành sản phẩm.
- Phát huy hiệu quả của các chuỗi liên kết giá trị hiện có và nghiên cứu triển khai các chuỗi liên kết mới có thể mang lại lợi ích cho BSR.

Giải pháp về tái cấu trúc

- Thực hiện đầy đủ các hướng dẫn/chỉ đạo của Tập đoàn về công tác tái cấu trúc BSR; tinh gọn bộ máy quản lý.
- Hoàn thiện, triển khai áp dụng thử và tiến tới áp dụng hệ thống lương 3P cho toàn Công ty.
- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân sự thay thế; bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực kinh nghiệm và nhu cầu nhiệm vụ mới.



Giải pháp về đầu tư và quản trị danh mục đầu tư

- Bố trí đủ nguồn nhân sự có năng lực, kinh nghiệm để triển khai các dự án đầu tư.
- Thường xuyên bám sát cấp có thẩm quyền để giải trình/làm rõ nhằm đạt được phê duyệt/chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
- Tổ chức lựa chọn Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm quốc tế để triển khai lập Báo cáo nghiên cứu Tiền khả thi điều chỉnh (Pre-FS điều chỉnh), Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh (DFS điều chỉnh).
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển, làm việc với các ngân hàng/tổ chức tín dụng trong và ngoài nước và các giải pháp khác (như tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu nếu đủ điều kiện và cần thiết) để đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư cho các dự án.
- Lập kế hoạch và tổ chức các đoàn giám sát định kỳ công tác đầu tư.

Giải pháp thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch liên quan đến công tác khác

- Lập kế hoạch chi phí và xây dựng chương trình đào tạo thường xuyên cho CBCNV BSR.
- Thành lập tổ hỗ trợ pháp lý để hỗ trợ BSR-BF chuẩn bị các thủ tục sẵn sàng chuyển giao cho ngân hàng theo quy định các hợp đồng tín dụng/hợp đồng vay vốn sau khi có chấp thuận chủ trương của Tập đoàn.
- Tổ chức tìm kiếm, liên kết với các đơn vị trong ngành để tìm kiếm và cung cấp các dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và bảo dưỡng cho các nhà máy khác.
- Bố trí đủ nguồn lực để triển khai nhanh và hiệu quả các chương trình an sinh xã hội theo kế hoạch của Tập đoàn/BSR được duyệt.
- Không ngừng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ truyền thông nội bộ để ngày càng chuyên nghiệp và phát huy vai trò truyền thông một cách hiệu quả và kịp thời. Sử dụng công cụ, kênh truyền thông đa dạng giúp công ty chủ động giao tiếp với cộng đồng, nhà đầu tư.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	100
Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc	103
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	104



Ông NGUYỄN BÁ PHƯỚC
Thành viên HĐQT



Ông HÀ ĐỒNG
Thành viên HĐQT



Ông BÙI NGỌC DƯƠNG
Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám Đốc



Ông NGUYỄN VĂN HỘI
Chủ tịch HĐQT



Ông KHƯƠNG LÊ THÀNH
Thành viên HĐQT



Ông NGUYỄN HẢI ÂU
Thành viên HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Nhận thức được các khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt từ năm 2020 khi bị ảnh hưởng bởi tác động kép của dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu, giá dầu thô và sản phẩm biến động bất thường với biên độ lớn, khoảng chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô bị thu hẹp nhiều so với kế hoạch, nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh trong nước, khu vực và toàn thế giới, Hội đồng quản trị đã chủ động chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành để đề ra các kịch bản và giải pháp ứng phó với tình hình khó khăn của thị trường, từ đó, hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Kết quả đạt được của năm 2021 được hỗ trợ lớn từ xu hướng giá dầu thế giới tăng từ cuối năm 2020 và sự nỗ lực của Công ty trong việc kiểm soát chi phí và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh trong điều kiện chống dịch. Nhờ có sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự hỗ trợ của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cùng xu hướng tích cực của thị trường, tinh thần đoàn kết, chia sẻ và trách nhiệm trong quản lý và điều hành, BSR đã vượt qua giai đoạn được đánh giá là rất khó khăn, thách thức vừa qua.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành của BSR, định hướng phù hợp và kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định có liên quan.

Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty. Kết quả năm 2021, Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn Nhà máy lọc dầu Dung Quất; mở rộng nguồn dầu thô và chế biến 06 loại dầu thô mới là Forcados (Nigeria), Qua Iboe (Nigeria), Cabinda (Angola), Minas (Indonesia), Bu Attifel (Libya) và Sông Đốc (Việt Nam) với hiệu quả chế biến và tỷ lệ phối trộn cao, đa dạng hóa sản phẩm khi sản xuất và xuất bán các sản phẩm có giá trị cao cũng như tận dụng cơ hội giá tăng trong thời gian qua như hạt nhựa PP chủng loại T3050, T3045, I-3085 và I-3150.



Về kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2021, BSR đã vượt qua giai đoạn rất khó khăn khi dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4, đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, ổn định ở các mức công suất phù hợp, đạt trung bình khoảng 98,80% so với thiết kế, góp phần quan trọng hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2021 của Công ty.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2021 theo Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	% TH NĂM 2021 SO VỚI KH NĂM 2021
I Chỉ tiêu sản lượng					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.497.587	6.528.804	100,48%
2	Sản lượng tiêu thụ		6.497.587	6.423.553	98,86%
II Chỉ tiêu tài chính					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	70.898,30	102.129,96	144,05%
2	Lợi nhuận sau thuế		870,00	6.683,54	768,22%
3	Nộp NSNN		7.706,50	11.379,34	147,66%

Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra

Công tác chiến lược, kế hoạch

Thực hiện Nghị quyết số 1329/NQ-BSR ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm:

- Nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm thành công các loại dầu mới để mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy;
- Triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng cung cấp dầu thô dài hạn (Bạch Hổ, Đại Hùng);
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa sản xuất;
- Vận hành Nhà máy đảm bảo an toàn, ổn định ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu thị trường;





- Tích cực triển khai Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất phù hợp với tình hình mới và hiệu quả tổng thể cho Công ty;
- Cắt giảm chi phí hoạt động;
- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp và hoàn thiện, kiện toàn cơ cấu tổ chức;
- Nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động;
- Đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty.
- Việc chế biến thành công các loại dầu thô mới giúp BSR tăng cường sự linh hoạt trong nguồn cung cấp dầu thô trữ lượng lớn, chất lượng và giá cả hợp lý. Việc xây dựng các kịch bản và các giải pháp ứng phó với khó khăn kịp thời, phù hợp đã giúp BSR vượt qua giai đoạn rất khó khăn, thách thức của năm 2021.

Công tác quản trị

Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các hệ thống quản trị nội bộ, xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh. Tiếp tục thực hiện hoàn thiện các Quy chế/ quy trình quản trị nội bộ theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty và công tác số hóa.

Công tác khác

Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng được BSR xem là một trong những ưu tiên hàng đầu. Nhận thức rõ vấn đề an toàn và môi trường là vấn đề quan trọng của doanh nghiệp. Từ khi thành lập đến nay, BSR luôn thể hiện trách nhiệm cao trong việc tuân thủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về môi trường. Với định hướng phát triển bền vững, các sản phẩm của BSR luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.

BSR đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp triệt để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động, xây dựng các phương án và triển khai nhiều biện pháp phòng chống dịch. Đến nay, toàn bộ Người lao động Công ty đã tiêm đủ 3 mũi Vắc xin, công tác phòng chống dịch nghiêm túc thực hiện theo các quy định của cơ quan thẩm quyền, đưa ra giải pháp đảm bảo an toàn cho nguồn nhân lực thực hiện vận hành Nhà máy.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương lớn của Công ty là phát triển sản xuất kinh doanh phải gắn liền với công tác an

sinh xã hội, BSR thực hiện ASXH tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi. Chương trình ASXH năm 2021-2022 có tổng kinh phí là 40 tỷ đồng. Công ty cũng thực hiện các chương trình ASXH, quan hệ cộng đồng khác như: tổ chức chương trình Tết vì người nghèo năm 2021, trao học bổng khuyến học và khuyến tài, cứu trợ đồng bào lũ lụt...

Về công tác hỗ trợ, phòng chống dịch bệnh Covid-19, BSR đã:

- Tài trợ 20 tỷ đồng cho Quỹ Vắc xin phòng Covid-19;
- Hỗ trợ 12,6 tỷ đồng để mua 30 máy thở dòng chức năng cao nhằm máy thở cho bệnh viện các tỉnh đang bùng phát dịch bệnh Covid-19 theo đề nghị của Bộ Y tế;
- Ngoài ra, Công ty và tập thể người lao động đã đóng góp hơn 1,5 tỷ đồng để hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện phòng chống dịch Covid-19.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phương thức giám sát

Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT năm 2021 như sau:

- Giám sát quá trình lập kế hoạch SXKD năm 2021 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.
- Cử đại diện tham dự các cuộc họp thường kỳ của BĐH về hoạt động SXKD và giao ban định kỳ hàng tháng/quý nhằm kịp thời hỗ trợ, chỉ đạo và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban TGD, bộ máy giúp việc cho Ban TGD và Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty.
- Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát chuyên đề.
- Giám sát các đơn vị thành viên, liên kết thông qua Quy chế người đại diện của Công ty tại các công ty con/ công ty liên kết, Quy chế quản lý vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Kết quả giám sát

Năm 2021, HĐQT đánh giá BĐH đã hoàn thành tốt vai trò điều hành SXKD, nỗ lực hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

- BĐH đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị doanh nghiệp cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.
- BSR vượt các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch của năm 2021, triển khai đồng bộ, xây dựng các kịch bản và triển khai hiệu quả các giải pháp ứng phó với khó khăn của thị trường, đặt biệt trong giai đoạn bùng phát dịch Covid-19 lần thứ tư.
- Không ngừng cải tiến nâng cao năng lực quản trị, điều hành sâu sát, linh hoạt và quyết liệt qua đó giúp BSR triển khai bài bản và ứng dụng hiệu quả các công cụ hỗ trợ công tác quản trị.
- Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Dự báo tình hình thị trường dầu mỏ năm 2022 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường và nhiều khó khăn thách thức. HĐQT đã đề ra một số nhiệm vụ chính như sau:

Công tác an ninh, an toàn, sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và Tập đoàn ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến của dịch bệnh Covid-19, xây dựng kế hoạch thích ứng an toàn, kiểm soát dịch bệnh đảm bảo phù hợp chiến lược chuyển trạng thái kinh tế - xã hội của Chính phủ và đặc thù hoạt động của đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.
- Tập trung vận hành NMLD Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hoá hiệu quả SXKD của BSR.
- Thường xuyên duy trì và bảo đảm công tác an ninh, an toàn, sức khoẻ và môi trường.

Công tác vận hành Nhà máy và sản xuất kinh doanh sản phẩm

- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại dầu mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy; nghiên cứu, đánh giá các nguồn nguyên liệu trung gian cho chế biến để nâng cao hiệu quả cho nhà máy. Xây dựng chiến lược mua dầu thô dài hạn (tối thiểu từ 3-5 năm) và triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng cung cấp dầu thô dài hạn (từ 3-5 năm) cho 50%-80% nhu cầu dầu thô chế biến của Nhà máy.
- Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ hóa phẩm xúc tác, vật tư tiêu hao, danh mục vật tư phụ tùng thay thế, v.v... (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR.
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và dự báo tình trạng hoạt động của các trang thiết bị/hệ thống để lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hiệu quả và chi phí tối ưu, đảm bảo an toàn vận hành và hoạt động ổn định cho Nhà máy, đồng thời không ngừng nâng cao tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa và giảm thiểu công tác bảo dưỡng sửa chữa.
- Nâng cao năng lực và tăng cường ứng dụng các giải pháp khoa học & công nghệ để góp phần nâng cao năng suất lao động, mức độ an toàn, tin cậy thiết bị/vận hành của Nhà máy, chất lượng sản phẩm; giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.
- Chủ động, linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm phù hợp với nhu cầu, điều kiện/xu hướng thị trường và năng lực sản xuất/tồn trữ của BSR.

Công tác quản trị doanh nghiệp

- Khẩn trương xây dựng chiến lược, trọng tâm phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045 làm định hướng triển khai xuyên suốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR. Phần đầu xây dựng và hoàn thiện khung quản trị rủi ro của BSR để tích hợp với chiến lược phát triển của BSR đến 2030, tầm nhìn đến 2045. Tổ chức rà soát, nghiên cứu và cải tiến các quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng triển khai áp dụng hệ thống ERP của BSR.
- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo, thông tin thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh nhằm xây dựng phương án mua dầu thô, sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro nâng cao hiệu quả kinh doanh của BSR.
- Thường xuyên rà soát, nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tiết giảm chi phí SXKD, đầu tư và mua sắm tài sản cố định nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.
- Nghiên cứu, xây dựng chính sách nhân sự, lương thưởng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động và thu hút nhân sự chất lượng cao.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao công tác quản trị nhằm nâng cao độ chính xác và kịp thời của thông tin báo cáo, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành SXKD.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên và chương trình gặp gỡ nhà đầu tư năm 2022 (dự kiến trong Quý 2) theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến.

Phần đầu xây dựng và hoàn thiện khung quản trị rủi ro của BSR để tích hợp với chiến lược phát triển của BSR đến 2030, tầm nhìn đến 2045.

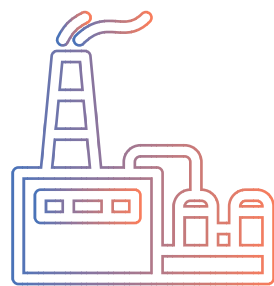
”





Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Khẩn trương hoàn thiện Hồ sơ báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt/ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất theo hướng tập trung nâng cấp chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn chất lượng mức 5 và tối ưu hóa đầu nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả kinh tế của Dự án, phù hợp với xu thế thị trường.
- Sau khi Dự án NCMR NMLD Dung Quất được cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, khẩn trương triển khai các bước tiếp theo của Dự án điều chỉnh theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.
- Tiếp tục đánh giá, triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo hiệu quả, kịp thời, tiết kiệm và phát huy tối đa mục tiêu đầu tư, mua sắm.
- Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định phù hợp với tình hình tài chính của Công ty, đảm bảo nguồn vốn triển khai và không làm ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả của công tác đầu tư, mua sắm.



Tập trung nâng cấp chất lượng sản phẩm

Công tác tái cấu trúc

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2; khẩn trương xây dựng, trình PVN xem xét, phê duyệt đề án tái cơ cấu BSR giai đoạn đến năm 2025.
- Sẵn sàng các thủ tục, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, Tập đoàn để: (i) hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hoá của BSR; (ii) thoái vốn tại PMS, PVOS ngay sau khi có hướng dẫn của cấp thẩm quyền; (iii) xem xét, đánh giá thực tiễn tình hình SXKD tại Công ty con PV Building để phân tích, đề xuất công tác tái cấu trúc tại PV Building một cách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển của BSR trong thời gian tới.

Các nhiệm vụ khác

- Tiếp tục bám sát các cấp thẩm quyền để hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho BSR liên quan đến tiền gửi của BSR tại Oceanbank; các chính sách ưu đãi thuế cho NMLD hiện hữu và cho Dự án NCMR; miễn thuế bảo vệ môi trường đối với việc đốt FO (tiêu thụ nội bộ), v.v...
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và bảo dưỡng cho các nhà máy khác.
- Hoàn thiện Đề án xây dựng/tái tạo văn hóa doanh nghiệp/BSR. Thực hiện tốt công tác truyền thông để không ngừng quảng bá thương hiệu.
- Nghiên cứu Đề án xây dựng Trung tâm Nghiên cứu phát triển/Trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Phấn đấu đưa cổ phiếu BSR niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh khi đủ điều kiện.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông giao.



05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo hoạt động của HĐQT 110

Báo cáo của Ban Kiểm soát 118

Các giao dịch, thù lao và khoản
lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS 126



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2022 có 6 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 04 Thành viên không điều hành.

STT	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU/ VỐN ĐIỀU LỆ
1.	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	1.147.384.859	10.400	37,00%
2.	Bùi Ngọc Dương	Thành viên	930.149.885	0	30,00%
3.	Hà Đổng	Thành viên	465.074.942	0	15,00%
4.	Khương Lê Thành	Thành viên	313.770.561	3.400	10,12%
5.	Nguyễn Bá Phước	Thành viên	0	0	
6.	Nguyễn Hải Âu	Thành viên	0	0	

Trong nhiệm kỳ 2018-2022, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Lê Xuân Huyền, ông Nguyễn Quang Hòa, ông Trần Ngọc Nguyên, ông Bùi Minh Tiến; bầu bổ sung giữ chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Hải Âu, ông Khương Lê Thành, ông Nguyễn Văn Hội, ông Bùi Ngọc Dương.



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Giai đoạn 2018-2021, với sự lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT, BSR đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó HĐQT đã có các giải pháp quản trị kịp thời để cùng Ban điều hành ứng phó hiệu quả với tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 lên hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR năm 2020, 2021.

Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ. HĐQT đã có phân công tương đối cụ thể, rõ ràng các lĩnh vực phụ trách và chịu trách nhiệm chỉ đạo cho từng thành viên HĐQT nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo và giám sát của HĐQT đối với hoạt động của BSR. Các thành viên HĐQT cũng có ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định. Đồng thời, theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc BSR triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT đã chỉ đạo việc ban hành kịp thời các văn bản quản lý nội bộ quan trọng của BSR như Quy chế mua sắm, Quy chế quản lý đầu tư, ... để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp theo thông lệ và quy định pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, HĐQT đã chỉ đạo Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện nhiệm vụ giám sát định kỳ một số mảng công tác của Ban Điều hành như kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác quản lý vật tư, thiết bị giai đoạn 2019-2020; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm giai đoạn năm 2019-2020.

Năm 2021, HĐQT đã thực hiện 19 cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD, các dự án đầu tư trọng điểm; xây dựng chiến lược phát triển của Công ty; định hướng xây dựng hệ thống quản trị rủi ro Công ty; các giải pháp ứng phó với tác động của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ tư, ... bao gồm một số nội dung chính như:

- Phương hướng triển khai dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất giai đoạn tiếp theo;
- Đàm phán và ký kết các hợp đồng dài hạn về cung cấp dầu thô, nhằm ổn định về nguồn cung cấp dầu thô cho NMLD Dung Quất;
- Văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Triển khai hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP);
- Các cơ hội phát triển cấu hình công nghệ NMLD Dung Quất để đáp ứng tiêu chuẩn sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm;
- Phương án xử lý tiếp theo đối với Dự án Nhiên liệu sinh học Dung Quất;
- Chủ trương xây dựng các cơ chế bảo hộ cho BSR báo cáo xin chủ trương của các cấp thẩm quyền nhằm hỗ trợ cho hoạt động SXKD và chiến lược phát triển của Công ty.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các văn bản của HĐQT theo phương thức lấy ý kiến các thành viên qua các Phiếu ý kiến.

Năm 2021, HĐQT đã ban hành 31 nghị quyết, 140 quyết định và hơn 205 văn bản khác, trong đó có các nghị quyết/quyết định quan trọng như sau:



STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1.	04836/NQ-BSR	31/12/2021	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương BSR nhận chuyển giao vai trò Người quyết định đầu tư Tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án NCMR NMLD Dung Quất
2.	04822/NQ-BSR	31/12/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 1.500 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Quân đội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
3.	04821/NQ-BSR	31/12/2021	Nghị quyết về việc gia hạn khoản mức tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng MUFG Bank, Ltd - Chi nhánh Thành phố Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
4.	04820/NQ-BSR	31/12/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng BNP Paribas Việt nam do Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội làm đầu mối để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
5.	04786/NQ-BSR	29/12/2021	Nghị quyết về việc thông qua kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
6.	04766/NQ-BSR	28/12/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 2.800 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
7.	04539/NQ-BSR	16/12/2021	Nghị quyết về việc chấp thuận tái tục tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - CN TP Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
8.	04343/NQ-BSR	08/12/2021	Nghị quyết v/v nộp một phần lợi nhuận còn lại trước Cổ Phần hóa về PVN
9.	03863/NQ-BSR	05/11/2021	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
10.	03805/NQ-BSR	03/11/2021	Nghị quyết v/v thông qua lập Danh sách cổ đông để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
11.	03555/NQ-BSR	13/10/2021	Nghị quyết về công tác cán bộ
12.	03355/NQ-BSR	29/09/2021	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương chỉ định nhà cung cấp đối với gói thầu "Thuê đơn vị tư vấn nghiên cứu tối ưu hóa phương án nâng cấp và đa dạng hóa sản phẩm của NMLD Dung Quất theo đơn hàng 620/21-2705/ĐH-NCPT-O"
13.	03000/NQ-BSR	13/09/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt bổ sung Ngân hàng giao dịch và khoản tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - CN Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
14.	02778/NQ-BSR	18/08/2021	Nghị quyết phê duyệt khoản tín dụng 1.500 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
15.	02777/NQ-BSR	18/08/2021	Nghị quyết phê duyệt khoản tín dụng 9.000 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
16.	02517/NQ-BSR	22/07/2021	Nghị quyết về công tác cán bộ

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
17.	02439/NQ-BSR	16/07/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
18.	02414/NQ-BSR	13/07/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt kinh phí thực hiện Chương trình ASXH của BSR năm 2021-2022
19.	01866/NQ-BSR	14/06/2021	Nghị quyết v/v phê duyệt tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
20.	01863/NQ-BSR	14/06/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn tại Vietinbank để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
21.	01742/NQ-BSR	02/06/2021	Nghị quyết về việc giải tỏa cổ phần hết hạn hạn chế chuyển nhượng trong đợt bán cổ phần ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc của người lao động cho Công ty cổ phần sau cổ phần hóa
22.	01713/NQ-BSR	31/05/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
23.	01459/NQ-BSR	05/05/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
24.	01368/NQ-BSR	27/04/2021	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
25.	00978/NQ-BSR	25/03/2021	Nghị quyết về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của BSR
26.	00601/NQ-BSR	01/03/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
27.	00403/NQ-BSR	04/02/2021	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của BSR
28.	00293/NQ-BSR	01/02/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021 tạm thời của BSR
29.	00094/NQ-BSR	14/01/2021	Nghị quyết về việc chương trình làm việc của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn năm 2021
30.	00038/NQ-BSR	08/01/2021	Nghị quyết v/v hỗ trợ kinh phí nhằm duy trì hoạt động tối thiểu, bảo vệ tài sản Nhà máy NLSH Dung Quất
31.	00022/NQ-BSR	06/01/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 9.000 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR



Báo cáo hoạt động của từng thành viên HĐQT

Căn cứ kế hoạch hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2021, tất cả các thành viên HĐQT Công ty đều đã thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng lĩnh vực được phân công, rà soát các vấn đề trọng yếu (về hoạt động, tài chính, kinh doanh dầu thô, sản phẩm, thương mại, dự án đầu tư, an ninh an toàn, tuân thủ và quản lý rủi ro...) với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty được thông suốt và hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT đã tập trung xem xét chỉ đạo thực hiện các nội dung trọng tâm, bao gồm: ứng phó với tác động của dịch bệnh Covid-19, chỉ đạo xây dựng

chiến lược phát triển của Công ty, thực hiện công tác tái cấu trúc, hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, cải thiện chất lượng công tác pháp chế và quản lý rủi ro, triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cập nhật chiến lược dầu thô, đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, tối ưu công suất Nhà máy phù hợp với thị trường, nâng cao công tác quan hệ cổ đông và công bố thông tin...

HĐQT thống nhất phân công nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT như sau:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	LĨNH VỰC PHỤ TRÁCH
1.	Nguyễn Văn Hội - Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Phụ trách chung, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan. Công tác tái cấu trúc Công ty. Chiến lược phát triển Công ty. Phụ trách hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị.
2.	Bùi Ngọc Dương - Thành viên HĐQT kiêm TGDĐ	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của TGDĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan; Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và lĩnh vực Tài chính Kế toán.
3.	Hà Đồng - Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát tổng thể Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5) Lĩnh vực tiến độ triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất (NCMR); Công ty dự báo, phân tích thị trường phục vụ sản xuất kinh doanh; Giám sát Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS).
4.	Nguyễn Bá Phước - Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Các dự án Đầu tư; Lĩnh vực kinh doanh dầu thô và sản phẩm; Tổ chức nhân sự, chế độ chính sách. Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh; Công tác truyền thông; Giám sát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building).
5.	Nguyễn Hải Âu - Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Công tác pháp chế, bảo hiểm; Kiểm soát, kiểm toán nội bộ; Quan hệ cổ đông; truyền thông liên quan đến công tác quan hệ cổ đông. Công tác mua sắm tài sản cố định; Công tác nhượng bán, thanh lý tài sản; Lĩnh vực pháp lý Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất; Phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ. Giám sát Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS).
6.	Khương Lê Thành - Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường và phòng cháy chữa cháy; Quản lý chất lượng; Văn hóa doanh nghiệp; Công tác mua sắm hàng hóa, thương mại dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Lĩnh vực công nghệ Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất; Lĩnh vực khoa học công nghệ Công ty. Giám sát Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF).

Năm 2021, HĐQT Công ty làm việc theo nguyên tắc các thành viên HĐQT cho ý kiến tất cả các vấn đề mà HĐQT xử lý. Đa số các thành viên HĐQT hoạt động theo cơ chế chuyên trách nên nắm bắt kịp thời, sát sao tình hình hoạt động của Công ty, thường xuyên chỉ đạo và cho ý kiến/biểu quyết độc lập đối với các nội dung/tờ trình do Ban TGDĐ trình. HĐQT đã lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn HĐQT. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được thành viên HĐQT xem xét cẩn thận, giám sát, chỉ đạo hoạt động Ban TGDĐ và được ban hành dưới các hình thức văn bản như nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT. Các nghị quyết/quyết định của HĐQT đều được

thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đến Ban TGDĐ và Ban Kiểm soát.

Những thành viên HĐQT là đại diện cho phần vốn Nhà nước, ngoài nhiệm vụ tuân thủ các quy định của pháp luật và chế độ quản trị doanh nghiệp thì thành viên HĐQT còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn vốn Nhà nước. Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã cùng với Ban TGDĐ Công ty đã hết sức nỗ lực trong việc áp dụng những giải pháp linh hoạt kịp thời ứng phó với các tác động không thuận lợi của thị trường, tình hình dịch bệnh Covid-19, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực và đem lại các kết quả tốt nhất cho Công ty và các cổ đông.

Đào tạo về quản trị Công ty

Tất cả các thành viên liên quan đều đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ BSR và đã được đào tạo về quản trị Công ty. Trong năm 2021, các Thành viên HĐQT có tham gia một số khóa đào tạo/hội thảo như khóa đào tạo "Quản trị Doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất - Best Practices Corporate Governance" do các chuyên gia về quản trị quốc tế giảng dạy, chia sẻ; Khóa đào tạo/hội thảo của Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam như Hội thảo Trực tuyến "Triển khai Thực hiện Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất; Sự kiện Công bố Kết quả Khảo sát Thù lao - Lương - Thưởng dành cho thành viên HĐQT & Ban điều hành năm 2020.



Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và cổ đông lớn và người liên quan

Trong năm 2021, giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ như sau:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỶ (01/01/2021)		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỶ (31/12/2021)		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Hải Âu	TV HĐQT	10.000	0,00032	0	0	Bán
2	Hà Đồng	TV HĐQT	2.000	0,00006	0	0	Bán
3	Nguyễn Thị Nghiêm	Người có liên quan của Trưởng BKS	500	0,00002	0	0	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2021, HĐQT phê duyệt giao dịch của Công ty với Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building). Ông Trần Đoàn Thịnh - PTGD BSR từng là Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí trong 03 năm gần nhất.

STT	SỐ VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG
1.	1860//BSR-HĐQT	14/06/2021	Chấp thuận chủ trương xuất bán bổ sung term cho PV Building

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Doanh nghiệp, chứng khoán và các văn bản liên quan.

Bổ nhiệm cán bộ

Trong năm 2021, HĐQT đã ra quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Bùi Minh Tiến, bổ nhiệm ông Bùi Ngọc Dương làm Tổng Giám đốc; ĐHĐCĐ quyết định miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Bùi Minh Tiến, quyết định bầu ông Bùi Ngọc Dương giữ chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022.



HĐQT bổ nhiệm ông Bùi Ngọc Dương làm Tổng Giám đốc

Về chi phí hoạt động

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của HĐQT và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2021 theo quy định.

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty, sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo, ... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí, ... Chi phí hoạt động của HĐQT được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát

Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc



a. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2021 Nhà máy hoạt động ổn định với công suất bình quân trên 100% công suất thiết kế. Năm 2021, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 rất khó khăn nhưng BSR đã hoàn thành chỉ tiêu về sản xuất, tiêu thụ, đạt 98,86% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Tổng sản lượng sản xuất đạt khoảng 6,53 triệu tấn và tiêu thụ đạt khoảng 6,42 triệu tấn. Doanh thu (hợp nhất) đạt 102,13 ngàn tỷ đồng. Nộp ngân sách nhà nước 11,38 ngàn tỷ đồng. Lợi nhuận đạt 6,68 ngàn tỷ đồng.

b. Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2021, Công tác đầu tư xây dựng của BSR chủ yếu tập trung vào Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất. Dự án đã triển khai được 80 tháng trên kế hoạch tổng thể 78 tháng. Hoạt động chủ yếu của dự án trong năm 2021 là nhận và quản lý mặt bằng, xem xét các phương án để điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án theo hướng tập trung nâng cấp chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng mức IV và tối ưu hóa nguồn dầu thô đầu vào nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả kinh tế của Dự án, phù hợp với xu thế thị trường.

Nhận xét chung: Dự án đến nay đã rất chậm so với kế hoạch tổng thể. Việc triển khai dự án có nhiều khó khăn liên quan đến hiệu quả đầu tư, khó khăn trong việc thu xếp vốn.

c. Công tác đầu tư tài chính

Tại thời điểm 31/12/2021, BSR có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý dự án NCMR Nhà máy. Công ty đã đầu tư vốn vào 04 công ty, trong đó có 02 công ty con với số vốn là 363 tỷ đồng, cụ thể:



- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) với tỷ lệ tham gia góp vốn là 65,54% vốn điều lệ. Nhà máy NLSH Dung Quất hiện đang dừng hoạt động. Hiện nay, BSR-BF đang thực hiện xử lý vướng mắc, tồn tại của Dự án Nhà máy NLSH Dung Quất theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017. Tại thời điểm 31/12/2021, BSR đang trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào BSR-BF là gần 206 tỷ đồng (không bao gồm khoản 536 tỷ BSR đã trích lập cho giai đoạn trước 30/6/2018).
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): tỷ lệ cổ phần nắm giữ của BSR tại PV Building là 83,26% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) với tỷ lệ vốn thực góp là 7 tỷ đồng, chiếm 8,75% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) với tỷ lệ vốn thực góp là 4,24 tỷ đồng, chiếm 5,03% vốn điều lệ. Tại 31/12/2021, BSR đang phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này là 1,26 tỷ đồng.

Hiện tại, BSR đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo Nghị quyết số 240/NQ-DKVN ngày 09/01/2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

d. Công tác tái cấu trúc

Công ty đang tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu, tìm cổ đông chiến lược cho Công ty và thực hiện thoái vốn đầu tư của BSR tại các Công ty con.

Đánh giá chung: Công tác tìm cổ đông chiến lược không có tiến triển. Công tác thoái vốn của BSR tại PV Building, PMS còn có vướng mắc do phải thực hiện theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ.

Công ty đang tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu, tìm cổ đông chiến lược cho Công ty và thực hiện thoái vốn đầu tư của BSR tại các công ty con

”

e. Công tác quản trị doanh nghiệp

Công tác quản trị luôn được Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng hàng đầu, đưa vào ứng dụng và triển khai hiệu quả các hệ thống quản trị hiện đại, đơn vị cũng hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Đang triển khai xây dựng chương trình quản trị ERP;
- Công ty thường xuyên thực hiện công tác giám sát hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tăng cường hệ thống báo cáo quản trị,...;
- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Từng bước ứng dụng quản trị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin; Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của người đứng đầu BSR đối với người đại diện vốn của BSR tại doanh nghiệp khác; Chỉ thực hiện đầu tư mới vào lĩnh vực kinh doanh chính và có hiệu quả sau khi được Tập đoàn phê duyệt.

Tổng kết các cuộc họp của BKS, các kết luận, kiến nghị của BKS

BKS thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để đánh giá các nội dung hoạt động của BKS, kế hoạch triển khai các công việc trong quý tiếp theo. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các cuộc họp BKS được đưa vào nội dung của Báo cáo của người đại diện làm công tác kiểm soát gửi cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và sao gửi Ban điều hành Công ty.

CUỘC HỌP BKS	NỘI DUNG CUỘC HỌP	NỘI DUNG Ý KIẾN/KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, TGD CÔNG TY
Quý I	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát kỳ trước. Chương trình hoạt động quý II năm 2021. Thảo luận thống nhất báo cáo gửi Tập đoàn DKVN. Thảo luận thống nhất nội dung báo cáo của BKS gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. 	Không có kiến nghị
Quý II	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát kỳ trước. Chương trình hoạt động quý III năm 2021. Thảo luận thống nhất báo cáo gửi Tập đoàn DKVN. 	Không có kiến nghị.
Quý III	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát kỳ trước. Chương trình hoạt động quý IV năm 2021. Thảo luận thống nhất báo cáo gửi Tập đoàn DKVN. 	Kiến nghị Ban Điều hành Công ty chú trọng với các thông tin về điều hành của Chính phủ đối với dịch bệnh Covid-19 để có các quyết sách kịp thời nhằm tránh bị động trong công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong điều kiện dịch bệnh vẫn có thể bùng phát.
Quý IV	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát kỳ trước. Chương trình hoạt động quý I năm 2022. Thảo luận thống nhất báo cáo gửi Tập đoàn DKVN. 	Kiến nghị Ban Điều hành xem xét tính cần trọng trong việc thực hiện rút ngắn thời gian phân bổ chi phí Bảo dưỡng tổng thể lần 4.

Kết quả giám sát hoạt động và tình hình tài chính của Công ty

Trên cơ sở kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động thực tế tại đơn vị và báo cáo tài chính của Công ty, Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của Công ty trong năm 2021 như sau:

- BCTC năm 2021 của BSR đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Về bảo toàn và phát triển vốn: Năm 2021 BSR lãi sau thuế 6,68 ngàn tỷ đồng nên Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn với hệ số là 1,212.
- Tình hình tài chính: Các chỉ tiêu tài chính năm 2021 đều tốt hơn so với năm 2020. Tình hình tài chính của BSR tại 31/12/2021 được đảm bảo thể hiện ở một số chỉ tiêu tài chính sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	BCTC RIÊNG CỦA CÔNG TY MẸ		BCTC HỢP NHẤT	
			2020	2021	2020	2021
A Tình hình tài sản, nguồn vốn						
I	Tổng tài sản	Tỷ đồng	54.509	65.476	55.895	66.796
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	29.842	44.371	29.997	44.544
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	12.767	16.314	12.792	16.346
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	902	4.102	958	4.190
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	7.772	13.581	7.814	13.601
5	Hàng tồn kho	Tỷ đồng	8.360	10.328	8.387	10.358
6	Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	41	46	46	50
7	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	24.667	21.105	25.898	22.251
II	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	54.509	65.476	55.895	66.796
1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	19.201	25.557	20.407	26.940
2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	4.269	2.281	4.423	2.291
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	31.039	37.638	31.065	37.564
B Hệ số khả năng thanh toán						
1	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,55	1,74	1,47	1,65
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,12	1,33	1,06	1,27
3	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,43	0,43	0,44	0,44
4	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,76	0,74	0,80	0,78

Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và Ban TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động trong năm của Công ty.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của Công ty và pháp luật. Ban TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHCĐ.
- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban TGD thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

Ban TGD đã hết sức nỗ lực và điều hành hoạt động của Công ty một cách linh hoạt, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao công tác quản trị, điều hành, thực hiện tốt, tối đa hóa sản xuất, tiết kiệm, tiết giảm chi phí, chủ động trong công tác mua dầu thô, tiêu thụ sản phẩm và đã hoàn thành các chỉ tiêu SXKD trong năm 2021.



Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

Ban Kiểm soát đã xem xét và cho rằng các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty là đầy đủ, hợp pháp và trung thực, đáng tin cậy.

Kết quả đánh giá sự phối hợp của BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và Ban TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

BKS đã thực hiện gửi Báo cáo giám sát định kỳ cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2021 BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 170 - Quyển và nghĩa vụ của BKS - của Luật Doanh nghiệp 2020.

Báo cáo tự đánh giá kết quả của BKS và từng thành viên BKS

a. Hoạt động của BKS

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định. BKS đã thực hiện

công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại đơn vị trong năm 2021 dựa trên kế hoạch hoạt động năm 2021 được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và trên cơ sở tham khảo kế hoạch hoạt động của Người đại diện thuộc PVN làm công tác kiểm soát tại Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Theo dõi, kiểm soát việc chấp hành Điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT và các quy định nội bộ Công ty.
- Sử dụng và bảo tồn vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; thực hiện các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng ban; giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty..... Qua đó, BKS đã có những đề xuất, kiến nghị kịp thời đến HĐQT, Ban TGD Công ty và định kỳ hàng quý báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát cho cơ quan quản lý cấp trên (Tập đoàn Dầu khí Việt nam - PVN).

BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ của BKS theo quý để đánh giá hoạt động và đưa kế hoạch triển khai trong thời gian tiếp theo. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị tại cuộc họp được tổng hợp và theo dõi để đàm luận, báo cáo kết quả trong buổi họp Quý.



BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quý





b. Hoạt động của từng thành viên

BKS gồm có 03 thành viên, các Kiểm soát viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

Ông Phạm Ngọc Quý (Trưởng BKS)

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác đầu tư, mua sắm; định mức kinh tế - kỹ thuật; công tác nhân sự, đào tạo.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

c. Nhận xét

Các thành viên của BKS đã thực hiện tốt vai trò chức trách của mình và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ông Hoàng Ngọc Xuân (Thành viên BKS)

- Kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, xem xét các hoạt động của Ban Tài chính Kế toán Công ty.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính.
- Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty
- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Ông Vũ Lê Huy (Thành viên BKS không chuyên trách)

- Giám sát công tác triển khai dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.



100%
Hoàn thành tốt
nhiệm vụ được giao

Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Trong BCTC riêng và BCTC Hợp nhất năm 2021 của BSR, Kiểm toán Deloitte đã lưu ý vấn đề cần nhấn mạnh và không có yếu tố ngoại trừ, cụ thể:

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm 2021, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 và trình bày ảnh hưởng của việc thay đổi tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2021, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 và trình bày ảnh hưởng của việc thay đổi tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số ngân hàng đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (công ty con của Công ty) lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử vụ kiện này.

Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát cho rằng ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán Deloitte phù hợp, mang tính khách quan. Việc BSR chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa, thay đổi thời gian phân bổ chi phí và có nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện tại BSR-BF có thể phát sinh điều chỉnh kết quả xuất kinh doanh năm 2021 khi cơ quan có thẩm quyền có các quyết định cuối cùng.

Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2022

BKS sẽ tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của Công ty cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan sao cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2022 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước....
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá:
 - Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
 - Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
 - Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư
- Kiểm tra giám sát việc xây dựng các định mức kinh tế

kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm (nếu có).

- Kiểm tra giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty trong công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này.
- Tiếp tục kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo các chỉ thị, nghị quyết được phê duyệt.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, công tác đấu thầu, quản lý tài chính.
- Kiểm tra giám sát công tác triển khai nâng cấp và mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Lương, thù lao của từng thành viên được chi trả tuân thủ theo đúng quy định của Công ty.

Bên cạnh chế độ tiền lương, thù lao, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ theo quy định của Pháp luật. Công ty còn có các chính sách khác như tổ chức khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện,



Lương được chi trả theo đúng quy định



Chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ



Nhiều chính sách chăm sóc sức khỏe



06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan báo cáo phát triển bền vững	130	Xã hội	152
Kinh tế	136	Các mục tiêu môi trường – xã hội 2022	161
Môi trường	138	Bảng tham chiếu GRI	162



TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

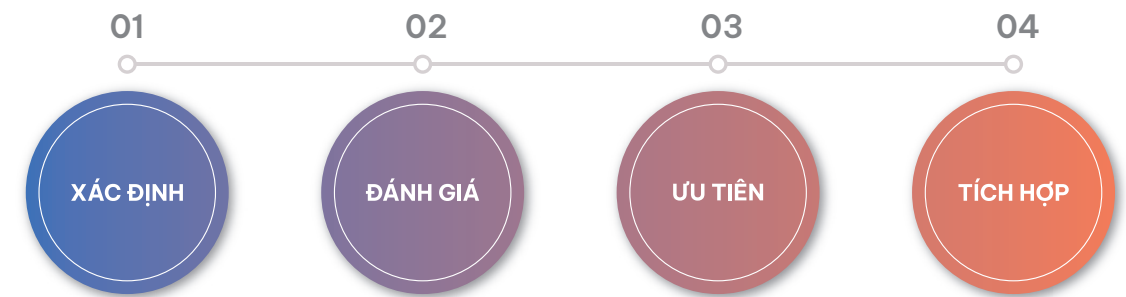
BSR nhận thức rõ trách nhiệm môi trường – xã hội đối với môi trường và cộng đồng xung quanh

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lọc hóa dầu, Công ty BSR nhận thức rõ trách nhiệm môi trường – xã hội đối với môi trường và cộng đồng xung quanh. Chúng tôi tuân thủ quy định luật pháp, các thông lệ quốc tế và hành động một cách chính trực phù hợp với những tuyên bố của mình.

Báo cáo này được lập tuân theo Tiêu chuẩn GRI dưới dạng Tham chiếu các Tiêu chuẩn chủ đề.



Trong đánh giá năm 2021, chúng tôi đã xác định 9 chủ đề trọng yếu tạo nên khung chương trình phát triển bền vững của BSR. Ma trận tính trọng yếu mô tả các chủ đề bền vững này theo quan điểm hoạt động kinh doanh của công ty và cân nhắc ý kiến từ các bên liên quan. Quy trình đánh giá tính trọng yếu của chúng tôi được xây dựng trên bốn bước:



Xác định vấn đề bền vững quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của BSR và các bên liên quan

Đánh giá các tác động tiềm ẩn, cũng như các rủi ro và cơ hội chính

Ưu tiên các chủ đề bền vững dựa trên tầm quan trọng đối với các bên liên quan và cả hoạt động kinh doanh của BSR

Tích hợp các chủ đề trọng yếu vào kế hoạch và chiến lược của BSR



Các bên liên quan

Hiểu được quan điểm và kỳ vọng của các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của công ty, chúng tôi hướng tới đối thoại liên tục, tích cực và cởi mở với các bên liên quan và thường xuyên xem xét quan điểm của họ trong đối với các hoạt động của BSR.

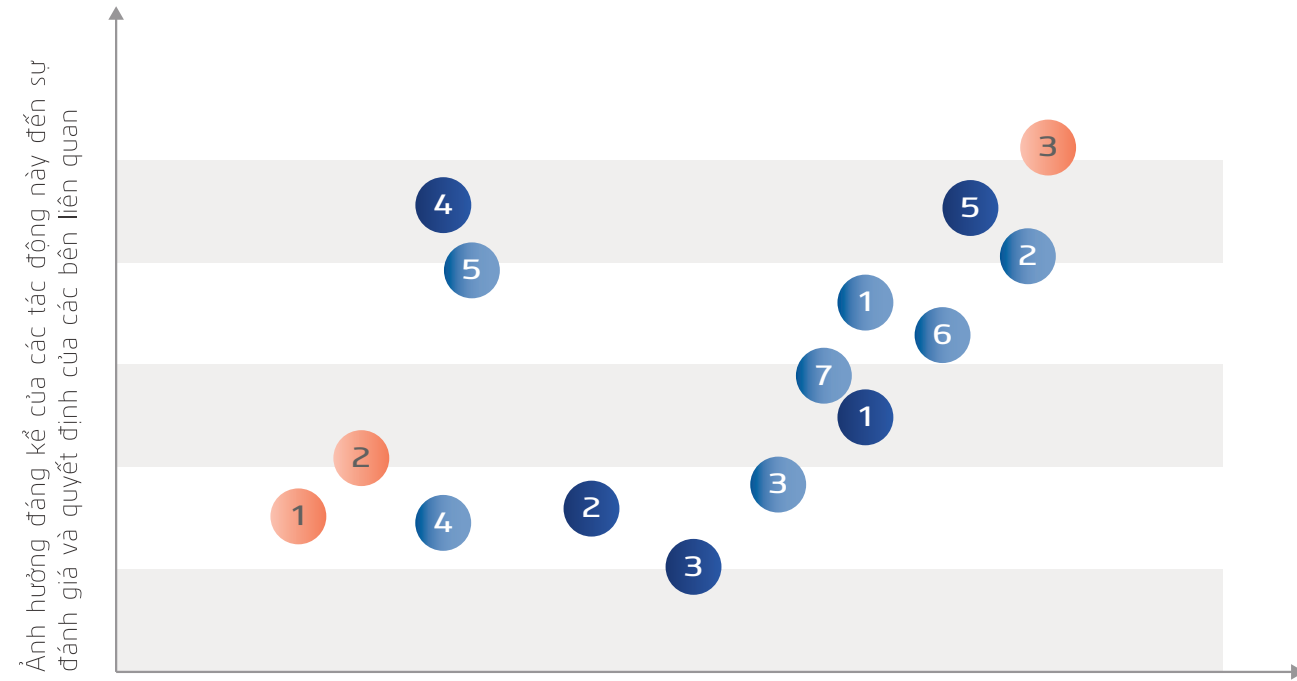
Chúng tôi gắn kết các bên liên quan như một phần công việc hàng ngày, tổ chức các sự kiện và cuộc họp, tham gia vào các nhóm làm việc, hội thảo và hội nghị, đồng thời cập nhật liên tục cái ý kiến đóng góp từ họ. Sự tham gia của các bên liên quan là yếu tố trung tâm góp phần tạo nên sự bền vững của BSR.

CÁC BÊN LIÊN QUAN CHÍNH	PHƯƠNG THỨC BSR THAM VẤN VÀ TÂN SUẤT	CÁC VẤN ĐỀ QUAN TÂM CHÍNH	HÀNH ĐỘNG CỦA BSR
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Các cuộc họp giao ban định kỳ (hàng tuần, hàng tháng, hàng quý); Họp với Công đoàn. 	<ul style="list-style-type: none"> Chế độ đãi ngộ, lương thưởng xứng đáng; Môi trường làm việc an toàn; Đào tạo và nâng cao trình độ. 	BSR thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về an toàn lao động, cập nhật công nghệ, nâng cao kiến thức cho Người lao động.
Khách hàng	Tham gia liên tục thông qua các cuộc họp 1-1, sự kiện với các bên liên quan, hội thảo trên web, khảo sát khách hàng, bản tin, các buổi đào tạo liên quan đến kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, liên lạc chung để thúc đẩy các sáng kiến bền vững.	<ul style="list-style-type: none"> Chất lượng và giá thành sản phẩm; Phân phối kịp thời và ổn định; Phát triển, đổi mới sản phẩm gắn liền với các tiêu chí bền vững, bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng, tập trung phát triển và giữ vững tỷ trọng tiêu thụ sản phẩm BSR trong cơ cấu sản phẩm của khách hàng của nhóm khách hàng mục tiêu; Xây dựng phương án bán hàng linh hoạt. Duy trì đối thoại liên tục với khách hàng và chủ động liên lạc với khách hàng để hỗ trợ họ; Hình thành quan hệ đối tác chặt chẽ bền vững với khách hàng hướng đến giảm lượng khí thải carbon của họ thông qua ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất.
Cổ đông, nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông thường niên; Họp hội nghị trực tuyến, các cuộc họp cá nhân hoặc nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> Minh bạch trong công bố thông tin theo quy định của cơ quan nhà nước; Tăng trưởng trong hiệu quả kinh doanh; Chiến lược phát triển rõ ràng, có kế hoạch thực thi cụ thể; Đưa các yếu tố phát triển bền vững vào nội dung xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> BSR tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về công bố thông tin đối với công ty đại chúng; Công khai minh bạch các kế hoạch kinh doanh hàng năm, mục tiêu trung, dài hạn; Môi trường, xã hội và an toàn lao động luôn được đưa vào nội dung chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh các năm của BSR;
Nhà cung cấp, nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá rủi ro, an toàn và danh tiếng cùng với đánh giá tính bền vững sâu rộng; Tổ chức các buổi hội thảo để chia sẻ thông tin và nâng cao năng lực hợp tác. 	<ul style="list-style-type: none"> Các vấn đề về an toàn lao động, môi trường, đạo đức nghề nghiệp; Tuân thủ luật pháp địa phương và quốc tế; Minh bạch trong giao dịch. 	<ul style="list-style-type: none"> BSR xây dựng bộ nguyên tắc về an toàn lao động, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn đối với nhà máy lọc dầu; Các giao dịch giữa BSR và nhà thầu, nhà cung cấp được thực hiện theo quy trình, quy định đã ban hành, đảm bảo minh bạch.
Cơ quan nhà nước	Thường xuyên chia sẻ quan điểm về luật với các cơ quan thông qua tham vấn cộng đồng, các cuộc họp, gặp gỡ và đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế; Bảo đảm an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường; Tác động tích cực tới cộng đồng địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> BSR tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm, các quy định về công bố thông tin; Cập nhật các quy định của Nhà nước và quy tắc quốc tế về an toàn lao động, môi trường ...; Tích cực tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.
Cộng đồng địa phương		<ul style="list-style-type: none"> Minh bạch trong các hoạt động kinh doanh và tác động về môi trường; Bảo vệ môi trường; Hỗ trợ tới sự phát triển chung của cư dân cộng đồng địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> Công tác kê khai, nộp phí nước thải và báo cáo định kỳ về môi trường được thực hiện đầy đủ; Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015; Thực hiện ASXH tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi.



Các vấn đề trọng yếu

BSR đã thực hiện đánh giá chủ đề trọng yếu để chọn ra các vấn đề mà các bên liên quan bên trong và bên ngoài cảm thấy là quan trọng. 15 chủ đề trọng yếu về tác động kinh doanh và tác động của các bên liên quan đã được chọn và biểu diễn theo biểu đồ dưới đây:



Tầm quan trọng của các tác động kinh tế, môi trường và xã hội của BSR

- | | | | |
|---|---|---|-------------------------------|
| 1 | GRI 201 - Hiệu quả hoạt động kinh tế | 1 | GRI 301 - Vật liệu |
| 2 | GRI 203 - Tác động kinh tế gián tiếp | 2 | GRI 302 - Năng lượng |
| 3 | GRI 205 - Chống tham nhũng | 3 | GRI 303 - Nước và Nước thải |
| 1 | GRI 401 - Việc làm | 4 | GRI 304 - Đa dạng sinh học |
| 2 | GRI 403 - An toàn và sức khỏe nghề nghiệp | 5 | GRI 305 - Phát thải |
| 3 | GRI 404 - Giáo dục và Đào tạo | 6 | GRI 306 - Chất thải |
| 4 | GRI 413 - Cộng đồng địa phương | 7 | GRI 307 - Tuân thủ Môi trường |
| 5 | GRI 419 - Tuân thủ về Kinh tế - Xã hội | | |

Tích hợp và lựa chọn

Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn được lập tích hợp và tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI.

Câu chuyện nổi bật về Phát triển bền vững

Chính sách phát triển bền vững của BSR gắn liền với các hoạt động bảo vệ môi trường và an sinh xã hội. Trong năm 2021, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tác động kép dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu nhưng BSR đã thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội trong đó có một số hoạt động có ý nghĩa đối với sự phát triển của cộng đồng địa phương trong khu vực như:

- Tài trợ xây dựng Trường Mẫu giáo xã Duy Trung (Quảng Nam) 5 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trường Tiểu học Lương Thế Vinh (Gia Lai) 5 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trường Mầm non Việt Hòa (Hưng Yên) 5 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trường Tiểu học Thanh Long (Lạng Sơn) 5 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trường Mầm non Tả Ván (Hà Giang) 2,5 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng Trạm Y tế xã Hà Long (Thanh Hóa) 5 tỷ đồng.

- Tài trợ Quỹ hỗ trợ Phát triển thanh niên 5 tỷ đồng.
- Tài trợ xây dựng nhà đại đoàn kết tại tỉnh Quảng Ngãi 1,3 tỷ đồng và các chương trình tài trợ khác tại tỉnh Quảng Ngãi và các địa phương 5,2 tỷ đồng.
- Tài trợ Quỹ vắc xin của Chính phủ 20 tỷ đồng.
- Tài trợ mua máy thở cho bệnh viện các tỉnh đang bùng phát dịch bệnh Covid-19 theo đề nghị của Bộ Y tế 12,6 tỷ đồng.
- Tài trợ mua máy tính bảng cho các em học sinh theo chương trình "Sống và máy tính cho em" 10 tỷ đồng.
- Tài trợ tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 là hơn 3,2 tỷ đồng.
- Đề án trồng 1 triệu cây xanh giai đoạn 2021-2022: Năm 2021, BSR đã tổ chức Lễ phát động và cam kết với tỉnh Quảng Ngãi trồng 1 triệu cây xanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian 5 năm.



KINH TẾ

BSR vừa là tổ chức kinh doanh, vừa giữ nhiệm vụ chính trị đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia. Do đó, chúng tôi cân đối thực hiện hài hòa cả hai mục tiêu này. Những thành công về kinh tế sẽ đóng góp cho ngân sách nhà nước và giúp phát triển kinh tế địa phương.

Năm 2021 là một năm thành công với BSR về các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mặc dù dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần 4 gây ra rất nhiều khó khăn cho Công ty. Năm 2021 Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHCĐ giao, trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đạt kỷ lục 6.026 tỷ đồng – cao nhất kể từ sau cổ phần hóa và vượt 597% kế hoạch cả năm. Các chỉ số tài chính đảm bảo ở mức an toàn, dòng tiền không bị đứt gãy.
- Công ty tiếp tục vận hành an toàn nhà máy lọc dầu và thực hiện các giải pháp kịp thời, phù hợp để tránh rủi ro tank-top và duy trì nhà máy vận hành liên tục;
- Đã tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn trên 12 loại dầu thô mới bổ sung vào rổ dầu của Nhà máy. Tiến hành chế biến thử nghiệm thành công 6 loại dầu thô mới và tiếp tục chế biến thử nghiệm dầu thô mới Rabi trong tháng 12/2021;
- Đóng góp cho ngân sách nhà nước: 11,06 nghìn tỷ, vượt 44% so với kế hoạch.

Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR. Để đảm bảo công tác vận hành Nhà máy được liên tục, ổn định, có những thời điểm Công ty đã phải kích hoạt phương án 3 tại chỗ, bố trí nhân sự làm việc, sinh hoạt tại Nhà máy nhằm ứng phó với dịch bệnh. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn thực hiện tốt chế độ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng, phúc lợi tập thể cho người lao động và các chế độ chính sách khác như chế độ BHXH, BHYT, BHTN, BHTN-BNN; chi trả phụ cấp độc hại, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm; phụ cấp tiền ăn ca; thực hiện chế độ khám chữa bệnh định kỳ đối với người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; chế độ Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm sức khỏe trách nhiệm cao,... nhằm đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

BSR tiếp tục triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất – công trình có ý nghĩa kinh tế xã hội to lớn khi đi vào hoạt động giúp phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống vật chất của người dân trong vùng. Dự án NCMR NMLD Dung Quất còn giúp sản phẩm đầu ra của BSR đáp ứng tiêu chuẩn mức Euro IV/V, đem lại lợi ích về kinh tế, bắt kịp xu thế thị trường.

Song song với đó, BSR đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020 tại Nghị quyết số 978/NQ-BSR ngày 25/3/2021 và Chỉ thị số 998/CT-BSR ngày 28/3/2021 về việc thực hiện Chương trình tiết kiệm, tiết giảm chống lãng phí năm 2021. BSR đã nỗ lực rà soát, chủ động tiết giảm tối đa các chi phí chưa thật sự cần thiết, chỉ mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ kỹ thuật thực sự cần thiết có ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và an ninh, an toàn của Nhà máy.

Tổng số liệu đăng ký tiết giảm chi phí năm 2021 theo Quyết định số 1962/QĐ-DKVN ngày 16/4/2021 là 178,4 tỷ đồng. Với các nỗ lực thực hiện triệt để các giải pháp tiết giảm chi phí, kết quả ước thực hiện tiết giảm chi phí năm 2021 của BSR là 219,1 tỷ đồng (đạt 122,86% so với kế hoạch).

Năm 2021 là một năm thành công với BSR về các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

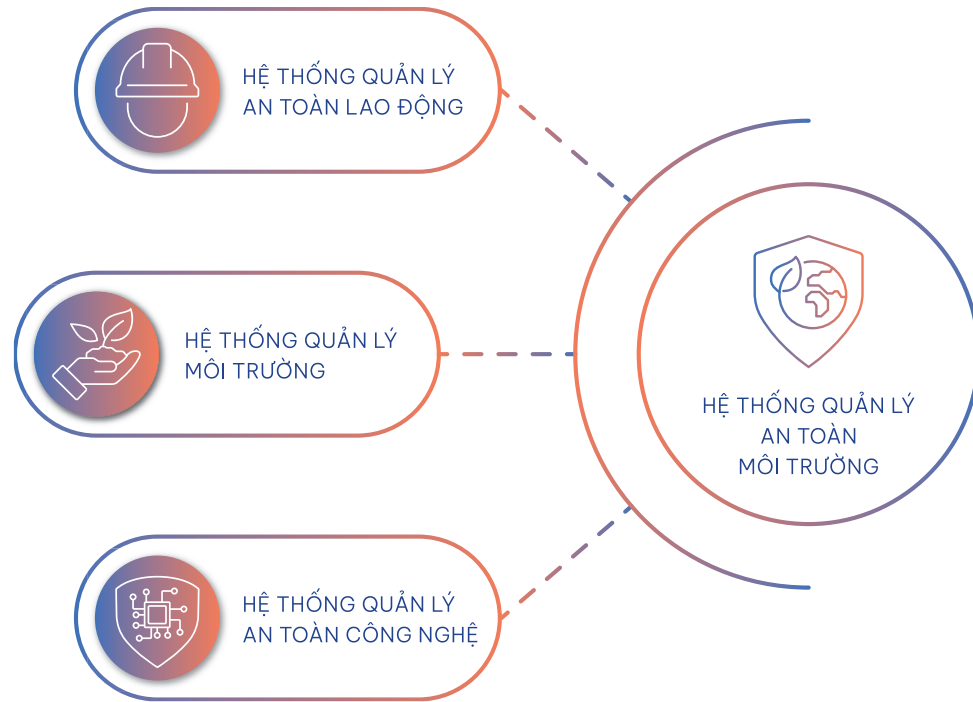
”



MÔI TRƯỜNG

BSR hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp lọc hóa - dầu có nguy cơ phát sinh các mối nguy cho con người, môi trường và tài sản trong quá trình sản xuất và được phân chia thành hai loại chính: Mối nguy an toàn công nghệ (thường có tần suất xảy ra thấp nhưng hậu quả lớn) và mối nguy an toàn lao động (thường có tần suất xảy ra cao nhưng hậu quả mang tính chất đơn lẻ). Để kiểm soát các mối nguy này, BSR đã xây dựng hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe - Môi trường tích hợp (ATSKMT) gồm các tiêu chuẩn sau:

- Thỏa mãn các yêu cầu của Tiêu chuẩn về Tiêu chuẩn quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (ATSKNN) theo tiêu chuẩn ISO 45001:2017.
- Tiêu chuẩn quản lý An toàn công nghệ theo CCPS (ATCN). Các thành phần của ATCN được tích hợp vào các thành phần của Hệ thống quản lý ATSKNN.
- Tiêu chuẩn quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.



Đối với vấn đề bảo vệ môi trường, nhà máy lọc dầu được xếp vào danh mục công trình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, do vậy BSR luôn xem vấn đề bảo vệ môi trường là quan trọng hàng đầu. BSR đã áp dụng hệ thống quản lý ISO 14001:2015 để kiểm soát chặt chẽ các khía cạnh môi trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR.

Chính sách An toàn - Chất lượng - Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường

Chính sách Chất lượng, An toàn - Sức khỏe nghề nghiệp, Môi trường và Năng lượng (CL, ATSKNN, MT & NL) của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là: giảm rủi ro đến mức tối thiểu về con người, môi trường, tài sản; thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong các hoạt động sản xuất, vận chuyển và phân phối các sản phẩm lọc, hóa dầu.



CAM KẾT CỦA BSR:

Để thực hiện Chính sách trên, Công ty cam kết thiết lập và duy trì hệ thống quản lý Chất lượng, AT- SKNN, Môi trường và Năng lượng bảo đảm:

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành và các nghĩa vụ tuân thủ;
- Đáp ứng các yêu cầu quản lý CL, AT - SKNN, MT & NL theo các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành và cải tiến thường xuyên hệ thống nhằm nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đáp ứng nhu cầu mong đợi của khách hàng về chất lượng sản phẩm, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng, tài nguyên, bảo vệ môi trường và cộng đồng;
- Kiểm soát các mối nguy, rủi ro có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, hư hỏng tài sản, tác hại môi trường và gây suy giảm chất lượng sản phẩm dịch vụ;

- Bảo đảm kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được xây dựng, tính sẵn sàng về nhân lực, hệ thống thiết bị ứng phó tình huống khẩn cấp để xử lý kịp thời, có hiệu quả trong các trường hợp khẩn cấp;
- Cung cấp đầy đủ nguồn lực, tạo động lực cho CBCNV đề xuất và triển khai các giải pháp tối ưu để cải tiến hệ thống chất lượng, an toàn, môi trường và năng lượng của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo, hoàn thiện hệ thống quản lý, hệ thống tài liệu cần thiết để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất, kinh doanh ở mức thấp nhất có thể;
- Áp dụng kỹ thuật công nghệ, mua sắm và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ có hiệu quả sử dụng năng lượng cao.



Các thành phần của hệ thống quản lý ATSKMT

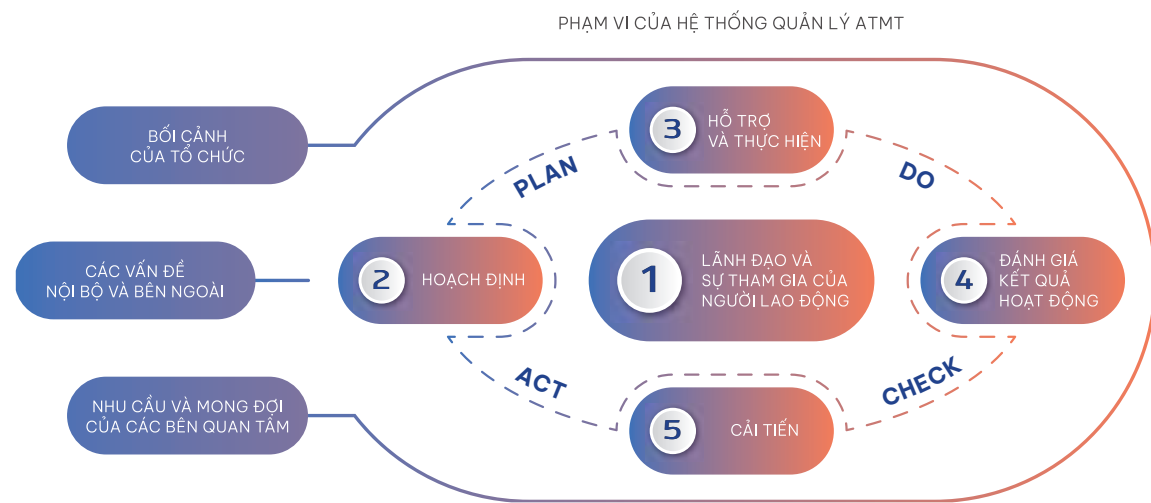
Công ty BSR đã xây dựng hệ thống quản lý ATSKMT là khung cơ sở cho sự cải tiến liên tục thông qua việc áp dụng các thành phần chuẩn của hệ thống cho tất cả các hoạt động trong lĩnh vực An toàn-Sức khỏe-Môi trường-PCCC-An ninh, bao gồm:

- Phát triển và thực hiện thành phần Quản lý rủi ro để xác định các mối nguy & rủi ro từ hoạt động sản xuất của BSR và thiết lập các công cụ kiểm soát phù hợp nhằm đạt được mục tiêu an toàn, không tai nạn sự cố;
- Xác định các trách nhiệm pháp lý và cam kết để đảm bảo tuân thủ;
- Tối ưu tính toàn diện, độ tin cậy và hiệu quả sản xuất;

- Khuyến khích xây dựng và cải tiến liên tục để đạt kết quả cao trong công tác thực thi ATSKMT.

Hệ thống quản lý ATSKMT của BSR được cấu trúc theo vòng lặp cải tiến liên tục PDCA (Hoạch định - Thực hiện - Xem xét - Cải tiến liên tục) với phạm vi sau đây: 1) Lãnh đạo và sự tham gia của người lao động; 2) Hoạch định; 3) Hỗ trợ và thực hiện; 4) Đánh giá kết quả hoạt động; 5) Cải tiến.

Hệ thống quản lý này như minh họa trong mô hình dưới đây:



Cho đến nay, Công ty đã đạt được các kết quả về ATSKMT như sau:

Nguyên vật liệu

Dầu là nguồn tài nguyên không tái tạo, do đó BSR liên tục cải tiến và áp dụng các biện pháp để tiết kiệm và tận dụng nguyên liệu đầu vào để sử dụng hiệu quả và lâu dài nhất. Việc tiết kiệm nguyên vật liệu, đặc biệt là dầu, được tập trung ở 2 hoạt động chính: Sản xuất và tiêu thụ nội bộ.

Bảng 1: Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2021 (VND)
Chi phí Hóa phẩm xúc tác cho Nhà máy lọc dầu	406.742.153.977
Chi phí Hóa phẩm xúc tác cho phân xưởng PP (bao gồm chi phí đóng gói sản phẩm PP)	209.016.765.637
Chi phí đóng gói sản phẩm PP	126.559.281.401

Bảng 2: Nguyên liệu dầu thô nhập và chế biến năm 2021

STT	NỘI DUNG	ĐVT	2021
1	Dầu thô nhập	tấn	7.057.627
1.1	Dầu trong nước	tấn	5.565.187
1.2	Dầu nhập khẩu	tấn	1.492.439
1.3	Dầu trong nước	%	78,9%
1.4	Dầu nhập khẩu	%	21,1%
2	Dầu thô chế biến	tấn	7.017.528
2.1	Dầu trong nước	tấn	5.518.969
2.2	Dầu nhập khẩu	tấn	1.498.559
2.3	Dầu trong nước	%	78,6%
2.4	Dầu nhập khẩu	%	21,4%

Theo thống kê các năm từ 2019 trở về trước, dầu thô chế biến chính cho Nhà máy chủ yếu là dầu thô trong nước (87-100%). Trong năm 2021, dù chịu ảnh hưởng lớn của dịch Covid-19 trên toàn thế giới nhưng Nhà máy đã thành công nâng tỷ lệ dầu thô nhập khẩu chế biến lên mức 21,4%, đồng thời tăng cường thử nghiệm các loại dầu thô mới như Sông Đốc (Việt Nam), các loại dầu thô nhập khẩu như: Qua Iboe, Forcados (Nigeria), Cabinda (Angola), Sumatran Light (Indonesia), Bu Attifel (Libya) và Rabi Blend (Gabon) với tỷ lệ chế biến cao để mở rộng nguồn cung nguyên liệu, tranh thủ cơ hội thị trường và mang lại hiệu quả cao.

Theo kế hoạch cung cấp dầu thô năm 2022, Nhà máy đã lập kế hoạch cung cấp dầu thô phương án cơ sở 103%, phần đầu 105-108% công suất thiết kế, tỷ lệ dầu thô mua theo hợp đồng chuyển khoảng 19-25% để linh động công suất vận hành, đặt mục tiêu phần đầu chế biến thử nghiệm 2-4 loại dầu thô mới trong năm 2022 và tăng tỷ lệ dầu nhập khẩu ở mức 35-46% để chủ động nguồn nguyên liệu và nâng cao hiệu quả chế biến của Nhà máy.

Bảng 3: Nhập Ethanol để phối trộn xăng E5 RON 92

STT	NỘI DUNG	ĐVT	2021
1	E100 mua để phối trộn xăng E5	tấn	1.574
2	Sản lượng xăng E5 hàng năm	tấn	31.017

Bảng 4: Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

STT	NỘI DUNG	ĐVT	2021
1	Tổng dầu chế biến	tấn	7.030.781
1.1	Dầu thô chế biến	tấn	7.017.528
1.2	Dầu tuần hoàn, Slop	tấn	13.253
	Dầu tuần hoàn, Slop	%	0,2%

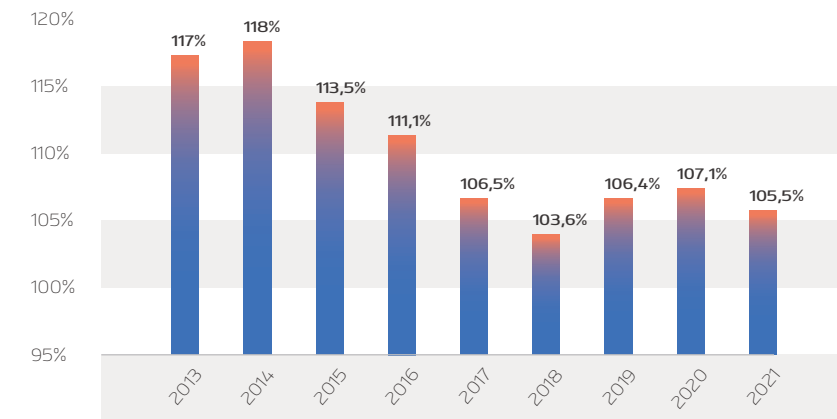
Năng lượng

Là doanh nghiệp trọng điểm về năng lượng và có quy mô lớn, vấn đề năng lượng quan trọng đối với BSR cả về phương diện hiệu quả sản xuất kinh doanh và môi trường. Để quản lý hiệu quả, BSR đã áp dụng hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001. Đến tháng 5 năm 2021, BSR đã thực hiện chuyển đổi thành công từ phiên bản 2011 lên phiên bản 2018. Đây là một tiêu chuẩn quốc tế hỗ trợ các tổ chức cải thiện hiệu quả quản lý năng lượng, đồng thời tối ưu hóa hoạt động năng lượng ở tất cả các quy trình.

Tình hình sử dụng năng lượng

Trong năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 lần thứ tư bùng phát, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu giảm mạnh, Nhà máy phải giảm và duy trì vận hành ở công suất tối thiểu 80% từ ngày 24/08/2021 đến ngày 22/09/2021, công suất trung bình từ tháng 08/2021 đến hết tháng 11/2021 là 88%. Ngoài ra, việc thay đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm nhẹ, có giá trị cao như propylene, xăng, LPG nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường và tăng hiệu quả kinh tế cũng đã làm tăng tiêu thụ năng lượng của Nhà máy. Tuy nhiên, nhờ vào sự nỗ lực trong công tác giám sát và tối ưu hóa, BSR đã hoàn thành mục tiêu năng lượng đề ra, chỉ số năng lượng EII tích lũy năm 2021 là 105,5% so với mục tiêu 105 ± 1%.

Chỉ số EII từ năm 2014 đến năm 2021 cụ thể như sau:

EII QUA CÁC NĂM

*EII: Chỉ số hiệu quả năng lượng

Kết quả thực hiện các giải pháp năng lượng

Năm 2021 đã nghiên cứu và áp dụng thành công 11 giải pháp tối ưu hóa năng lượng, tiết kiệm cho Nhà máy khoảng 55 tỷ đồng. Trong đó, những giải pháp tiêu biểu gồm (i) Nghiên cứu tối ưu hóa nước biển làm mát (chế độ vận hành 3/5 bơm nước biển); (ii) Tối ưu tỷ lệ hồi lưu của tháp T-1301 để tiết kiệm năng lượng; (iii) Tối ưu áp suất vận hành của tháp T-1107 để tiết kiệm hơi HP; v.v...





Nước

Năm 2021, Nhà máy sử dụng nước biển trong vịnh Việt Thanh để làm mát thiết bị với lưu lượng trung bình là 35.711 m³/giờ. Quá trình làm mát là gián tiếp, không có tiếp xúc với chất ô nhiễm và nhiệt độ đầu cao nhất là 37,02°C. Do đó, việc xả nước biển sau làm mát trở lại nguồn nước biển trong vịnh Việt Thanh hầu như không có tác động đáng kể đến môi trường biển cũng như sinh kế, an ninh an toàn trong khu vực.

Tiêu thụ nước

a. Nước biển làm mát

Nguồn nước biển được lấy từ nước trong vịnh Việt Thanh. Theo thiết kế, phân xưởng lấy nước biển có công suất 50.000 m³/h. Nước biển được sử dụng để trao đổi nhiệt gián tiếp làm mát nước ngọt thông qua các thiết bị trao đổi nhiệt dạng tấm. Tổng lượng nước biển sử dụng năm 2021 là: 286.882.018 m³ tương đương 35.711 m³/h.

Chi phí sử dụng, phí bảo vệ môi trường đối với nước biển làm mát cho thiết bị là: 0 VNĐ.

b. Nước ngọt

Nguồn nước ngọt được lấy từ Nhà máy nước Vinaconex nằm trong khu Kinh tế Dung Quất để cung cấp cho toàn bộ khu vực Nhà máy; khu bể chứa sản phẩm; phân xưởng nước khử khoáng; hệ thống nước chữa cháy... Trong năm 2021 tổng lượng nước ngọt sử dụng là: 2.613.870 m³ tương đương 330 m³/h.

Tổng chi phí sử dụng nước ngọt: 23.893.150.365 (VNĐ), trong đó:

- Chi phí sử dụng nước: 23.761.830.645 (VNĐ).
- Phí bảo vệ môi trường: 131.319.720 (VNĐ).

Lượng nước sử dụng

- Nước phục vụ sản xuất
 - Nước khử khoáng: 1.175.400 m³
 - Nước bán cho tàu dầu và nước tưới cây: 753.081 m³
- Nước dịch vụ: 406.464 m³
- Nước cứu hỏa: 120.966 m³
- Nước làm mát: 8.760 m³
- Nước sinh hoạt: 147.920 m³

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tỷ lệ thu hồi nước ngưng khoảng 76% tương đương 853.632 m³.



Nước thải, chất thải

Chất thải của BSR

Trong hoạt động sản xuất của Nhà máy, các nguồn thải phát sinh thường xuyên bao gồm:

- Nước thải công nghiệp: Chủ yếu là nước thải nhiễm dầu với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng dầu và COD. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy với lưu lượng trung bình năm 2021 khoảng 231 m³/giờ;
- Khí thải phát thải từ các lò đốt, lò gia nhiệt và lò đốt coke tái sinh xúc tác với chất ô nhiễm đặc trưng là SO_x, NO_x và bụi được xử lý, lọc bụi tĩnh điện và quan trắc tự động trước khi phát thải qua các ống khói. Lượng khí thải nhà kính phát thải năm 2021 khoảng 1,67 triệu tấn CO₂ tương đương (CO₂e), giảm 0,09 triệu tấn so với năm 2020;

- Chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy chủ yếu là chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại như xúc tác thải RFCC, chất thải sinh hoạt của người lao động, các loại dầu thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại... Toàn bộ lượng chất thải phát sinh sẽ được thu gom phân loại và lưu trữ tại các kho lưu trữ chất thải tạm thời của Nhà máy có tổng diện tích trên 1.000 m² trước khi chuyển giao cho nhà thầu có chức năng xử lý đúng quy định pháp luật.

Công tác quản lý chất thải, nước thải tại BSR

a. Quản lý chất thải và chất thải nguy hại

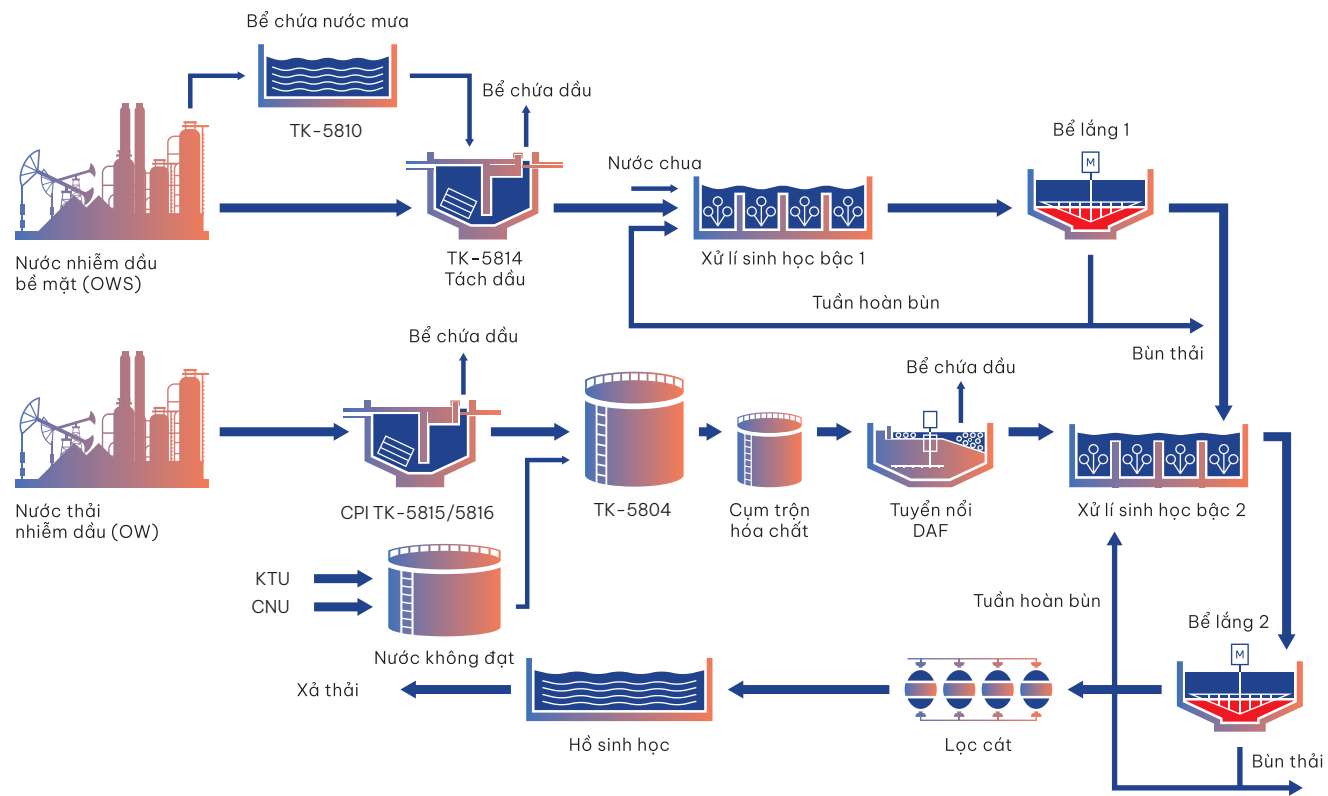
Công ty đăng ký và được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi đã cấp sổ chủ nguồn thải với Mã số QLCTNH 51.000010.T ngày 18/6/2019 (cấp phát lần đầu vào ngày 25/8/2009). Các loại chất thải khác nhau sẽ được phân loại, thu gom, và lưu trữ tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Năm 2021, BSR đã ký hợp đồng với liên danh nhà thầu Pedaco và Lilama EME để thu gom và xử lý 447.677 kg chất thải nguy hại, 3.315.942 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường và 4.940 kg chất thải sinh hoạt.

b. Quản lý nước thải

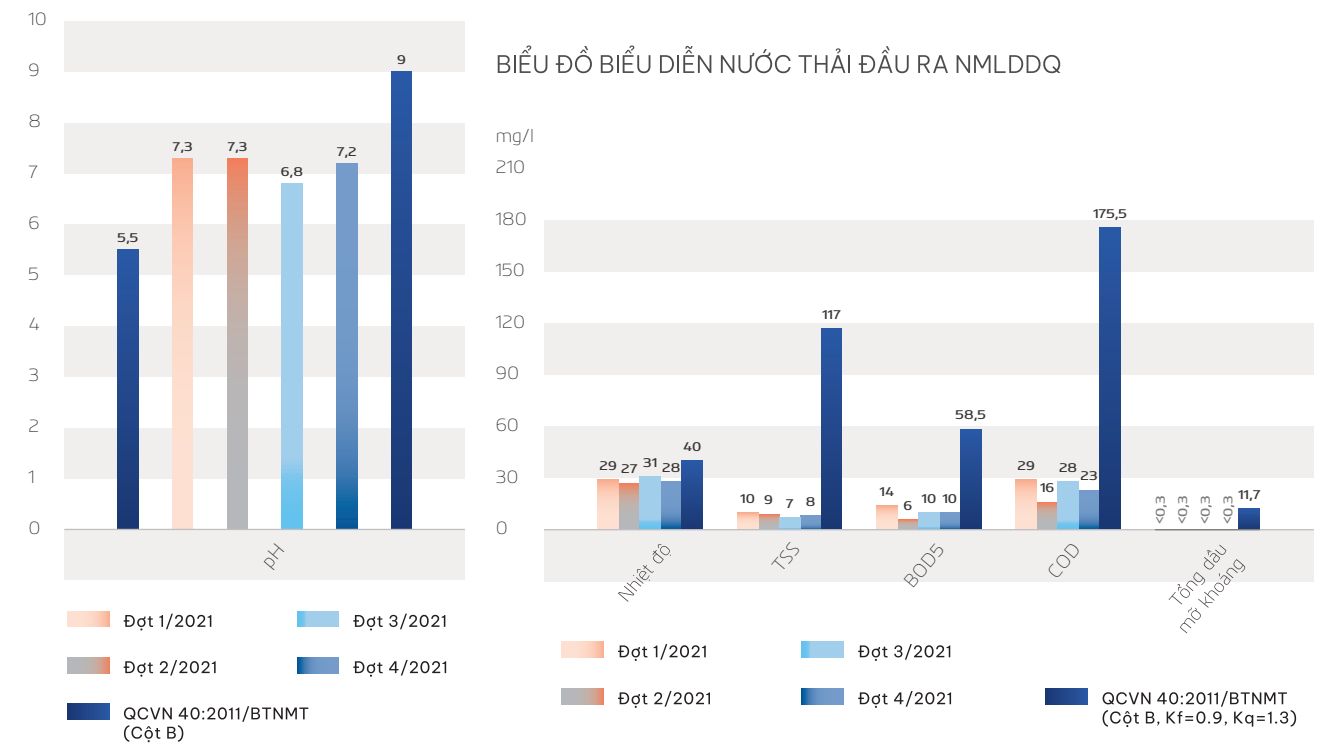
Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành sản xuất, nước nhiễm dầu bề mặt được thu gom và đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Hệ thống xử lý được đầu tư với công suất thiết kế 560 m³/h với các công đoạn xử lý cơ học (vật lý), hoá lý (tuyển nổi), sinh học, lắng và lọc cát (như sơ đồ mô phỏng dưới đây):





Công nghệ xử lý nước thải Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy hoạt động ổn định và hiệu quả từ năm 2010 đến nay. Tất cả thông số nước thải Nhà máy sau xử lý luôn đạt QCVN 40:2011/BTNMT. Năm 2019, BSR đã hoàn thành lắp đặt trạm tự động, liên tục cho hệ thống xử lý nước thải và kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài Nguyên môi trường Quảng Ngãi.



Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2021



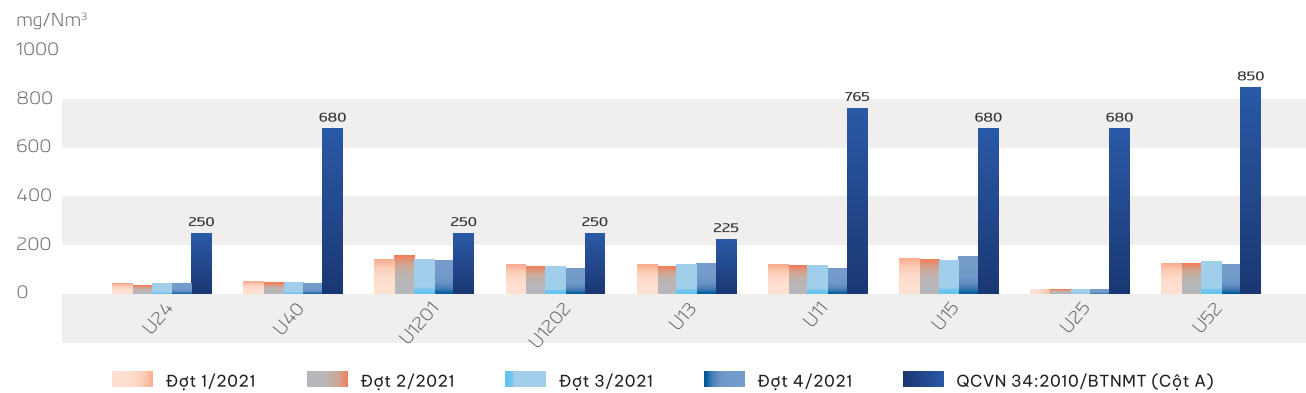
c. Quản lý khí thải

Nhà máy có các nguồn phát sinh khí thải chủ yếu từ các ống khói của các lò gia nhiệt (các phân xưởng 11, 12, 13, 24), các nồi hơi (phân xưởng 40, 52), lò đốt coke và tái sinh xúc tác (phân xưởng U15) và phân xưởng thu hồi lưu huỳnh (SRU). Các hạng mục xử lý khí thải đảm bảo khí thải phát sinh đáp ứng quy chuẩn chuẩn môi trường cho phép gồm:

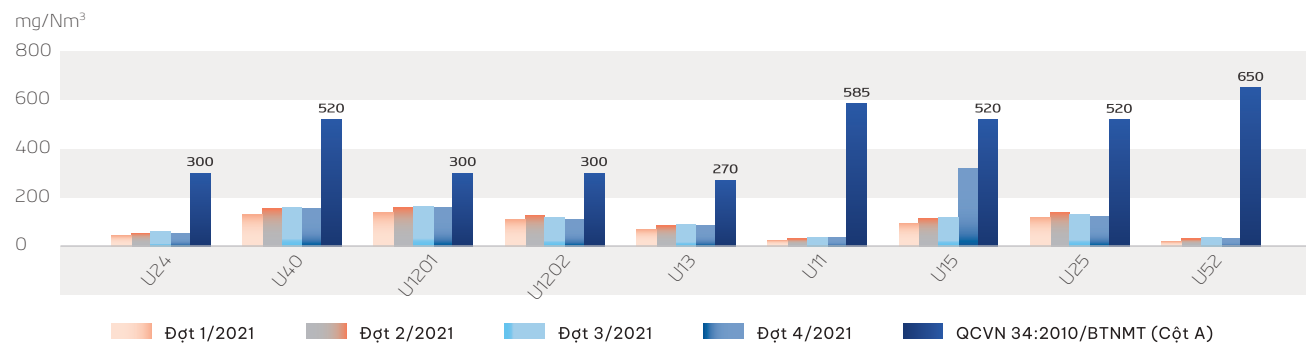
- Lắp đặt thiết bị lọc bụi tĩnh điện để xử lý dòng khí thải có chứa hàm lượng bụi cao từ phân xưởng RFCC để đáp ứng tiêu chuẩn nguồn thải;
- Xây dựng và vận hành phân xưởng xử lý khí đuôi và thu hồi lưu huỳnh (SRU);

- Thiết kế và lắp đặt chiều cao ống khói được đúng theo các báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
- Để giám sát và kiểm soát việc phát thải ra môi trường, từ năm 2020 đến nay Công ty đã triển khai lắp đặt bổ sung thiết bị cho các trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục cho các phân xưởng U11, U40, U15 và U25. Ngoài ra, định kỳ hàng quý Công ty thuê đơn vị có chức năng (EMC) để tiến hành quan trắc chất lượng các nguồn thải. Kết quả, các thống số chất lượng khí thải của Nhà máy đều đáp ứng QCVN 34:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp lọc hoá dầu đối với bụi và các chất vô cơ.

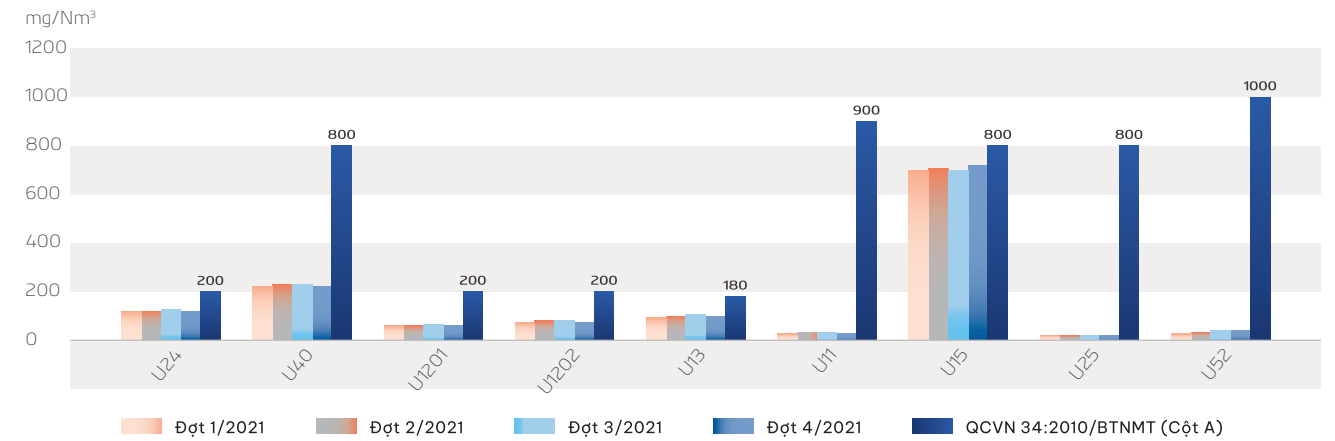
BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN NO_x TRONG KHÍ THẢI



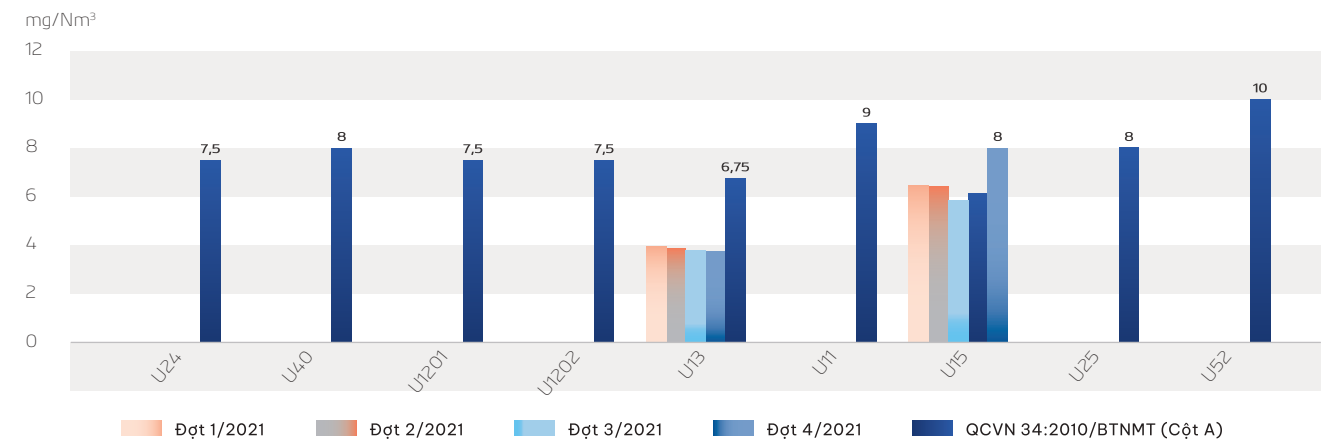
BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN SO₂ TRONG KHÍ THẢI



BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN CO TRONG KHÍ THẢI



BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN H₂S TRONG KHÍ THẢI



Kết quả quan trắc khí thải tại nguồn năm 2021

Trong năm 2021, BSR tiếp đón 2 đợt kiểm tra của Tổ giám sát do Tổng Cục Môi trường thành lập. BSR được đánh giá thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ tốt các yêu cầu của pháp luật. Ngoài ra, trong năm qua BSR cũng không có khiếu nại về môi trường từ cộng đồng dân cư xung quanh khu vực hoạt động Nhà máy.

Sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường

BSR đã xây dựng và được các cơ quan quản lý thẩm định, phê duyệt các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố các sự cố liên quan đến môi trường gồm:

- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 13/07/2017;

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 9152/QĐ-BCT ngày 03/12/2013.

Trên cơ sở đó, Công ty đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị, xây dựng các phương án và tổ chức thực/diễn tập định kỳ nhằm sẵn sàng ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra.



Đối với việc kiểm soát chuỗi cung ứng về tư vấn dịch vụ môi trường

Định kỳ, BSR kiểm tra trực tiếp công tác xử lý chất thải tại cơ sở của nhà thầu nhằm đảm bảo việc xử lý chất thải đúng quy định và bảo vệ môi trường.

Đối với chất lượng dịch vụ quan trắc môi trường, các đơn vị cung cấp dịch vụ phải có đủ chức năng và chứng nhận VIMCERT do Bộ TNMT cấp mới được tham gia dịch vụ.

Đa dạng sinh học

Nhà máy lọc dầu Dung Quất hiện hữu và mở rộng tương lai có diện tích sử dụng khoảng 956 ha, bao gồm 485 ha mặt đất và 471 ha mặt biển. Các hoạt động sản xuất và xả thải của Nhà máy có các nguy cơ về tràn dầu trong quá trình xuất-nhập, lưu chứa các sản phẩm và dầu thô, xả nước thải và khí thải có thể tác động đến hệ sinh thái biển trong vịnh Việt Thanh và vịnh Dung Quất, ô nhiễm môi trường không khí xung quanh. Tuy nhiên, các nguy cơ này đã được BSR kiểm soát chặt chẽ thông qua: quy trình quản lý, quy trình vận hành; vận hành các hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải; quan trắc môi trường tự động liên tục và quan trắc định kỳ bởi đơn vị có chức năng; định kỳ tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường.

Theo kết quả phân tích, đánh giá về đa dạng sinh học của Trung tâm nghiên cứu môi trường Dầu khí (CPSE) năm 2017 cho báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án NCMR Nhà máy và dữ liệu quan trắc qua các năm trước đó, các quần xã sinh vật biển xung quanh Nhà máy lọc dầu Dung Quất có chỉ số đa dạng sinh học (Hs) và chỉ số cân bằng (J) ở mức cao (Trích Báo cáo đánh giá tác động môi trường năm 2019).

Công tác ứng phó tình huống khẩn cấp

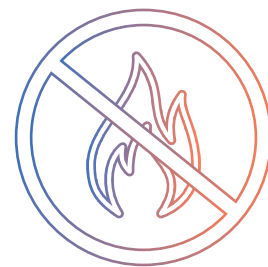
Do đặc thù của quy trình sản xuất, từ nguyên liệu đầu vào ban đầu, hóa phẩm, phụ gia chất xúc tác cho các quá trình sản xuất cho đến sản phẩm đầu ra của nhà máy đều là các hóa chất, nhiên liệu có khả năng cháy nổ cao và được tồn trữ với khối lượng vô cùng lớn, Nhà máy lọc dầu Dung Quất thuộc nhóm cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Nhà máy nằm trong khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết khắc nghiệt như nắng nóng, mưa bão, v.v... gây ra các mối nguy chính như cháy nổ, tràn dầu, rò rỉ khí độc, phóng xạ và bão lũ.

Bất cứ sự cố cháy nổ, rò rỉ/tràn đổ hóa chất, tràn dầu nào xảy ra tại Nhà máy cũng đều có thể gây nên thiệt hại nghiêm trọng về con người, tài sản, môi trường và tác động không nhỏ đến kinh tế của đất nước. Từ đó có thể thấy được công tác phòng chống cháy nổ và cứu nạn cứu hộ, ứng phó tình huống khẩn cấp tại Nhà máy là hết sức quan trọng và luôn được quan tâm hàng đầu tại BSR.

Để phòng ngừa và kiểm soát rủi ro các mối nguy và ngăn ngừa/giảm thiểu thiệt hại từ các sự cố, Công ty BSR đã xây dựng hệ thống và lực lượng ứng phó tình huống khẩn cấp cơ sở với chủ trương, phương châm và giải pháp cụ thể bao gồm:

Chủ trương và phương châm hành động lấy phòng ngừa làm trọng tâm. Cụ thể là:

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và tuân thủ các quy định, chính sách của Nhà nước về công tác an toàn PCCC như (1) Lập hồ sơ quản lý theo dõi công tác PCCC&CNCH; thực hiện báo cáo định kỳ theo đúng quy định pháp luật



Công tác phòng chống cháy nổ và cứu hộ luôn được quan tâm hàng đầu tại BSR



hiện hành; (2) Lập kế hoạch và phân công các bộ phận thực hiện khắc phục đầy đủ các kiến nghị theo các Biên bản thanh kiểm tra về công tác PCCC tại Công ty; (3) Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo đúng quy định của Pháp luật;

- Công ty BSR đã tổ chức xây dựng trình Cảnh sát PCCC tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt các phương án PC-CC&CNCH cơ sở gồm 20 tình huống tại Quyết định số 2237/QĐ-CPT-P1(P3) ngày 30/12/2016
- Toàn bộ thiết kế về hệ thống PCCC của Nhà máy được tuân thủ theo các yêu cầu của pháp luật, tiêu chuẩn PCCC của Việt Nam, tiêu chuẩn thế giới và được thẩm duyệt, lắp đặt, nghiệm thu theo quy định;
- Tuyên truyền, đào tạo: tổ chức cuộc họp an toàn định kỳ, chia sẻ bài học kinh nghiệm, phổ biến công tác nhằm nâng cao ý thức về an toàn PCCC tại nơi làm việc cho CBCNV công ty;
- Xây dựng hệ thống quản lý và tổ chức kiểm tra kiểm soát rò rỉ nhằm nhận diện sớm mối nguy về rò rỉ khí cháy nổ, kiểm tra hệ thống trang thiết bị PCCC và thực hiện khắc phục các hư hỏng kịp thời nhằm đảm bảo tính sẵn sàng và tin cậy cao;
- Xây dựng và tổ chức thực tập tình huống khẩn cấp: Lập kế hoạch xây dựng/bổ sung và tổ chức thực tập các kịch bản ứng phó sự cố tại các khu vực trong Nhà máy. Định kỳ hàng tháng, Công ty tổ chức 8 lượt thực tập các tình huống sự cố.

Nguyên tắc xây dựng và triển khai tổ chức công tác ứng phó THKC theo phương châm 04 tại chỗ. Cụ thể là:

- Chỉ huy tại chỗ: Công ty BSR xây dựng hệ thống cơ chế chỉ huy tình huống khẩn cấp và thành lập Ban chỉ đạo/ban chỉ huy và phân công thành viên BCD/BCH tại Nhà máy để chỉ đạo/chỉ huy xử lý các công việc theo Kế hoạch ứng phó;
- Lực lượng tại chỗ: Công ty BSR đã thành lập, huấn luyện định kỳ đảm bảo đủ năng lực theo yêu cầu các lực lượng PCCC &CNCH chuyên ngành, PCCC & CNCH cơ sở và lực lượng PCCC bán chuyên ngành. Điều động nhân sự để thực hiện kiểm tra khắc phục, ứng phó sự cố theo quy trình của Công ty;
- Phương tiện, thiết bị: Công ty BSR đã trang bị đầy đủ các các trang thiết bị PCCC & CNCH theo yêu cầu pháp luật và đảm bảo ứng phó hiệu quả với quy mô tính chất đặc thù sản xuất của Nhà máy lọc dầu. Tổ chức kiểm tra đảm bảo tính sẵn sàng và tin cậy;
- Vật tư, dụng cụ hậu cần cho công tác UPSC: Công ty BSR đã xây dựng quy định dự trữ dự phòng các công cụ dụng cụ và vật tư cần thiết ứng phó sự cố và có thỏa thuận hoặc hợp đồng với các đối tác để đảm bảo lương thực/thực phẩm, vật tư y tế, phương tiện đưa đón,... sẵn sàng sử dụng khi có THKC.

Với những kết quả đạt được như trên, công tác đảm bảo ATSKMT của Công ty luôn được duy trì đảm bảo góp phần thành công trong vận hành Nhà máy an toàn liên tục và được Chính phủ, Nhà nước và các đoàn thanh tra, kiểm tra đánh giá cao.

XÃ HỘI

Khi môi trường kinh doanh đang thay đổi, cách thức làm việc của chúng tôi cũng phải thay đổi. Sự thay đổi liên tục mang lại những thách thức mới nhưng đồng thời cũng tạo ra những cơ hội thú vị. Để thực hiện chiến lược và tăng trưởng kinh doanh, BSR tập trung vào việc tạo dựng các giá trị con người như trao quyền cho nhân viên của mình, quan tâm đến sức khỏe của họ, cung cấp cho họ các mục tiêu rõ ràng và minh bạch, năng lực và cơ hội phát triển nghề nghiệp, lương thưởng cạnh tranh...



BSR tập trung vào việc tạo dựng các giá trị con người

Việc làm

Năm 2021 là năm BSR gặp rất nhiều khó khăn, thử thách, khi đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đặc biệt là đợt bùng phát dịch lần thứ 4, nhiều địa phương trong cả nước đã áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội trong một thời gian dài làm cho nhu cầu tiêu thụ xăng dầu giảm mạnh, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, BSR đã tập trung mọi nguồn lực, vận hành nhà máy ở công suất tối ưu, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh. Để hạn chế sự lây lan của dịch bệnh, BSR bố trí nhân sự làm việc online và kết hợp ba tại chỗ cho lực lượng trực tiếp vận hành, không có tình trạng phải tạm hoãn hợp đồng/cho người lao động nghỉ không hưởng lương, đảm bảo việc làm ổn định và trả lương đầy đủ cho CBCNV.

Trong năm 2021, Công ty đã tuyển dụng mới 10 nhân sự, những nhân sự được tuyển dụng đáp ứng được yêu cầu

công tác chuyên môn và chủ yếu tập trung cho Khối vận hành sản xuất để dự nguồn cho các ban chức năng, thay thế cho một số vị trí khuyết cần thiết do lao động giảm hoặc phát sinh vị trí mới do thay đổi cơ cấu tổ chức.

Để tiết giảm chi phí nhân công, tăng năng suất lao động, cải thiện tiền lương, thu nhập cho người lao động, Công ty đã tổ chức, bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, khoa học, có kế hoạch đào tạo thay thế, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động và thực hiện luân chuyển nội bộ giữa các bộ phận nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực, hạn chế tuyển dụng lao động mới, chỉ tuyển dụng nhân sự thực sự cần thiết, phù hợp nhu cầu thực tế và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.



STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020
1	Số nhân viên thuê mới	10	24
2	Số nhân viên thôi việc	28	29

An ninh, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Các biện pháp đảm bảo an ninh

Năm 2021, tình hình an ninh, an toàn ổn định, không có sự cố an ninh ảnh hưởng đến vận hành bình thường của Nhà máy. Công ty đã phối hợp với các lực lượng liên quan (Công an, Biên phòng, Chính quyền địa phương) tổ chức và thực hiện các phương án, kế hoạch và biện pháp nghiệp vụ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, phòng chống dịch Covid-19 tại Nhà máy:

Thực hiện kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh Covid-19. Kiểm tra việc tuân thủ nội quy, quy định về phòng chống dịch trong giai đoạn Công ty áp dụng phương án 03 tại chỗ khu tập trung, cách ly Nhà máy, P7, CT1 và Bio.

Phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện, ngăn chặn xử lý các trường hợp người dân xâm phạm hành lang bảo vệ Nhà máy để trồng trọt, khai thác cây. Thường xuyên nâng cấp trang bị bổ sung các trang thiết bị và phần mềm quản lý an ninh để đảm bảo an ninh an toàn cho vận hành Nhà máy.

Ngoài ra, Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức công tác tuyên truyền an ninh, an toàn đối với Nhà máy lọc dầu Dung Quất cho các ngư dân và nhân dân địa phương.



Các biện pháp đảm bảo an toàn và sức khỏe cho Người lao động

Công tác đảm bảo an toàn lao động luôn là mục tiêu, nội dung trọng tâm trong tất cả các kế hoạch sản xuất các cấp đến các hoạt động sản xuất, bảo dưỡng được thực hiện tại công trường. Công ty BSR đã áp dụng các giải pháp để quản trị rủi ro an toàn lao động hiệu quả. Cụ thể là:

- Song song với việc áp dụng 05 văn hóa cốt lõi, Công ty BSR đã xây dựng mục tiêu văn hóa bản sắc (văn hóa an toàn) kế hoạch hướng dẫn và thực hành áp dụng trên quy mô toàn Công ty, đặc biệt là các hoạt động sản xuất trực tiếp tại công trường;
- Hoàn thiện các công cụ về hệ thống và chính sách để khuyến khích sự tham gia của toàn bộ CBCNV vào công tác an toàn như hoàn thiện, cải tiến tài liệu Quan sát hành vi an toàn (SAO/SAC);
- Hoàn thiện hệ thống tài liệu áp dụng nguyên tắc quản trị an toàn lao động. Cụ thể xây dựng ban hành áp dụng số hóa công tác kiểm tra, giám sát, tổng hợp phân tích dữ liệu và quản trị, quản lý an toàn lao động từ những hoạt động hàng ngày/ hàng ca làm việc. Từ đó nhận diện sớm các mối nguy thách thức để có giải pháp quản lý phù hợp nhằm ngăn ngừa tai nạn lao động.
- Trong công tác huấn luyện ngoài đào tạo lý thuyết, kiến thức áp dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (E-learning, E test) thì Công ty chú trọng xây dựng công tác huấn luyện tại công trường và công việc (Coaching) để đảm bảo CBNV nắm rõ và làm đúng quy định hàng hàng và hình thành thói quen và văn hóa an toàn tại BSR.

Môi trường làm việc an toàn và thuận lợi được duy trì cho cán bộ công nhân viên và các nhà thầu của chúng tôi cũng như hạn chế tỷ lệ tai nạn tại nơi làm việc là những ưu tiên hàng đầu. Công ty có chế độ phụ cấp độc hại và bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm, phụ cấp tiền ăn ca theo đúng quy định của Nhà nước.

Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng trạm y tế với đầy đủ thiết bị, đáp ứng tốt việc sơ cấp cứu, cấp phát thuốc điều trị bệnh theo quy định của Bộ y tế. Thanh toán đầy đủ và hỗ trợ các chế độ thai sản và hưu trí theo luật định.

Năm 2021, nhận thức được rủi ro đến từ diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, BSR đã:

- Thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy, Tổ Tự quản phòng chống dịch bệnh Covid-19 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn tại Quyết định 3986/QĐ-BSR;
- Xây dựng và triển khai các phương án ứng phó với đại dịch Covid-19 đảm bảo cho Nhà máy vận hành an toàn, ổn định tại các quy trình: Quy trình Kiểm soát rủi ro dịch bệnh Covid-19 BSR-HSE-PRO-080 - Rev 2;
- Ban hành các Chỉ thị/Thông báo chỉ đạo và thực hiện phòng chống dịch trong nội bộ Công ty;
- Tổ chức việc sinh hoạt tập trung "3 tại chỗ" cho 1.200 người từ tháng 5/2021-22/10/2021, riêng nhóm 120 nhân sự ưu tiên 1 kết thúc "3 tại chỗ" ngày 29/12/2021.



- Công ty đã tổ chức tiêm Vắc xin phòng Covid-19 cho 1.513 CBCNV công ty và 243 người thân của BSR (đến nay đã tiêm đủ 3 liều Vắc xin) và BSR cũng là một trong những doanh nghiệp hoàn thành việc tiêm ngừa Vắc xin cho NLĐ sớm nhất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Công ty trang bị 180.000 khẩu trang y tế cho người lao động; pha dung dịch sát khuẩn từ 2.450 lít cồn và hóa chất; Phun và lau sàn bằng dung dịch khử khuẩn (270 kg Cloramin B) toàn bộ bề mặt khu vực làm việc của Công ty, phương tiện đưa đón;...

Những kết quả thực hiện nêu trên đã góp phần bảo vệ sức khỏe của NLĐ, kiểm soát tốt mối nguy từ đại dịch Covid-19. NLĐ yên tâm thực hiện công việc, góp phần duy trì vận hành an toàn Nhà máy trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Việc hoàn thành tiêm mũi 3 cho NLĐ (được cấp thẻ Xanh tiêm chủng Vắc xin ngừa Covid -19) làm cơ sở xem xét giảm thiểu và đi đến kết thúc “sinh hoạt 3 tại chỗ” nhằm tiết kiệm chi phí, giảm thiểu rủi ro cho Công ty và áp lực, khó khăn cho NLĐ.

Đào tạo tuyên truyền

BSR luôn chú trọng công tác huấn luyện ATSKMT (BSR đã được Bộ LĐTBXH cho phép tự huấn luyện ATVSLĐ), đây là một yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng cho công tác an toàn nhằm nâng cao nhận thức và tuân thủ các quy định an toàn cho CBCNV BSR.

Cụ thể trong năm 2021, Công ty BSR đã tổ chức 44 khóa đào tạo về an toàn sức khỏe môi trường với hơn 6679 lượt CBCNV tham gia, đạt 41.162 giờ công đào tạo an toàn, trung bình mỗi CBNV 27 giờ/người/năm. Các nội dung đào tạo bao gồm các khóa huấn luyện theo yêu cầu pháp luật và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ ATSKMT cho Người lao động.

Tổ chức đào tạo an toàn nhận thức ban đầu về an toàn cho 100% các nhà thầu, khách tham quan vào làm việc tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Bên cạnh đó, BSR tăng cường công tác tuyên truyền về ý thức tuân thủ công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể CBNV thông qua việc thực hiện các buổi họp an toàn Công ty nhằm tạo kênh trao đổi thông tin giữa Lãnh đạo Công ty và toàn thể người lao động về chính sách, mục tiêu, kết quả thực hiện công tác ATSKMT, ý kiến đóng góp của người lao động nhằm nâng cao hiệu quả công tác an toàn, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc.

Tổ chức các đợt tuyên truyền an toàn định kỳ theo chủ đề hàng tháng đối với người lao động nhà thầu, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết về an toàn không chỉ tại Nhà máy mà còn trong những công việc tại gia đình và cộng đồng.



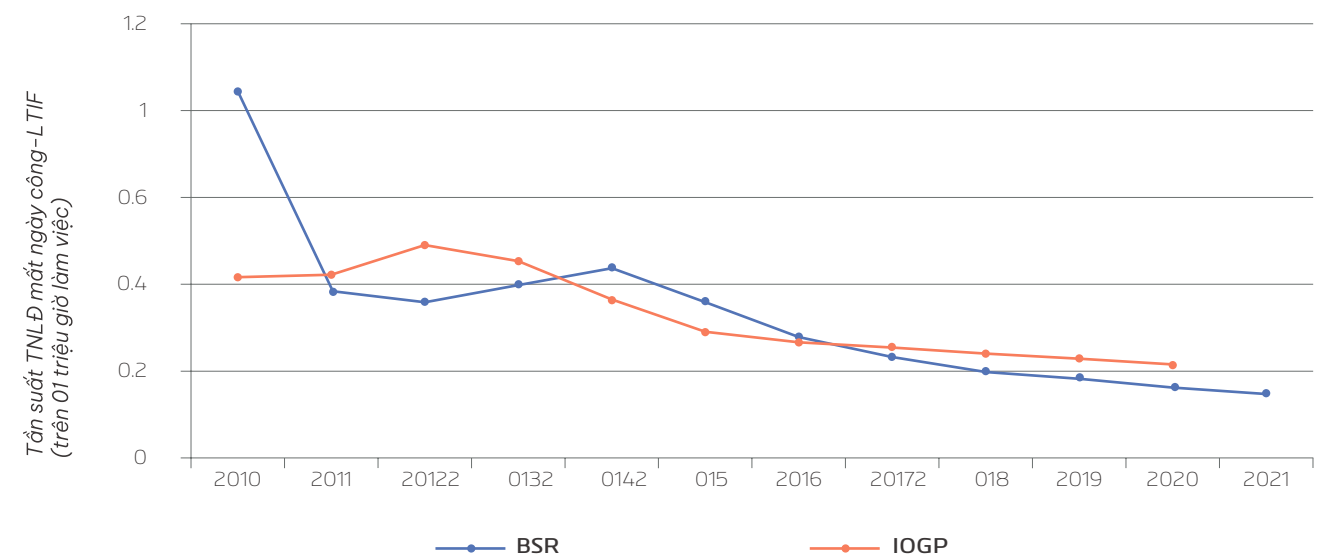
Hình thức trao đổi tuyên truyền ATSKMT tại BSR

Quản lý sự cố

Kết quả công tác quản lý sự cố

TÍCH LŨY TỪ LTI GẦN NHẤT (THÁNG 6/2014)	BSR		NHÀ THẦU		TỔNG
	6/2014-2020	NĂM 2021	6/2014-2020	NĂM 2021	6/2014-2021
TAI NẠN LAO ĐỘNG					
Chết người	0	0	0	0	0
LTI	0	0	0	0	0
RWC	0	0	0	0	0
MTC	5	0	4	0	9
FAC	3	0	6	0	9
Total Recordable Cases (TRC)	8	0	10	0	18

TẦN SUẤT TNLĐ MẤT NGÀY CÔNG TẠI BSR



IOGP: International Association of Oil&Gas Producers - Hiệp hội các nhà sản xuất Dầu khí Quốc tế



Kết quả năm 2021

Cho đến nay, Công ty đã đạt được các kết quả về ATSKMT như sau:

STT	MỤC TIÊU	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
1	Kiểm soát tình hình dịch bệnh không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR.	Đạt
2	Số giờ công an toàn không xảy ra tai nạn lao động mất ngày công (LTI)	0 LTI, đạt hơn 33,06 triệu giờ công an toàn
3	Không có sự cố cháy nổ ảnh hưởng đến SXKD	0
4	Không có sự cố an ninh gây gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	0
5	Không vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	0
6	Số giờ công đào tạo an toàn trong năm 2021	27 giờ/năm/người
7	Số lần thực/diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp	80 lần
8	Sơ lượt kiểm tra bảo dưỡng đảm bảo độ tin cậy thiết bị PCCC	4.200 lần
9	Số giờ công đào tạo/huấn luyện bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ UPSC cho đội PCCC chuyên ngành	40 giờ/người/tháng

Trong năm 2021:

- Số lượng báo cáo HSE hàng ngày: 100%;
- Số lượng phiếu huấn luyện an toàn tại site: 38 (trong giai đoạn VHSX bình thường);
- Số lượng phát hiện (NC, OB, OP): 439 (NC: 07; OB: 196; OP: 236) trong giai đoạn VHSX bình thường;
- Số lượng thẻ SAC phát hành: 26.628 (529 thẻ xanh plus; 25.932 thẻ xanh, 123 thẻ vàng; 34 thẻ đỏ).

Xây dựng văn hóa BSR trên cơ sở xây dựng văn hóa nền tảng thông qua triển khai Chương trình 7 thói quen hiệu quả; phổ biến văn hóa doanh nghiệp của PVN và BSR trên cơ sở 5 giá trị cốt lõi. Việc vận dụng 3 thói quen đầu tiên giúp cho người lao động BSR có ý thức được trách nhiệm đảm bảo an toàn cho bản thân mình “chính tôi chứ không phải ai khác chịu trách nhiệm an toàn cho chính mình” (Thói quen số 1). Khi làm công việc gì, người lao động BSR luôn đặt mục tiêu an toàn là trên hết (Thói quen số 2). Để đảm bảo công việc được an toàn, cần dành thời gian để nhận diện mối nguy và biện pháp kiểm soát thông qua JSA và PTW sau đó phổ biến cho tất cả mọi người để cùng nhau thực hiện (Thói quen số 3).

Chương trình Quan sát hành vi an toàn (SAO) là một công cụ hữu hiệu trong việc khuyến khích hành động an toàn và giảm thiểu hành vi không an toàn của từng cá nhân người lao động. Ngoài ra, đây cũng là công cụ để phát huy được sức mạnh trí tuệ của tập thể người lao động trong công tác nhận diện và kiểm soát các mối nguy hiểm, góp phần cải thiện môi trường làm việc an toàn. Tính từ thời điểm triển khai chương trình đến nay đã có 217.191 thẻ SAO được ghi nhận và hơn 13.522 phát hiện và cải tiến đã được các bộ phận khắc phục xử lý, góp phần cải thiện điều kiện làm việc an toàn, nhân rộng phát huy những việc làm tốt, từ đó đã từng bước nâng cao văn hóa an toàn đến từng CBCNV.

Với những nỗ lực làm việc tuân thủ các quy định về an toàn của CBCNV và Nhà thầu, đến ngày 06/03/2022 Công ty BSR đã đạt mốc 33,06 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công. Chỉ số tai nạn lao động ghi nhận được giữa BSR luôn luôn thấp hơn các Công ty thuộc IOGP.

Giáo dục và đào tạo

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của BSR luôn được chú trọng. Trong năm 2021, BSR đã linh hoạt ứng dụng CNTT thông qua hệ thống E-Learning, các phần mềm liên quan nhằm hỗ trợ kịp thời cho CBCNV tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo. BSR đã thực hiện được 100 chương trình và chuỗi chương trình đào tạo cho 9.941 lượt người, đạt 165% số lượt người so với kế hoạch cả năm 2021. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 6,97 tỷ đồng, đạt 77,54 % kinh phí kế hoạch năm 2021.

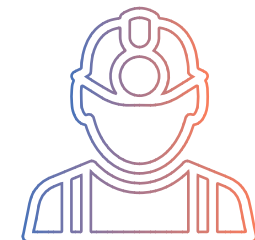
Hoạt động đào tạo người lao động được thể hiện thông qua các kết quả cụ thể, trong đó:

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

- Số giờ đào tạo trung bình trong năm: 32 giờ/người/năm.
- Số giờ đào tạo trung bình cho cấp quản lý: 18 giờ/người/năm.
- Số giờ đào tạo trung bình cho người lao động trực tiếp: 48 giờ/người/năm.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Trong năm 2021, BSR đã triển khai rất nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cấp quản lý và người lao động, một số chương trình cụ thể như sau:

- Chương trình đào tạo kỹ năng cho cấp quản lý:
 - Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế
 - Khảo sát Thù lao - Lương - Thưởng dành cho Thành viên HĐQT và Ban Điều hành
 - Chuyển đổi số trong doanh nghiệp dầu khí
 - Chuyển dịch năng lượng tại Việt Nam
 - Nhà lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động
- Chương trình đào tạo kỹ năng cho người lao động:
 - Lan tỏa 7 thói quen hiệu quả
 - Kỹ năng huấn luyện nhân viên
 - Kỹ năng giám sát nhà thầu
- Chương trình đào tạo về an toàn sức khỏe môi trường và PCCC:
 - Kiến thức an toàn nhà máy
 - An toàn bức xạ
 - 20 thành phần an toàn công nghệ
 - An toàn vệ sinh lao động
 - Quản lý an toàn công nghệ
 - An toàn giao thông
 - Sơ cấp cứu
 - An toàn sinh mạng trên biển
- Chương trình đào tạo về Lọc hóa dầu:
 - Xử lý sự cố cho vận hành tháp chưng cất và thiết bị tách muối của phân xưởng chưng cất dầu thô
 - Refinery Engineering
 - Advanced Boiler Feed and Boiler Treatment Technology
 - Refinery and Technology Management - for Next Technology Executives
 - Strategic Management for the Petroleum Industry- For Next Leaders



Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của BSR luôn được chú trọng



Cộng đồng địa phương

Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã triển khai nhiều chương trình An sinh xã hội trên cả nước

Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm là công tác sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã triển khai nhiều chương trình An sinh xã hội trên cả nước như tài trợ xây dựng trường học, xây dựng bệnh viện, nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, mua sắm trang thiết bị dạy học, hỗ trợ quỹ đền ơn đáp nghĩa, khắc phục thiên tai, cứu trợ nhân đạo, khuyến học khuyến tài, Tết vì người nghèo...

Đối với các xã xung quanh NMLD Dung Quất và một số nơi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, BSR luôn chủ động khảo sát, phối hợp với chính quyền địa phương và các Sở, ban ngành tỉnh Quảng Ngãi để tham gia hỗ trợ, tài trợ xây dựng trường học, trạm xá và quỹ khuyến học, khuyến tài.



Năm 2021, BSR đã tài trợ trên 85,8 tỷ đồng, trong đó 40 tỷ đồng để thực hiện các chương trình ASXH trên cả nước và ủng hộ các hoạt động phòng, chống Covid-19 trên 45,8 tỷ đồng.

Ngoài ra, các Công đoàn bộ phận, CBCNV cũng đóng góp một phần lương của mình hoặc đóng góp thông qua các hoạt động thể thao để thực hiện các chương trình Tết vì người nghèo, trao học bổng cho các em học sinh, tặng quà cho các gia đình chính sách,... trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



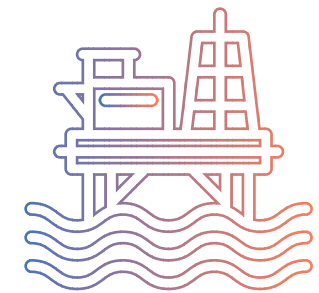
CÁC MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI 2022

Bối cảnh tổ chức

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên thế giới và Việt Nam, các biến chủng Covid-19 thay đổi liên tục và tốc độ lây lan ngày càng nhanh;
- Giá dầu thô biến động liên tục ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tình hình thời tiết ngày càng cực đoan ảnh hưởng đến an toàn và vận hành của Nhà máy;
- Trong thời gian dài Nhà máy đã đạt được nhiều kết quả về an toàn, điều này phát sinh tâm lý chủ quan của người lao động;
- Nhà máy vận hành đã hơn 10 năm nên độ tin cậy của thiết bị giảm đặc biệt việc ăn mòn bên trong và bên ngoài, điều này phát sinh các sự cố rò rỉ và cháy nổ công trình.

Các mục tiêu

- Hoàn thành các mục tiêu về công tác ATSKMT, cụ thể: Kiểm soát tình hình dịch bệnh Covid-19 không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR; không có tai nạn lao động mất ngày công; không có sự cố cháy nổ; không có sự cố môi trường; không có sự cố mất an ninh trật tự ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của BSR.
- Hoàn thiện và cải tiến, nâng hiệu quả công tác quản trị các nghiệp vụ ATSKMT;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe người lao động, khám sức khỏe định kỳ và sức khỏe nghề nghiệp, sơ cứu y tế...;
- Tổ chức triển khai công tác đảm bảo an ninh cho các công trình trên đất liền và trên biển của Nhà máy, không để xảy ra các sự cố an ninh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Nhà máy;
- Đảm bảo tính sẵn sàng và tin cậy thiết bị an toàn, an ninh, PCCC & CNCH và hiệu quả trong ứng phó tình huống khẩn cấp bao gồm PCCC, phòng chống thiên tai, tràn dầu, tràn đổ hóa chất...;
- Đảm bảo các hoạt động của BSR tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam về ATSKMT.
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu là chủ đạo. Sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.
- Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư với các đối tác có uy tín và tiềm lực nhằm khai thác các lợi thế, cơ hội và chia sẻ rủi ro.
- Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và làm tốt công tác an sinh xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương.



Xây dựng các nguyên tắc phát triển với phương châm “An toàn – Hiệu quả – Bền vững”



GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 102: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG		
1. Hồ sơ Tổ chức		
GRI 102-1	Tên Tổ chức	8
GRI 102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	20; 26-27
GRI 102-3	Địa điểm của trụ sở chính	21
GRI 102-4	Các địa điểm hoạt động	21
GRI 102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	8
GRI 102-6	Các thị trường phục vụ	21
GRI 102-7	Quy mô của tổ chức	8
GRI 102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	64-65
GRI 102-9	Chuỗi cung ứng	22-23; 26-27
GRI 102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức	64-65
GRI 102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	x
GRI 102-12	Các sáng kiến bên ngoài	x
GRI 102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	Không tham gia
2. Chiến lược		
GRI 102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	18-19
GRI 102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	44-49
3. Đạo đức và tính chính trực		
GRI 102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	10
GRI 102-17	Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức	x
4. Quản trị		
GRI 102-18	Cơ cấu quản trị	28-29
GRI 102-19	Phân cấp thẩm quyền	28-29
GRI 102-20	Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	100-102
GRI 102-21	Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	132-133
GRI 102-22	Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban	30-39
GRI 102-23	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	30
GRI 102-24	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	34-37
GRI 102-25	Xung đột lợi ích	x
GRI 102-26	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	100-102
GRI 102-27	Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	x
GRI 102-28	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	78-83
GRI 102-29	Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội	134
GRI 102-30	Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro	x

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 102-31	Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	134
GRI 102-32	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững	100-102
GRI 102-33	Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách	x
GRI 102-34	Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách	x
GRI 102-35	Chính sách về thù lao	126
GRI 102-36	Quy trình xác định mức thù lao	x
GRI 102-37	Sự tham gia của bên liên quan vào thù lao	x
GRI 102-38	Tổng tỷ lệ thù lao hàng năm	126
GRI 102-39	Tỷ lệ phần trăm gia tăng trong tổng tỷ lệ thù lao hàng	x
5. Sự tham gia của bên liên quan		
GRI 102-40	Danh sách các nhóm bên liên quan	132-133
GRI 102-41	Các thỏa ước thương lượng tập thể	100%
GRI 102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	132-133
GRI 102-43	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của bên liên quan	132-133
GRI 102-44	Các mối quan ngại và chủ đề chính	134
6. Thông lệ báo cáo		
GRI 102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	176
GRI 102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	130
GRI 102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	134
GRI 102-48	Trình bày lại thông tin	134
GRI 102-49	Các thay đổi trong báo cáo	Không có
GRI 102-50	Kỳ báo cáo	01.01.2021 - 31.12.2021
GRI 102-51	Ngày của báo cáo gần nhất	31.12.2020
GRI 102-52	Chu kỳ báo cáo	1 năm
GRI 102-53	Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo	8
GRI 102-54	Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI	135
GRI 102-55	Mục lục GRI	
GRI 102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	x
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		
GRI 201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	12-13
GRI 201-2	Ảnh hưởng về kết quả hoạt động tài chính và các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	x
GRI 201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	152-153
GRI 201-4	Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ	x
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP		
GRI 203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	x
GRI 203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 205: CHỐNG THAM NHƯNG		
GRI 205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	x
GRI 205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình phòng chống tham nhũng	x
GRI 205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý	x
GRI 301: VẬT LIỆU		
GRI 301-1	Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	140-141
GRI 301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	142
GRI 301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	142
GRI 302: NĂNG LƯỢNG		
GRI 302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	142-143
GRI 302-2	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	142-143
GRI 302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	142-143
GRI 302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	142-143
GRI 302-5	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	142-143
GRI 303: NƯỚC		
GRI 303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn	144
GRI 303-2	Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào	144
GRI 303-3	Tuần hoàn và tái sử dụng nước	144
GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC		
GRI 304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	Không có
GRI 304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	150
GRI 304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	Không có
GRI 304-4	Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	Không có
GRI 305: PHÁT THẢI		
GRI 305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	149
GRI 305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	x
GRI 305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	x
GRI 305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	x
GRI 305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	x
GRI 305-6	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	Không có
GRI 305-7	Phát thải khí NOX, SOX, và các phát thải khí đáng kể khác	148

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI		
GRI 306-1	Tổng nước thải theo chất lượng và địa điểm thải	145, 148
GRI 306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	148
GRI 306-3	Sự cố tràn đáng kể	Không có
GRI 306-4	Vận chuyển chất thải nguy hại	145
GRI 306-5	Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi tổng lượng nước thải và/hoặc dòng nước thải	Không có
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG		
GRI 307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	x
GRI 401: VIỆC LÀM		
GRI 401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	154
GRI 401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	x
GRI 401-3	Nghỉ thai sản	x
GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
GRI 403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	154-155
GRI 403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tư vong liên quan đến công việc	157
GRI 403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	157
GRI 403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	x
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
GRI 404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	156, 158
GRI 404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	158
GRI 404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	x
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
GRI 413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	160
GRI 413-2	Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và thực tế đáng kể với cộng đồng địa phương	x
GRI 415: CHÍNH SÁCH CÔNG		
GRI 415-1	Đóng góp chính trị	x
GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG		
GRI 416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	x
GRI 416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ	x



07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của ban Tổng Giám đốc 166

Báo cáo kiểm toán độc lập 168

Bảng cân đối kế toán hợp nhất 170

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 172

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 174

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 175



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số:0719/VN1A-HN-BC

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tt)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2021, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 và trình bày ảnh hưởng của việc thay đổi tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số ngân hàng đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (công ty con của Công ty) lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử vụ kiện này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 3 năm 2022
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.544.299.212.274	29.997.221.937.511
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.345.674.140.133	12.792.513.572.897
1.	Tiền	111		387.671.763.174	292.781.195.938
2.	Các khoản tương đương tiền	112		15.958.002.376.959	12.499.732.376.959
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.189.568.840.000	958.166.010.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.189.568.840.000	958.166.010.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.600.571.686.422	7.814.097.149.495
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.251.103.741.666	7.634.855.260.194
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	250.147.088.085	116.448.291.921
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	96.987.604.392	59.259.160.457
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(364.458.330)	(869.272.576)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.697.710.609	4.403.709.499
IV.	Hàng tồn kho	140	9	10.358.095.365.157	8.386.688.832.594
1.	Hàng tồn kho	141		10.376.585.353.744	8.408.722.284.068
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.489.988.587)	(22.033.451.474)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		50.389.180.562	45.756.372.525
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	44.655.143.922	39.320.620.505
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	134.026.968
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	5.734.036.640	6.301.725.052
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.251.363.516.375	25.897.712.133.562
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		533.509.547.749	533.509.547.749
1.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	533.509.547.749	533.509.547.749
II.	Tài sản cố định	220		20.136.092.225.647	22.375.534.551.416
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	19.918.067.649.633	22.092.837.391.026
	Nguyên giá	222		47.445.942.979.103	47.379.785.624.357
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.527.875.329.470)	(25.286.948.233.331)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	12	218.024.576.014	282.697.160.390
	Nguyên giá	228		816.204.682.122	810.943.646.722
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(598.180.106.108)	(528.246.486.332)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	240		1.205.504.779.827	1.101.844.765.433
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.205.504.779.827	1.101.844.765.433
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	9.979.607.564	9.976.262.103
1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.244.000.000	11.244.000.000
2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.264.392.436)	(1.267.737.897)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		366.277.355.588	1.876.847.006.861
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	320.644.836.279	1.876.839.449.622
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	45.632.519.309	7.557.239
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN				
	(270=100+200)	270		66.795.662.728.649	55.894.934.071.073

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		29.231.857.736.538	24.830.395.140.151
I.	Nợ ngắn hạn	310		26.940.444.771.659	20.407.344.880.956
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	9.449.887.796.720	7.004.930.722.285
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.787.715.664	4.317.931.433
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.658.613.589.637	951.336.653.244
4.	Phải trả người lao động	314		110.642.840.544	110.891.005.463
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	355.734.223.006	310.579.875.350
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		709.909.090	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.336.017.063.009	1.905.378.573.837
8.	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	18	9.829.181.352.736	9.969.279.273.905
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		196.870.281.253	150.630.845.439
II.	Nợ dài hạn	330		2.291.412.964.879	4.423.050.259.195
1.	Phải trả dài hạn khác	337		-	2.771.193.987
2.	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	19	942.639.040.000	3.022.122.002.938
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		10.288.601.446	10.288.601.446
4.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	1.338.485.323.433	1.387.868.460.824
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.563.804.992.111	31.064.538.930.922
I.	Vốn chủ sở hữu	410	21	37.563.804.992.111	31.064.538.930.922
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.440.434.975	2.440.434.975
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		106.709.914	106.709.914
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.562.173.821.168	27.902.497.446
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.807.327.236	2.847.992.932.612
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/(Lỗ) năm trước	421b		6.537.366.493.932	(2.820.090.435.166)
5.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(5.912.133.946)	29.093.128.587
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
	(440=300+400)	440		66.795.662.728.649	55.894.934.071.073

Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng

Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	101.114.077.419.627	57.959.112.673.412
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	34.042.161.497	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	101.080.035.258.130	57.959.112.673.412
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	93.381.313.715.080	60.183.939.693.526
5.	Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.698.721.543.050	(2.224.827.020.114)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.014.896.787.839	666.178.306.758
7.	Chi phí tài chính	22	28	619.255.475.339	497.659.186.225
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		406.811.371.357	325.082.824.759
8.	Chi phí bán hàng	25	29	781.029.744.856	551.873.123.765
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	406.693.387.067	269.294.376.639
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)	30		6.906.639.723.627	(2.877.475.399.985)
11.	Thu nhập khác	31	30	35.032.613.512	25.771.539.027
12.	Chi phí khác	32	31	995.701.929	723.577.572
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		34.036.911.583	25.047.961.455
14.	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.940.676.635.210	(2.852.427.438.530)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	302.761.744.904	2.001.392.078
16.	(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(45.624.962.070)	3.698.671.766
17.	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.683.539.852.376	(2.858.127.502.374)
	Trong đó:				
17.1.	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		6.715.504.313.658	(2.818.841.515.440)
17.2.	(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(31.964.461.282)	(39.285.986.934)
18.	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.108	(910)

Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng

Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	6.940.676.635.210	(2.852.427.438.530)
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
	Khấu hao tài sản cố định	02	2.310.502.981.382	2.551.990.474.895
	Các khoản dự phòng	03	(4.051.622.590)	2.027.373.113
	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(296.852.267.012)	(74.294.238.558)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(555.109.927.954)	(377.659.372.254)
	Chi phí lãi vay	06	406.811.371.357	325.082.824.759
3.	Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.801.977.170.393	(425.280.376.575)
	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.751.924.056.616)	2.182.793.763.635
	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.967.863.069.676)	126.549.216.158
	Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.053.342.831.733	586.439.950.525
	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	1.550.860.089.926	(1.600.479.393.659)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(345.929.609.748)	(272.987.474.693)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(193.399.003.064)	(58.485.451.850)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.693.490.362	13.322.671.530
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(182.222.246.927)	(126.954.133.189)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.971.535.596.383	424.918.771.882
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(63.261.327.169)	(173.266.450.408)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.725.454.545
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.696.402.830.000)	(954.166.010.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.465.000.000.000	-
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	516.077.719.553	371.043.780.254
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.778.586.437.616)	(752.663.225.609)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	87.252.249.563.794	40.530.338.344.135
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(89.390.038.815.045)	(35.758.382.570.230)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(501.724.739.441)	(1.895.194.484)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.639.513.990.692)	4.770.060.579.421
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.553.435.168.075	4.442.316.125.694
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.792.513.572.897	8.352.397.877.468
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(274.600.839)	(2.200.430.265)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	16.345.674.140.133	12.792.513.572.897

Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (là công ty con do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3404000189 ngày 05 tháng 6 năm 2008).

Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 01 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán BSR. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.920 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: là 1.990).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí;
- Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ phân tích, dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hoá chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- Dịch vụ hải cảng, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất có địa chỉ tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận và Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với chức năng chính là đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 8,5 triệu tấn/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 02 công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Quảng Ngãi	83,26%	83,26%	Sản xuất bao bì Quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	65,54%	61,00%	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF” – công ty con của Công ty đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất (“Nhà máy”) trong năm 2014 và hiện nay, đang tạm dừng hoạt động sản xuất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng. Giá trị quyết toán Nhà máy sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn của BSR-BF vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.330,7 tỷ VND, lỗ lũy kế của BSR-BF là 1.243,3 tỷ VND và nợ quá hạn thanh toán là 926 tỷ VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của BSR-BF phụ thuộc vào việc tái hoạt động sản xuất của Nhà máy, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các kế hoạch hoạt động và tài chính của BSR-BF và cho rằng cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của BSR-BF theo nguyên tắc hoạt động liên tục là phù hợp.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm:

Trong năm 2021, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí có lãi còn của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung bị lỗ.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm xăng, dầu hàng tháng được xác định như sau: Chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm được xác định theo mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế đối với từng sản phẩm; chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm.

Giá trị các sản phẩm dở dang tại thời điểm cuối tháng được xác định theo mức độ hoàn thành của các sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của các sản phẩm lọc hóa dầu và dầu thô tồn kho được Công ty xác định như sau:

- Thành phẩm lọc hóa dầu: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán ước tính trừ đi các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Sản phẩm lọc hóa dầu dở dang: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở quy đổi về thành phẩm tương đương và giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Dầu thô: Theo hướng dẫn tại Công văn số 2801/BTC-CĐKT ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, dầu thô tồn kho của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng có giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và giá bán sản phẩm được sản xuất từ dầu thô bị giảm giá thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với dầu thô trên cơ sở giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu thô (giá bán ước tính của dầu thô).

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phản ánh chi phí bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4), chi phí hóa chất xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhân thọ được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Chi phí TA4 là các chi phí phát sinh để thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 4 cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất, được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng kể từ ngày hoàn thành TA4 (ngày 01 tháng 10 năm 2020).

Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian phân bổ chi phí TA4 từ 36 tháng thành 15 tháng. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian phân bổ chi phí TA4 sẽ phản ánh phù hợp hơn với hoạt động sửa chữa và vận hành của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian phân bổ nêu trên được trình bày tại Thuyết minh số 10.

Chi phí hóa chất xuất dùng là chi phí các lô hóa chất xuất dùng cho phân xưởng reforming xúc tác liên tục (CCR) được phân bổ tương ứng với thời gian sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
<i>Trong đó: Máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu</i>	10 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 25
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) (sau đây gọi tắt là "Quyết định 952"), Công ty được trích khấu hao tài sản cố định đối với thiết bị chính của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trong thời gian tối đa là 20 năm.

Theo Công văn số 18327/BTC-CĐKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (đơn vị cổ phần hóa) phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017. Công ty kế thừa và tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho cố định nêu trên.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
Bản quyền, bằng sáng chế	15
Phần mềm máy tính	3
Tài sản cố định vô hình khác	6

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có các khoản ưu đãi thuế như sau:

- Theo Quyết định 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012, Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Năm 2021 là năm thứ 8 (tám) Công ty mẹ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm tính từ ngày dự án Nhà máy sản xuất Bio-Ethanol nhiên liệu bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2021 là năm thứ 7 (bảy) BSR-BF được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding) được thừa kế và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án cho thời gian còn lại của dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2021 là năm thứ 7 (bảy) PVBuilding được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, BSR-BF có khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để khấu trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Thời gian chuyển lỗ được tính liên tục không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. BSR-BF không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về việc thu được lợi nhuận trong tương lai.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/UĐĐT ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

Theo Công văn số 520/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (khu Kinh tế Dung Quất) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả khoản chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng lớn hơn lãi tiền vay, thu nhập từ cung cấp dịch vụ tại cảng biển, và các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Tiền mặt	878.616.684	419.766.087
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	386.793.146.490	292.361.429.851
Các khoản tương đương tiền (*)	15.958.002.376.959	12.499.732.376.959
	16.345.674.140.133	12.792.513.572.897

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.734.732.376.959 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.734.732.376.959 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm 2.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.000.000.000 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng
	VND	%	VND	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	7.000.000.000	8,75%	-	7.000.000.000	8,75%	-
Công ty TNHH Kho ngấm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.244.000.000	5,03%	(1.264.392.436)	4.244.000.000	5,03%	(1.267.737.897)
	11.244.000.000		(1.264.392.436)	11.244.000.000		(1.267.737.897)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	4.679.071.272.882	3.027.499.767.058
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ	511.218.952.552	184.122.452.223
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Trường An	492.374.110.775	-
Công ty TNHH Hải Linh	357.703.172.103	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	328.620.382.753	200.145.227.412
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	322.768.314.775	206.051.888.305
Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà	317.153.341.749	117.187.150.804
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	273.433.576.950	193.541.173.036
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội	272.878.276.281	190.617.852.934
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	252.051.514.734	479.863.730.540
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	247.772.706.226	56.220.568.131
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	185.784.457.521	55.073.489.805
Các khách hàng khác	1.575.005.636.037	1.320.332.298.573
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	3.435.268.026.328	1.604.199.661.373
	13.251.103.741.666	7.634.855.260.194



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	250.147.088.085	116.448.291.921
Glencore Singapore Pte Ltd.	150.954.435.153	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	47.272.509.876	47.272.509.876
Conifer Singapore Pte Ltd.	8.834.084.000	-
Công ty TNHH Thiết bị khoa học kỹ thuật và Hóa chất An Bình	5.155.195.451	-
W.R.GRACE & CO.-CONN	4.585.850.980	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thành Thiên	3.960.855.800	4.354.093.600
Các đối tượng khác	29.384.156.825	64.821.688.445
b. Trả trước cho người bán dài hạn	533.509.547.749	533.509.547.749
Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*)	533.509.547.749	533.509.547.749
	783.656.635.834	649.957.839.670
Trong đó:		
Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	51.562.340.665	51.281.740.186

(*) Phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất từ năm 2015 để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	85.194.674.618	46.165.916.217
Phải thu về cổ phần hóa	5.701.672.688	5.701.672.688
Tạm ứng cho nhân viên	275.290.000	616.290.000
Phải thu khác	5.815.967.086	6.775.281.552
	96.987.604.392	59.259.160.457
Trong đó:		
Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	2.038.824.735	1.842.065.713

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. HÀNG TỒN KHO

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.549.796.695.537	-	3.182.161.766.448	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.784.964.675.901	(3.459.824.541)	2.060.490.326.909	(5.913.911.465)
Công cụ, dụng cụ	1.613.425.027.290	(15.030.164.046)	1.602.126.701.654	(16.119.540.009)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	786.249.931.869	-	926.031.961.338	-
Thành phẩm	2.642.149.023.147	-	637.887.278.712	-
Hàng hoá	-	-	24.249.007	-
	10.376.585.353.744	(18.489.988.587)	8.408.722.284.068	(22.033.451.474)

Trong năm 2021, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.390.134.243 VND (năm 2020: 1.999.676.493 VND) và xử lý dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.933.597.130 VND (năm 2020: 0 VND) đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển, kém phẩm chất.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
a. Ngắn hạn	44.655.143.922	39.320.620.505
Bảo hiểm con người, rủi ro tài sản	31.976.429.662	35.709.925.567
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.678.714.260	3.610.694.938
b. Dài hạn	320.644.836.279	1.876.839.449.622
Chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4	-	1.421.830.899.288
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	168.078.633.232	212.807.504.174
Chi phí hóa chất xuất dùng	113.554.787.369	137.887.956.089
Chi phí sửa chữa tài sản	12.504.054.703	66.748.146.326
Chi phí trả trước dài hạn khác	26.507.360.975	37.564.943.745
	365.299.980.201	1.916.160.070.127

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4) từ 36 tháng thành 15 tháng. So với thời gian phân bổ được Công ty áp dụng năm 2020, chi phí TA4 phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 cao hơn khoảng 913 tỷ VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	6.942.429.690.949	39.281.752.716.186	186.894.614.776	562.063.474.033	406.645.128.413	47.379.785.624.357
Mua trong năm	187.765.520	41.614.342.017	14.507.211.361	5.945.057.715	-	62.254.376.613
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.154.603.046	-	-	-	-	5.154.603.046
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(408.800.000)	(842.824.913)	-	(1.251.624.913)
Số dư cuối năm	6.947.772.059.515	39.323.367.058.203	200.993.026.137	567.165.706.835	406.645.128.413	47.445.942.979.103
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	3.091.312.369.229	21.542.698.637.954	124.031.044.156	415.904.390.186	113.001.791.806	25.286.948.233.331
Khấu hao trong năm	223.492.030.238	1.912.350.615.484	12.409.099.465	76.974.404.683	16.260.885.096	2.241.487.034.966
Tăng khác	17.294.000	460.036.680	-	214.355.406	-	691.686.086
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(408.800.000)	(842.824.913)	-	(1.251.624.913)
Số dư cuối năm	3.314.821.693.467	23.455.509.290.118	136.031.343.621	492.250.325.362	129.262.676.902	27.527.875.329.470
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	3.851.117.321.720	17.739.054.078.232	62.863.570.620	146.159.083.847	293.643.336.607	22.092.837.391.026
Tại ngày cuối năm	3.632.950.366.048	15.867.857.768.085	64.961.682.516	74.915.381.473	277.382.451.511	19.918.067.649.633

Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 1.217,7 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 1.290,9 tỷ VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 4.006 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 3.758 tỷ VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	438.606.719.617	339.633.754.600	32.703.172.505	810.943.646.722
Mua trong năm	-	5.261.035.400	-	5.261.035.400
Số dư cuối năm	438.606.719.617	344.894.790.000	32.703.172.505	816.204.682.122
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	292.965.821.335	207.123.033.781	28.157.631.216	528.246.486.332
Khấu hao trong năm	15.475.294.980	53.061.087.816	479.563.620	69.015.946.416
Tăng khác	-	917.673.360	-	917.673.360
Số dư cuối năm	308.441.116.315	261.101.794.957	28.637.194.836	598.180.106.108
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	145.640.898.282	132.510.720.819	4.545.541.289	282.697.160.390
Tại ngày cuối năm	130.165.603.302	83.792.995.043	4.065.977.669	218.024.576.014

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 227 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 185,9 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế xuất, nhập khẩu	665.094.257	13.892.998.858	13.426.952.749	199.048.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.311.858.016	158.261.805	-	3.153.596.211
Thuế thu nhập cá nhân	229.677.964	179.790.685	190.669.751	240.557.030
Thuế nhà thầu	2.095.094.815	24.025.810.460	24.043.441.949	2.112.726.304
- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu	2.095.094.815	24.025.810.460	24.025.810.460	2.095.094.815
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	-	-	17.631.489	17.631.489
Tiền thuê đất	-	-	28.108.947	28.108.947
	6.301.725.052	38.256.861.808	37.689.173.396	5.734.036.640
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	497.438.798.068	5.943.229.994.533	5.663.990.231.012	776.678.561.589
- Thuế GTGT đầu ra	497.438.798.068	4.086.320.882.907	3.807.081.119.399	776.678.561.576
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.856.909.111.626	1.856.909.111.613	13
Thuế tiêu thụ đặc biệt	434.881.420.237	4.869.434.288.508	4.573.359.643.748	730.956.064.997
Thuế thu nhập doanh nghiệp	498.174.090	332.001.308.640	193.399.003.064	139.100.479.666
Thuế thu nhập cá nhân	2.485.706.543	44.433.108.049	43.744.411.418	3.174.403.174
Các loại thuế khác	16.032.554.306	151.980.506.679	159.308.980.774	8.704.080.211
	951.336.653.244	11.341.079.206.409	10.633.802.270.016	1.658.613.589.637

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.105.242.099.815	1.072.374.125.592
Dự án triển khai hệ thống ERP - Giai đoạn I	67.612.050.007	-
Các công trình khác	32.650.630.005	29.470.639.841
	1.205.504.779.827	1.101.844.765.433



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	1.518.204.462.877	1.518.204.462.877	1.090.409.294.550	1.090.409.294.550
Vitol Asia Pte. Ltd.	1.321.967.983.680	1.321.967.983.680	317.805.955.066	317.805.955.066
Công ty Điều hành chung Hoàng Long	979.173.722.187	979.173.722.187	227.776.301.765	227.776.301.765
Công ty Dầu khí Việt Nhật	721.253.890.334	721.253.890.334	23.755.332.894	23.755.332.894
Công ty Điều hành chung Thăng Long	153.306.529.836	153.306.529.836	142.515.541.416	142.515.541.416
Shell International Eastern Trading Company	44.035.706	44.035.706	822.056.487.659	822.056.487.659
Socar Trading Singapore Pte. Ltd.	18.678.000	18.678.000	1.254.592.557.174	1.254.592.557.174
Các đối tượng khác	331.512.964.511	331.512.964.511	531.438.963.902	531.438.963.902
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
(chi tiết tại Thuyết minh số 35)	4.424.405.529.589	4.424.405.529.589	2.594.580.287.859	2.594.580.287.859
	9.449.887.796.720	9.449.887.796.720	7.004.930.722.285	7.004.930.722.285

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Lãi vay phải trả	324.695.273.575	267.781.358.510
Phải trả chi phí, vật tư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định	2.512.332.411	15.893.114.951
Phải trả chi phí vận chuyển	18.434.187.386	18.009.114.580
Chi phí, vật tư phải trả khác	10.092.429.634	8.896.287.309
	355.734.223.006	310.579.875.350

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	4.306.813.101.195	957.457.298.927
Phải trả về nhận thanh toán L/C trước hạn (ii)	582.134.585.221	-
Lợi nhuận còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	417.747.535.419	917.747.535.419
Phải trả tiền bán cổ phần (iii)	9.211.577.795	9.211.577.795
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.567.779.785	4.696.119.070
Phải trả ngắn hạn khác	10.542.483.594	16.266.042.626
	5.336.017.063.009	1.905.378.573.837
Trong đó:		
Phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	418.866.532.061	918.866.532.061

(i) Phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi liên quan đến lô dầu nhập khẩu trong năm từ Glencore Singapore Pte. Ltd., Vitol Asia Pte. Ltd. và Trafigura Pte. Ltd. và đã được ngân hàng thanh toán theo thư tín dụng trả chậm (UPAS L/C). Thời hạn phải trả là từ 90 đến 360 ngày, mức phí UPAS L/C là từ 1,29%/năm đến 3,9%/năm. Toàn bộ phải trả liên quan đến số tiền đã thanh toán sẽ được trả một lần vào ngày đến hạn.

(ii) Phản ánh khoản tiền Công ty nhận trước từ Ngân hàng phát hành thư tín dụng đối với hoạt động bán hàng trong nước. Khoản phải trả này sẽ được đối trừ với khoản phải thu khách hàng khi đến hạn.

(iii) Phải trả tiền bán cổ phần phản ánh số tiền Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và chưa nộp về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp bao gồm cả tiền lãi. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	SỐ ĐẦU NĂM		TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	7.111.809.513.905	7.111.809.513.905	87.252.249.563.794	87.485.452.036.885	6.878.607.040.814	6.878.607.040.814
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	4.154.449.159.315	4.154.449.159.315	47.354.214.251.321	47.318.663.410.636	4.190.000.000.000	4.190.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	850.000.000.000	850.000.000.000	3.595.000.000.000	3.535.000.000.000	910.000.000.000	910.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	-	8.597.075.288.740	7.797.601.900.379	799.473.388.361	799.473.388.361
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	1.599.133.652.453	1.100.000.000.000	499.133.652.453	499.133.652.453
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	370.000.000.000	370.000.000.000	2.513.000.000.000	2.403.000.000.000	480.000.000.000	480.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	17.062.340.901.196	17.062.340.901.196	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	1.737.360.354.590	1.737.360.354.590	3.967.000.000.000	5.704.360.354.590	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Hội sở chính	-	-	2.564.485.470.084	2.564.485.470.084	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)	2.857.469.760.000	1.919.644.760.000	1.997.691.330.082	1.904.586.778.160	2.950.574.311.922	1.886.727.040.000
Chi tiết số dư vay dài hạn đến hạn trả tại:						
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.919.644.760.000	1.919.644.760.000	1.997.691.330.082	1.904.586.778.160	1.886.727.040.000	1.886.727.040.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	937.825.000.000	(*)	126.022.271.922	-	1.063.847.271.922	(*)
	9.969.279.273.905	9.031.454.273.905	89.249.940.893.876	89.390.038.815.045	9.829.181.352.736	8.765.334.080.814

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư gốc vay đã quá hạn, chưa được thanh toán là 60.195.000.000 VND và 38.280.000 USD, tổng cộng tương đương khoảng 926 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 46.140.000.000 VND và 28.740.000 USD, tổng cộng tương đương khoảng 704 tỷ VND). Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan trong vụ kiện liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán (Thuyết minh số 37).

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất cố định quy định theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	SỐ ĐẦU NĂM			TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Vay dài hạn	5.879.591.762.938	4.798.374.780.000	-	1.986.378.411.016	3.893.213.351.922	2.829.366.080.000	
Chi tiết số dư vay dài hạn tại:							
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.798.374.780.000	4.798.374.780.000	-	1.969.008.700.000	2.829.366.080.000	2.829.366.080.000	
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	1.081.216.982.938	(*)	-	17.369.711.016	1.063.847.271.922	(*)	
	5.879.591.762.938	4.798.374.780.000	-	1.986.378.411.016	3.893.213.351.922	2.829.366.080.000	
Trong đó:							
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	2.857.469.760.000				2.950.574.311.922		
- Số phải trả sau 12 tháng	3.022.122.002.938				942.639.040.000		

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư gốc vay đã quá hạn, chưa được thanh toán là 60.195.000.000 VND và 38.280.000 USD, tổng cộng tương đương khoảng 926 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 46.140.000.000 VND và 28.740.000 USD, tổng cộng tương đương khoảng 704 tỷ VND). Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán (Thuyết minh số 37).

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	Giá trị	Nợ dài hạn đến hạn trả	Nợ phải trả sau 12 tháng	Giá trị	Nợ dài hạn đến hạn trả	Nợ phải trả sau 12 tháng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	2.829.366.080.000	1.886.727.040.000	942.639.040.000	4.798.374.780.000	1.919.644.760.000	2.878.730.020.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	511.356.947.757	511.356.947.757	-	520.094.147.028	451.803.750.779	68.290.396.249
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi	340.217.497.505	340.217.497.505	-	345.443.024.877	299.373.022.417	46.070.002.460
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	212.272.826.660	212.272.826.660	-	215.679.811.033	186.648.226.804	29.031.584.229
	3.893.213.351.922	2.950.574.311.922	942.639.040.000	5.879.591.762.938	2.857.469.760.000	3.022.122.002.938



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	31.004.996.160.000	2.440.434.975	106.709.914	2.975.058.051.015	70.995.647.807	34.053.597.003.711
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(2.818.841.515.440)	(39.285.986.934)	(2.858.127.502.374)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019	-	-	-	(127.803.050.573)	(619.086.461)	(128.422.137.034)
Chia cổ tức	-	-	-	(510.987.556)	(1.997.445.825)	(2.508.433.381)
Số dư đầu năm nay	31.004.996.160.000	2.440.434.975	106.709.914	27.902.497.446	29.093.128.587	31.064.538.930.922
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	6.715.504.313.658	(31.964.461.282)	6.683.539.852.376
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 (*)	-	-	-	(1.731.130.013)	(348.022.847)	(2.079.152.860)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 (*)	-	-	-	(178.137.819.727)	(251.080.273)	(178.388.900.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(1.724.739.441)	(1.724.739.441)
Giảm khác	-	-	-	(1.364.040.196)	(716.958.690)	(2.080.998.886)
Số dư cuối năm nay	31.004.996.160.000	2.440.434.975	106.709.914	6.562.173.821.168	(5.912.133.946)	37.563.804.992.111

(*) Trích các quỹ trong năm bao gồm:

- Theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị, Công ty mẹ tạm trích 176.888.900.000 VND vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021.
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí Việt Nam (PVBuilding) trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành, chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 và tạm trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông PVBuilding.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hoá dầu	Nhiên liệu sinh học	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	101.037.235.267.376	9.552.832.621	859.542.792.679	(826.295.634.546)	101.080.035.258.130
Chi phí sản xuất kinh doanh	94.470.894.898.394	82.678.488.752	846.155.449.137	(830.691.989.280)	94.569.036.847.003
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	93.286.838.332.997	80.815.868.440	823.831.025.183	(810.171.511.540)	93.381.313.715.080
- Chi phí bán hàng	776.386.500.970	-	4.643.243.886	-	781.029.744.856
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	407.670.064.427	1.862.620.312	17.681.180.068	(20.520.477.740)	406.693.387.067
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.566.340.368.982	(73.125.656.131)	13.387.343.542	4.396.354.734	6.510.998.411.127
Doanh thu hoạt động tài chính					1.014.896.787.839
Chi phí tài chính					619.255.475.339
Lợi nhuận khác					34.036.911.583
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					6.940.676.635.210
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					302.761.744.904
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(45.624.962.070)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					6.683.539.852.376

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hoá dầu	Nhiên liệu sinh học	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	57.895.323.757.871	6.928.553.398	353.869.055.711	(297.008.693.568)	57.959.112.673.412
Chi phí sản xuất kinh doanh	60.878.574.859.724	84.217.970.877	341.629.632.251	(299.315.268.922)	61.005.107.193.930
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	60.063.500.340.583	82.136.617.110	320.800.268.788	(282.497.532.955)	60.183.939.693.526
- Chi phí bán hàng	548.015.340.700	3.444.500	3.854.338.565	-	551.873.123.765
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	267.059.178.441	2.077.909.267	16.975.024.898	(16.817.735.967)	269.294.376.639
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.983.251.101.853)	(77.289.417.479)	12.239.423.460	2.306.575.354	(3.045.994.520.518)
Doanh thu hoạt động tài chính					666.178.306.758
Chi phí tài chính					497.659.186.225
Lợi nhuận khác					25.047.961.455
(Lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp					(2.852.427.438.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.001.392.078
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.698.671.766
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(2.858.127.502.374)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Doanh thu Diesel DO	34.105.574.135.202	20.974.515.674.982
Doanh thu Xăng Mogas 95	33.412.814.337.891	16.853.642.486.590
Doanh thu Xăng Mogas 92	14.847.352.384.418	7.912.219.714.341
Doanh thu LPG	7.942.513.069.668	4.561.695.283.802
Doanh thu Polypropylene	5.251.827.700.173	3.381.652.704.008
Doanh thu Kerosen/Jet A1	3.000.551.623.922	2.083.373.690.850
Doanh thu Dầu nhiên liệu FO	1.768.424.925.550	1.037.851.412.074
Doanh thu Xăng sinh học E5	542.720.203.618	417.714.578.066
Doanh thu dịch vụ cảng biển	123.291.305.277	113.495.864.228
Doanh thu Propylene	53.960.621.835	-
Doanh thu T- LCO	-	474.583.133.298
Doanh thu E100	-	2.616.805.927
Doanh thu bán Pallet	-	20.618.540.600
Doanh thu khác	65.047.112.073	125.132.784.646
	101.114.077.419.627	57.959.112.673.412
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	33.937.805.597	-
Giảm giá hàng bán	104.355.900	-
	34.042.161.497	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.080.035.258.130	57.959.112.673.412
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	21.832.441.343.928	11.634.392.272.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Giá vốn hàng bán Diesel DO	34.504.078.127.274	22.865.658.374.487
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 95	30.479.657.492.738	18.022.154.006.181
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 92	13.341.875.910.604	8.251.438.729.400
Giá vốn hàng bán LPG	5.919.117.275.564	3.367.107.698.415
Giá vốn hàng bán Polypropylene	4.239.993.696.779	2.748.730.764.034
Giá vốn hàng bán Kerosen/Jet A1	2.969.560.432.061	2.271.584.227.464
Giá vốn hàng bán Dầu nhiên liệu FO	1.206.462.431.031	865.364.249.167
Giá vốn Xăng sinh học E5	488.357.725.560	436.673.539.251
Giá vốn Propylene	66.722.991.748	-
Giá vốn dịch vụ cảng biển	47.171.427.276	37.255.119.093
Giá vốn T-LCO	-	445.052.429.055
Giá vốn bán Pallet	-	18.582.586.558
Giá vốn bán E100	-	1.799.700.000
Chi phí phát sinh trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể lần 4 (*)	-	649.459.908.622
Chi phí trong thời gian dừng sản xuất Nhà máy nhiên liệu sinh học	78.788.270.517	78.141.549.784
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.390.134.247	1.999.676.493
Giá vốn khác	38.137.799.681	122.937.135.522
	93.381.313.715.080	60.183.939.693.526

(*) Chi phí phát sinh trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể lần 4 bao gồm các chi phí chất xúc tác, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung phát sinh trong giai đoạn Nhà máy không hoạt động do thực hiện bảo dưỡng tổng thể. Các chi phí này phát sinh trong giai đoạn không tạo ra sản phẩm nên không phản ánh vào giá thành sản phẩm mà được ghi nhận trực tiếp vào giá vốn trong năm.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.489.900.890.014	58.613.507.950.919
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.576.933.244	18.649.225.580
Chi phí nhân công	827.248.117.389	686.364.323.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.309.814.495.496	2.551.990.474.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.921.421.596.318	1.310.299.041.363
Chi phí khác bằng tiền	450.137.223.349	301.125.295.545
	101.015.099.255.81	63.481.936.311.391



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	554.896.477.954	376.789.604.760
Lãi chênh lệch tỷ giá	459.790.309.885	289.388.701.998
Cổ tức được chia	210.000.000	-
	1.014.896.787.839	666.178.306.758

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Lãi tiền vay	406.811.371.357	325.082.824.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá	153.406.034.744	171.324.825.399
Chiết khấu thanh toán cho người mua	1.646.695.163	531.863.374
Chi phí tài chính khác	57.391.374.075	719.672.693
	619.255.475.339	497.659.186.225

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	406.693.387.067	269.294.376.639
Chi phí nhân viên quản lý	156.408.689.056	122.025.756.862
Chi phí vật liệu quản lý	1.448.759.556	1.897.976.025
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.161.685.021	8.332.656.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.252.101.389	29.087.509.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.568.562.437	36.745.152.973
Chi phí khác bằng tiền	173.853.589.608	71.205.324.673
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	781.029.744.856	551.873.123.765
Chi phí nhân viên bán hàng	45.423.354.002	36.473.929.039
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.736.383.372	147.736.383.372
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm bán sản phẩm	352.815.849.189	273.750.896.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.480.762.118	91.161.409.525
Chi phí khác bằng tiền	35.573.396.175	2.750.505.473
	1.187.723.131.923	821.167.500.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

30. THU NHẬP KHÁC

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	19.825.368.734	10.784.438.424
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	13.508.895.565	10.238.789.441
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	795.343.479
Thu nhập khác	1.698.349.213	3.952.967.683
	35.032.613.512	25.771.539.027

31. CHI PHÍ KHÁC

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Chi phí bồi thường, phạt hợp đồng	13.223.429	159.497.873
Chi phí khác	982.478.500	564.079.699
	995.701.929	723.577.572

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	300.480.620.848	(100.481.600)
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.281.124.056	2.101.873.678
	302.761.744.904	2.001.392.078

33. THU NHẬP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm 2021 chủ yếu được Công ty tính trên khoản chênh lệch tính thuế tạm thời liên quan đến việc thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu chi tiết như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.715.504.313.658	(2.818.841.515.440)
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	178.137.819.726	2.980.049.739
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	6.537.366.493.932	(2.821.821.565.179)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	3.100.499.616	3.100.499.616
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.108	(910)

Công ty mẹ và công ty con đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 theo mức dự kiến trích quỹ được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua đầu năm. Quỹ khen thưởng, phúc lợi này có thể thay đổi theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 có thể thay đổi tương ứng.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con phê duyệt. Theo đó, (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày lại như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Lỗ trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	(2.818.841.515.440)	(2.818.841.515.440)
- Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi từ lợi nhuận của công ty mẹ và các công ty con (VND)	-	(2.980.049.739)
Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(2.818.841.515.440)	(2.821.821.565.179)
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.100.499.616	3.100.499.616
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(909)	(910)

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Các Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu Công ty cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.832.441.343.928	11.634.392.272.792
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	15.344.977.166.415	7.905.749.124.305
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	4.826.311.086.509	2.529.373.753.271
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	805.607.074.366	741.414.776.266
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	586.957.030.465	396.741.259.117
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	192.831.444.527	88.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	73.843.337.106	60.052.462.302
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	1.100.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	814.204.540	572.897.531
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	40.384.661.698.455	30.025.655.587.242
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (*)	32.627.407.898.868	19.972.832.931.932
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Lô 05.1a	2.939.310.937.352	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.199.662.078.867	967.044.525.971
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02 - Điều hành Dầu khí)	1.107.488.496.310	625.851.447.796
PVOil Singapore Pte. Ltd.	1.074.730.035.259	6.460.568.811.801
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	351.832.424.765	273.750.906.355
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	239.274.731.084	234.684.989.586
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	219.964.816.513	409.871.097.663
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	193.039.513.304	92.725.142.733
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	97.565.355.037	543.530.586.623
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	95.398.094.443	72.216.983.844
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	59.714.756.038	42.684.258.359
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	53.416.695.742	171.943.370
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí, Công ty Cổ phần	48.223.816.954	31.141.839.104
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	43.824.243.689	6.510.287.490
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	13.085.158.002	111.028.832.298
Viện Dầu khí Việt Nam	4.716.050.480	2.764.423.630
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	5.162.891.871	4.110.597.457
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.414.982.000	3.447.555.597
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	2.303.998.491	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp (tiếp theo)		
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	1.755.424.737	685.470.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	1.499.074.516	1.535.372.689
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	1.457.526.531	7.683.127.088
Trường Cao đẳng Dầu khí	1.196.190.000	5.162.681.904
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	739.476.238	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	23.639.614	1.109.514.528
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	1.270.060	369.810.090
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	45.640.172.970
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	6.901.689.107
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	1.230.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	506.260.002
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	-	364.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	-	99.749.998
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	4.568.554.741
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	489.073.091
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	(53.961.744)	21.793.445.133
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	(493.916.566)	72.579.504.292

(*) Mua hàng từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần bao gồm:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Giá trị hàng hóa và dịch vụ	87.277.751.244	79.772.266.692
Giá trị dầu thô mua ủy thác	32.522.898.529.189	19.884.911.010.351
Các khoản ủy thác khác	17.231.618.435	8.149.654.889
	32.627.407.898.868	19.972.832.931.932

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Nộp lợi nhuận		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	500.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Văn Hội	1.602.616.000	1.387.374.000
Ông Bùi Ngọc Dương	1.440.857.000	-
Ông Hà Đổng	1.413.516.000	1.249.534.000
Ông Nguyễn Bá Phước	1.417.516.000	1.250.044.000
Ông Nguyễn Hải Âu	1.416.045.500	1.208.493.000
Ông Khương Lê Thành	1.464.695.600	1.252.050.800
Ông Bùi Minh Tiến	1.341.186.000	1.403.703.000
Ông Lê Xuân Huyền	-	133.800.000
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Bùi Ngọc Dương	(*)	991.080.000
Ông Nguyễn Ngọc Anh	1.386.016.000	1.224.074.000
Ông Nghiêm Đức Dương	1.390.016.000	1.260.220.000
Ông Trần Đoàn Thịnh	1.394.531.900	1.204.959.400
Ông Nguyễn Việt Thắng	1.388.016.000	714.383.500
Ông Bùi Minh Tiến	(*)	(*)
Ông Nguyễn Văn Hội	(*)	(*)
Ông Khương Lê Thành	(*)	(*)
Ông Nguyễn Duyên Cường	-	505.384.000
Ông Đinh Thái Hà	-	1.099.899.000

(*) Trình bày tại phần thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị bên trên do có sự thay đổi/kiêm nhiệm về chức vụ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Ban Kiểm soát		
Ông Phạm Ngọc Quý	1.394.776.000	1.231.249.000
Ông Hoàng Ngọc Xuân	1.194.766.000	1.045.745.000
Ông Vũ Lê Huy	220.100.000	199.505.000
Kế toán trưởng		
Ông Bạch Đức Long	1.352.962.300	1.192.420.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.435.268.026.328	1.604.199.661.373
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.365.350.973.092	944.265.324.925
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	847.909.271.143	441.446.739.201
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	108.859.178.568	119.791.818.650
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	74.339.291.661	84.793.598.864
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	20.886.186.075	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	17.843.125.789	13.852.179.733
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu Khí Quảng Ngãi PTSC	80.000.000	50.000.000
Trả trước nhà cung cấp	51.562.340.665	51.281.740.186
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	48.757.509.876	47.272.509.876
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	1.940.995.794	-
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	694.999.833	694.999.833
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	89.100.000	89.100.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	79.735.162	79.735.162
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	-	3.145.395.315
Phải thu khác	2.038.824.735	1.842.065.713
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.118.996.642	1.118.996.642
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	854.383.561	508.630.138
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	44.444.533	44.444.533
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	20.999.999	-
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	169.784.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	-	210.000
Phải trả khác	418.866.532.061	918.866.532.061
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	417.747.535.419	917.747.535.419
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.118.996.642	1.118.996.642
Phải trả nhà cung cấp	4.424.405.529.589	2.594.580.287.859
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.312.597.339.874	1.609.255.896.269
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02)	554.636.600.253	6.259.767.346
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	399.675.916.105	182.290.913.316
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	55.163.357.638	43.219.314.053
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	28.575.570.361	32.499.527.559
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	25.706.253.206	124.501.852.281
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	14.448.495.721	16.741.552.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp (tt)		
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	9.944.404.036	2.080.680.297
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí, Công ty Cổ phần	7.717.677.751	8.672.156.598
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	6.071.927.575	7.175.049.200
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung Viện Dầu khí Việt Nam	4.480.897.901	4.480.897.901
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	2.094.499.000	1.203.851.789
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	1.159.499.193	-
Trường Cao đẳng Dầu khí	567.790.000	3.546.447.657
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	957.372.750	637.496.073
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	150.142.680	799.414.808
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	457.785.545	198.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Lô 05.1a	-	344.119.111.337
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	-	97.851.806.508
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC PVOil Singapore Pte. Ltd.	-	35.374.700.945
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	24.321.120.757
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	-	19.286.303.658
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	-	17.893.200.179
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	5.424.580.107
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	-	5.025.410.215
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	626.370.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	556.886.002
	-	537.980.400



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Theo điều khoản của các Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ký giữa Công ty (bên A) và các đầu mối (bên B) như Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVOil), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petro-limex), Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)...., trong năm 2021, bên A cung cấp cho bên B các sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với giá bán theo điều kiện FOB/FCA Dung Quất, LPG theo điều kiện CIF được xác định trên cơ sở giá tham chiếu quốc tế cộng thêm phụ phí thị trường và các khoản thuế nộp vào Ngân sách Nhà nước (nếu có) đảm bảo cạnh tranh với thị trường.

Cam kết đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Theo Quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 8,5 triệu tấn/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.813.470.000 USD với cơ cấu vốn của chủ sở hữu/vốn vay tối thiểu là 30/70. Thời gian thực hiện dự án là 78 tháng kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu (ITB) lựa chọn nhà thầu thiết kế tổng thể (FEED). Theo Nghị quyết số 1144/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt thiết kế FEED và dự toán của dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã hủy gói thầu EPC do không lựa chọn được nhà thầu và đang tiến hành lựa chọn phương án đầu tư dự án phù hợp.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 111.459.342.838 VND (năm 2020: 38.695.714.116 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, và đã bao gồm 533.509.547.749 VND (năm 2020: 533.509.547.749 VND), là số tiền ứng trước cho đến bù và giải phóng mặt bằng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả, phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

37. SỰ KIỆN KHÁC

Trong năm 2021, các ngân hàng cấp tín dụng cho BSR-BF bao gồm Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã khởi kiện BSR-BF lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán và biện pháp thu hồi nợ, lãi vay hợp đồng tín dụng xây dựng Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Dung Quất với tổng giá trị nợ gốc và lãi vay là khoảng 1.371,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 1.339,3 tỷ VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị ghi sổ còn lại của toàn bộ tài sản cố định hữu hình dùng làm thế chấp cho các khoản vay trên là khoảng 1.217,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 1.290,9 tỷ VND). Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử vụ kiện trên.

Trong năm 2021 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các đợt bùng phát dịch COVID - 19 vẫn đang diễn ra tại Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, tiếp tục tạo nhiều thách thức cho các ngành công nghiệp cũng như xã hội. Công ty đã đánh giá tác động tổng thể tình hình dịch bệnh đối với toàn bộ hoạt động của Công ty, đồng thời thực hiện tất cả các biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với nhân viên và các hoạt động của Công ty. Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến dịch bệnh để có thể ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp.



Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu



Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022





CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HOÁ DẦU BÌNH SƠN

Số 208 Đại lộ Hùng Vương, P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

0255 3825 825

www.bsr.com.vn

